

DC194
C110T

CHẤT TIỀN

10 NĂM
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



- 1/ TRỤ SỞ HĐND-UBND HUYỆN CÁT TIỀN (ẢNH Đ A N)
- 2/ TRỤ SỞ HUYỆN ỦY HUYỆN CÁT TIỀN (ẢNH Đ A N)
- 3/ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN CÁT TIỀN LẦN THỨ 1 (ẢNH T L)
- 4/ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN CÁT TIỀN LẦN THỨ 2 (ẢNH T L)
- 5/ ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN CÁT TIỀN LẦN THỨ 3 (ẢNH T L)

CHẾ BẢN & IN TẠI ITAXA * GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ 24/GPXB DO SỞ VH-TT LÂM ĐỒNG CẤP NGÀY 19/9/1996. * IN XONG VÀ NỘP LƯU CHIẾU THÁNG 10/1996

ĐẶC SAN CÁT TIỀN

10 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Chịu trách nhiệm xuất bản :
TRẦN ĐÌNH NHƯNG
- Hội đồng biên tập :
NGUYỄN VĂN THÀNH
TRẦN ĐÌNH NHƯNG
TÔ VĂN QUANG
LƯƠNG VĂN HỒ
- Thực hiện :
LƯƠNG THÁI BIỂU
ĐÌNH THỊ NGÀ
- Mỹ thuật :
BUI KIM ANH * KIM SƠN

BIÊN 1 : THÔNGIỆP CỦA QUÁ KHỨ (ẢNH CHỤP NHỮNG LÁ VÀNG PHÁT HIỆN TẠI DI TÍCH CÁT TIỀN)



CÁI 7 79 EM

10 NĂM
HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP
TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG AN PHẠM BIA PHƯƠNG

DC 2357 2ND

Thư viện tỉnh Lâm Đồng

DC. 66





THƯ CHỨC MỪNG

ĐỒNG BÀO, CÁN BỘ, CHIẾN SĨ HUYỆN CÁT TIÊN THÂN MẾN

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Huyện, thay mặt Tỉnh ủy - HĐND - UBND Tỉnh, tôi xin gửi tới toàn thể đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Huyện Cát Tiên lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Cát Tiên, một vùng đất ác liệt và anh dũng trong kháng chiến chống Mỹ, những năm hòa bình vẫn còn nhiều khó khăn, gian khổ. Song 10 năm qua, từ ngày thành lập Huyện với sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong Huyện, Cát Tiên đã từng bước đi lên vượt qua nghèo khó, đạt nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh Lâm Đồng hết sức vui mừng ghi nhận và biểu dương những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân Cát Tiên gặt hái được trong 10 năm qua và luôn tin tưởng rằng với truyền thống tốt đẹp sẵn có, cùng với tiềm năng và nguồn lực đáng quý của Huyện nhà, toàn thể đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Huyện Cát Tiên đoàn kết một lòng, phấn đấu vượt qua khó khăn tích cực thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, chắc chắn sẽ xây dựng Cát Tiên trở thành một Huyện giàu mạnh, văn minh trong một tương lai không xa, để góp phần xứng đáng cùng Đảng bộ và nhân dân Lâm Đồng đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Tỉnh ta, theo đường lối Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội VI Đảng bộ Tỉnh sớm thành công.

Thân ái.

NGUYỄN ANH MINH

Ủy viên Trung ương Đảng

Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch HĐND tỉnh Lâm Đồng

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 1986

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN ĐẠ HUOAI THUỘC TỈNH LÂM ĐỒNG

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 18 tháng 12 năm 1980;

Căn cứ điều 16 của Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ quyết định số 64 B/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12 tháng 9 năm 1981;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Ban tổ chức của Chính phủ;

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Chia huyện Đạ Huoai thành 3 huyện lấy tên là huyện Đạ Huoai, huyện Đạ Tẻh, huyện Cát Tiên.

a) Huyện Đạ Huoai có hai thị trấn: Madaguôi, Đạ M'ri và 7 xã: Đạ P' lo, Đoàn Kết, Đạ M'ri, Hà Lâm, Madaguôi, Đạ Oai, Đạ Tồn với diện tích tự nhiên 58.270 ha và 13.250 nhân khẩu.

Địa giới huyện Đạ Huoai

Phía Đông giáp huyện Bảo Lộc; phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai; phía Nam giáp tỉnh Thuận Hải; phía Bắc giáp huyện Đạ Tẻh.

b) Huyện Đạ Tẻh có thị trấn Đạ Tẻh và 9 xã: Đạ Kho, Triệu Hải, Quảng Trị, Hà Đông, Mỹ Đức, Quốc Oai, An Nhơn, Đạ Lây, Hương Lâm với diện tích tự nhiên 47.330 ha và 23.314 nhân khẩu.

Địa giới huyện Đạ Tẻh

Phía Đông giáp huyện Bảo Lộc và huyện Đạ Huoai; phía Tây giáp huyện Cát Tiên; phía Nam giáp huyện Đạ Huoai; phía Bắc giáp huyện Bảo Lộc.

c) Huyện Cát Tiên có thị trấn Đồng Nai và 10 xã: Quảng Ngãi, Tư Nghĩa, Mỹ Lâm, Phú Mỹ, Đức Phổ, Nam Ninh, Gia Viễn, Tiên Hoàng, Phước Cát 1, Phước Cát 2 với diện tích tự nhiên 35.900 ha và 24.700 nhân khẩu.

Địa giới huyện Cát Tiên:

Phía Đông giáp huyện Đạ Tẻh; phía Tây và phía Nam giáp tỉnh Đồng Nai; phía Bắc giáp tỉnh Sông Bé.

ĐIỀU 2: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Ban tổ chức của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đã ký: **Tổ Hữu**

BÚT TÍCH CỦA CỔ VẤN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG PHẠM VĂN ĐỒNG
(NGUYỄN THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ), NHÂN DỊP CỔ VẤN VỀ THĂM HUYỆN CÁT TIÊN
NGÀY 27/7/1983

Thân ái chào mừng bác
Đồng chí' lời chúc mừng
hết đẹp nhất; phần đầu
làm cho vùng này trở thành
một vùng giàu đẹp bác nhớ
của sự Kau đồng và của
cả nước Việt nam thân yêu
củ ch' ta
27-7-1983 *Phạm Văn Đồng*

**ĐỒNG CHÍ NGUYỄN HOÀI BẢO
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Dầu tư cho **Cát Tiên** **không** **chỉ là** **trách nhiệm mà** **còn là sự đền ơn đáp nghĩa** **đồng bào**



■ UÔNG THÀI BIẾU

Thực hiện

KHÔNG PHẢI LÀ MỘT CUỘC PHÒNG VẤN MÀ LÀ MỘT BUỔI TRÒ CHUYỆN CHÂN TÌNH VÀ CỞI MỞ. ĐỒNG CHÍ CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐÃ MỞ ĐẦU CÂU CHUYỆN KHI CHÚNG TÔI ĐẶT VẤN ĐỀ VỚI NHỮNG NỘI DUNG TRAO ĐỔI: "CÁC BẠN ĐÃ TẠO CHO MÌNH MỘT CƠ HỘI ĐỂ MÌNH GẶN TIẾP NÓI CHUYỆN VỚI CÁN BỘ, ĐỒNG BÀO CÁT TIÊN". VÀ THÊ LÀ CÂU CHUYỆN BẮT ĐẦU:

• Từ một vùng căn cứ kháng chiến, một vùng KTM sau hòa bình, hôm nay Cát Tiên đã có lịch sử 10 năm kể từ ngày thành lập Huyện (1987). Từ điểm mốc này, với tư

cách là Chủ tịch UBND tỉnh xin Chủ tịch cho một vài nhận định về huyện Cát Tiên.

- Chủ tịch Nguyễn Hoài Bảo:
Trong 11 huyện, thành Lâm Đồng,

Cát Tiên và Lạc Dương là hai huyện cuối cùng xa xôi, cách QL 20 trên 60km và cũng là hai huyện khó khăn nhất tỉnh. Nếu Lạc Dương là huyện có 97% đồng bào dân tộc thì Cát Tiên có 90% đồng bào KTM. Đây là vùng căn cứ kháng chiến của Khu 6 gian lao mà anh dũng...

Kể từ khi thành lập đến nay, phải nói rằng, Cát Tiên hết sức khó khăn, và hiện nay Cát Tiên cũng là một trong những huyện còn nhiều vấn đề phải tập trung xây dựng mà nổi lên là hệ thống giao thông từ QL 20 vào huyện. Tuy nhiên, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn song 10 năm qua huyện Cát Tiên đã có một bước phát triển mới. Chặng đường 10 năm chưa phải là dài nhưng những gì đổi thay của Cát Tiên là hết sức tự hào.

• *Vâng, đó là điều khẳng định hết sức đúng đắn và khách quan. Chủ tịch có thể phân tích rõ hơn về vị trí, tiềm năng, thế mạnh của huyện Cát Tiên nằm trong hoàn cảnh chung toàn tỉnh Lâm Đồng?*

- *Chủ tịch Nguyễn Hoài Bảo:* Cát Tiên là một huyện được xác định là vùng trọng điểm cây lương thực của Tỉnh. Nếu vấn đề thủy lợi của Cát Tiên được xây dựng như kế hoạch đã làm việc giữa Tỉnh và Bộ Thủy lợi thì nay mai diện tích lúa 2 vụ, thậm chí 3 vụ của Cát Tiên có thể lên đến 3.000 ha. Đồng thời, Cát

Tiên là vùng nguyên liệu tre nứa rất dồi dào, như Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã chỉ đạo, là nơi cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy giấy Tân Mai và xí nghiệp bột giấy của tỉnh. Cây điều ở vùng đất này cũng tăng nhanh, hiện đã có khoảng 2000 ha, đây là một cây công nghiệp nhưng đồng thời đã góp phần chống xói mòn, lở đất...

Nói đến Cát Tiên là phải nói đến rừng cấm Cát Tiên với hệ sinh học đa dạng, phong phú và đặc biệt nơi đây còn tồn tại loài tê giác Java quý hiếm. Các nhà khảo cổ cũng đã phát hiện ra quần thể di tích Thánh địa Phù Nam suốt dọc thượng nguồn sông Đồng Nai thuộc huyện Cát Tiên. Như vậy, tương lai cùng với sự phát triển nông nghiệp, công nghiệp, Cát Tiên còn có một tiềm năng to lớn về du lịch sinh thái và văn hóa mà nhiều nơi khác không thể có.

Tôi tin rằng, trong tương lai không xa huyện Cát Tiên sẽ khai thác tốt những tiềm năng sẵn có của mình.

• *Thưa đồng chí Chủ tịch, theo đồng chí, để tiến kịp sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước bắt đầu từ điểm mốc hôm nay huyện Cát Tiên cần có những kế sách gì?*

- *Chủ tịch Nguyễn Hoài Bảo:* Trước hết phải hiệu CNH - HĐH ở Cát Tiên là CNH - HĐH vùng cây

lượng thực và cây công nghiệp ngắn ngày. Như vậy, vấn đề chính là phải đưa KHKT vào sản xuất, phải tạo ra được nhiều giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt. Bên cạnh đó, đường điện đã được kéo vào Cát Tiên, đó là cơ sở tiền đề ban đầu để từ đây có thể xây dựng công nghiệp địa phương, chủ yếu là chế biến bột giấy và chế biến thô sơ hạt điều.

Nhưng việc trước mắt phải làm là hệ thống thủy lợi tưới tiêu của Cát Tiên. Hiện nay, thủy lợi Cát Tiên mới chỉ đáp ứng được 5% diện tích. Chúng tôi dự kiến sắp tới sẽ đầu tư vào dự án thủy lợi Cát Tiên khoảng 20 tỷ đồng, theo sự thống nhất giữa Tỉnh và Bộ NN-PTNT. Bên cạnh đó là vấn đề giao thông. Chúng tôi đã kiến nghị cùng Bộ Giao thông - Vận tải là sẽ cố gắng nâng cấp nhanh chóng Tỉnh lộ 721, nối thông QL20 với Cát Tiên, qua Sông Bé và bắt vào QL14. Năm 1996 này đã làm được những đoạn lầy lội nhất và đây là năm đầu tiên sau ngày thành lập huyện đường vào Cát Tiên vẫn thông suốt vào mùa mưa...

● **Chủ tịch cho biết thêm: Tỉnh và TW đã đầu tư vào Cát Tiên ở những lĩnh vực gì và hiệu quả của việc đầu tư?**

- **Chủ tịch Nguyễn Hoài Bảo:** Phải nói thẳng với nhau một điểm là trước đây cũng biết Cát Tiên là

huyện khó khăn và tỉnh cũng đã quan tâm đầu tư nhiều nhưng không có bài bản cụ thể nên hiệu quả không cao. VD: Số tiền hàng năm ném vào sửa đường cho Cát Tiên đã tốn nhiều tỷ đồng nhưng vì chúng ta không có kế hoạch thật sát sao nên sau một mùa mưa đường lại trở về trạng thái cũ.

Trong các dự án phát triển các vùng dân tộc trọng điểm (ở Lâm Đồng có 128 xã, phường thì có 81 xã có đồng bào dân tộc, trong đó 27 xã tỉ lệ đồng bào dân tộc tới 95-99%), tỉnh quan tâm tới thôn 5 - Cát Tiên, vùng đồng bào dân tộc ở cách huyện lỵ 19km. Đời sống đồng bào ở đây hết sức khó khăn, nhưng đất và các điều kiện khác ở thôn 5 rất phù hợp với việc phát triển cây điều. Dự án thôn 5 bước đầu đã có kết quả.

Và, như trên đã nói, đường điện đã kéo vào và Cát Tiên đã hòa trong lưới điện toàn tỉnh. Tiếp theo sẽ là con đường và hệ thống thủy lợi....

Chúng tôi hết sức quan tâm đến Cát Tiên, bởi vì chỉ có thể phát triển kinh tế, hoàn thiện mạng lưới giao thông, thủy lợi, xây dựng CSVC hạ tầng khác và thúc đẩy sự phát triển văn hóa - xã hội thì nhân dân mới an tâm sinh sống ở đây. Chúng tôi còn nhận thức rằng, đầu tư cho Cát Tiên không chỉ là trách nhiệm của Đảng và Chính quyền mà còn là sự đền ơn đáp nghĩa với đồng bào, với vùng đất

đã đóng góp máu xương và công sức cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

● *Nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập huyện, đồng chí có lời nhắn gửi gì tới đồng bào và cán bộ Cát Tiên?*

- *Chủ tịch Nguyễn Hoài Bảo:* Cát Tiên dù là huyện mới thành lập, nhưng sự phát triển đã được khẳng định. Với truyền thống bất khuất, anh dũng của khu 6 anh hùng, với tinh thần cần cù, chịu khó của nhân dân mọi miền đất nước tụ hội và được sự đầu tư đúng mức của Nhà nước cùng với những tiềm năng sẵn có, nhất định huyện Cát Tiên sẽ vươn lên

trong một tương lai không xa ...

Cố nhiên, để làm được điều đó thì tiên quyết là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và phát huy sức mạnh của các tổ chức đoàn thể. Từ đó, cụ thể hóa những nội dung của NQ Đại hội VIII ĐCSVN, NQ Đại hội VI Đảng bộ Lâm Đồng vào thực tiễn cuộc sống. Từ đó, hội nhập tất cả các tiềm năng, thế mạnh tạo nên một sức bật mới đưa Cát Tiên vươn nhanh, tiến kịp với các huyện khác trong tỉnh Lâm Đồng.

● *Xin cảm ơn đồng chí Chủ tịch!*

■ **U.T.B.**



Cảnh đồng lúa ba vụ.

ĐẢNG BỘ CÁT TIÊN 10 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

■ **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Bí thư huyện ủy Cát Tiên

10 năm qua, nền kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân huyện nhà có bước phát triển và ngày càng đi dần vào thế ổn định. Tổng sản phẩm xã hội qua từng năm đều tăng, cơ cấu kinh tế đang chuyển biến theo hướng tích cực tạo tiền đề cho quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa. Có được kết quả đó là do Đảng bộ huyện đã nâng cao năng lực qua việc triển khai và cụ thể hóa đường lối của Đảng, Nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương...

Sau 2 năm thành lập huyện, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ nhất đã được tổ chức trọng thể tại Phù Mỹ. Trong 2 ngày 2-3/5/1989 đại hội đánh giá tình hình Đảng bộ sau 2 năm thành lập huyện. Thông qua nghị quyết và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 2 năm 1989-1990. Đại hội đã bầu Ban chấp hành mới gồm 22 ủy viên. 5 đ/c được bầu vào thường vụ: Nguyễn Văn Thành - Trần Đình Nhung - Tô Văn Quang - Lê Dừa - K' Khương. Qua 2 năm thực hiện nghị quyết Đại Hội, Đảng Bộ và nhân dân Cát Tiên đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, trên cơ sở xác định được cơ cấu kinh tế phù hợp, nền kinh tế phát triển khá,

xây dựng kết cấu hạ tầng được chú trọng, đời sống nhân dân từng bước ổn định và tích lũy. Nhiều lĩnh vực xã hội có chuyển biến tích cực, an ninh chính trị được giữ vững. Đây cũng là giai đoạn kinh tế phát triển chưa đồng bộ, đầu tư vào kinh tế thấp, việc quy hoạch điều tra thổ nhưỡng chưa vững chắc, hiệu quả sản xuất lương thực còn hạn chế. Giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức độ cao. Chất lượng giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân tuy có chuyển biến song còn hạn chế so với yêu cầu. Đời sống của một bộ phận nhân dân chưa được ổn định, nhất là đồng bào dân tộc tại chỗ. Thử thách đó càng nâng cao năng lực lãnh đạo



Lễ hội. Ảnh: Viết Trọng

của tổ chức Đảng, hiệu lực quản lý nhà nước từ huyện đến cơ sở có chuyển biến. Vai trò của đoàn thể quần chúng, mặt trận được phát huy. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng được củng cố. Từng bước hình thành cơ cấu nông - lâm - nghiệp gắn với tiểu thủ công nghiệp, chế biến. Bố trí cây, con hợp lý, đảm bảo vững chắc nhu cầu lương thực, thực phẩm trên địa bàn huyện, mở rộng sản xuất hàng hóa. Xây dựng cơ cấu hạ tầng đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống vào sản xuất của nhân dân đó là tinh thần của nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cát Tiên lần thứ 2 được tiến hành từ ngày 18 đến 20/10/1991. Đại hội đã bầu 21 đ/c vào BCH. 7 đ/c được bầu vào thường vụ: Nguyễn

Văn Thành - Trần Đình Nhung - Nguyễn Ngọc Tuấn - Tô Văn Quang - Nguyễn Xuân Tùng - Lê Giáp Phương - Nguyễn Thành Đường.

Nhằm đánh giá một cách toàn diện những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã đạt được sau 10 năm thành lập huyện, Đại Hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III được tiến hành từ ngày 16 - 18/03/1996. Đại hội đã thông qua NQ về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 1996 - 2000. Trong đó mục tiêu của Đảng bộ và nhân dân Cát Tiên là "Tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, với cơ cấu phát triển kinh tế: Nông - Lâm - Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Trong đó then chốt vẫn là phát

triển nông nghiệp. Phát huy các thế mạnh của các thành phần kinh tế, động viên nhân dân tập trung khai thác tốt mọi nguồn lực để phát triển sản xuất nông - lâm - ngư - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp chế biến và mở rộng đa dạng hóa các dịch vụ thương nghiệp. Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, tiếp tục ổn định đời sống tạo tích lũy khá trong nội bộ nhân dân. Tranh thủ mọi nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng tạo tiền đề phát triển khá sau những năm sau 2000. Hoàn thành cơ bản ĐCĐC cho đồng bào dân tộc giữ vững an ninh quốc phòng và tăng cường hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh và có hiệu lực". Đại hội đã bầu 27 đ/c vào BCH. Các đ/c Trần Đình Nhung - Nguyễn Văn Thành, Tô Văn Quang - Võ Thành Bảo - Vũ Thị Cúc - Lê Giáp Phương - Nguyễn Văn

Kiện - Nguyễn Xuân Tùng - Võ Bình Nguyên được bầu vào ban thường vụ Huyện ủy.

Qua 3 kỳ đại hội, Đảng bộ Cát Tiên đã nâng cao năng lực hệ thống chính trị, quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phục vụ cho quá trình đổi mới nền kinh tế.

Để nâng cao năng lực hoạt động của cơ quan quyền lực địa phương - Cát Tiên đã biến các cuộc bầu cử HĐND các cấp thành những cuộc sinh hoạt chính trị sâu rộng, đảm bảo quyền làm chủ tập thể, qua đó cử tri thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình, sáng suốt lựa chọn đại biểu xứng đáng vào các cơ quan quyền lực. Quá trình hoạt động của các cơ quan đã phát huy được quyền lực của cơ quan dân cử, không ngừng đổi



Trên cánh đồng lúa. Ảnh: T.L.

mới nội dung và nâng cao chất lượng các kỳ họp trên cơ sở vận dụng sáng tạo đường lối nghị quyết đại hội Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể ở Cát Tiên. Đồng thời nhanh nhạy đề ra các nghị quyết, chương trình biện pháp khả thi đáp ứng nhu cầu bức xúc mà sản xuất và đời sống đặt ra. Hoạt động của HĐND có sự kết hợp chặt chẽ với MTTQ và các thành viên để cùng chăm lo và bảo vệ lợi ích của nhân dân, vận động đồng bào tham gia quản lý nhà nước, thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước. Hoạt động của các Ban chấp hành, cơ quan hành chính nhà nước luôn kịp thời cụ thể hóa, thể chế hóa các kế hoạch định hướng của cấp trên và nghị quyết của HĐND thành các chương trình kế hoạch phát triển kinh tế XH. Đồng thời chỉ đạo điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch đó. Do chú trọng và nâng cao năng lực hệ thống chính trị như vậy nên đồng bào các dân tộc trong huyện đã tích cực tham gia, giám sát, bảo vệ chính quyền, tham gia công tác quản lý xã hội, thực hiện tốt việc giãn dân, ĐCĐC chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trồng cây công nghiệp và làm ruộng hưởng ứng phong trào sản xuất giỏi. 10 năm qua, Đảng bộ Cát Tiên đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng, thực hiện NQTW III về đổi mới, chỉnh

đốn Đảng, Đảng bộ Cát Tiên tăng cường công tác lãnh đạo chính trị tư tưởng, tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng đường lối ĐH VI - VII - VIII của Đảng và NQ BCHTW, tập trung thực hiện các nghị quyết của Tỉnh Ủy. Trước hết, trên cơ sở đổi mới công tác đánh giá cán bộ - lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị là thước đo phẩm chất, năng lực, Đảng bộ tiến hành sắp xếp, kiện toàn bộ máy, ổn định biên chế các Ban Đảng, đoàn thể và các tổ chức cơ sở Đảng. Với phương châm dân chủ hóa công tác cán bộ bằng những qui định cụ thể, đảm bảo tính tập thể trong việc đề bạt, cất nhắc, bổ nhiệm đã chặn chính một bước công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong các cơ quan Đảng, chính quyền. Đảng bộ cũng tăng cường cơ cấu cán bộ được rèn luyện thử thách qua hoạt động thực tiễn trường thành từ cơ sở và cán bộ là người dân và dân tộc tại chỗ. 10 năm qua, huyện Đảng bộ quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cả về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Đảng viên.

Với 26 cơ sở Đảng trực thuộc huyện ủy và 545 Đảng viên chung đoàn kết phát huy những mặt mạnh trên là tiền đề để đến năm 2000 Cát Tiên sẽ đạt những mục tiêu NQĐH Đảng bộ huyện lần thứ III đã đề ra. ■

CÁT TIÊN

Trên đường phát triển

■ **TRẦN ĐÌNH NHUNG**

Chủ tịch UBND huyện Cát Tiên

Công cuộc xây dựng kinh tế - xã hội của Đảng bộ và nhân dân huyện Cát Tiên mở đầu từ năm 1987 đã trải qua 10 năm. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng và sự giúp đỡ tận tình của các sở, ban, ngành UBND tỉnh, từ đó đến nay, nền kinh tế - xã hội của huyện đã có sự biến đổi sâu sắc trước thách thức to lớn và gay gắt của cơ chế thị trường.

Biện pháp hữu hiệu và thách thức mới về tổ chức quản lý để Cát Tiên trở thành một vùng kinh tế năng động và phát triển đúng định hướng XHCN. Cát Tiên đang cố gắng thực hiện quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thông qua tổ chức lại sản xuất, công nghiệp hóa nông thôn với cơ cấu: Nông - Lâm - Công nghiệp và Dịch vụ thương nghiệp. Trong đó then chốt vẫn là phát triển nông nghiệp.

Coi chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là cốt lõi của sự tăng trưởng kinh tế, Cát Tiên đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất cây trồng đi đôi với việc tăng vụ và chuyên vụ một cách hợp lý. Tuy nhiên, 10 năm qua, cây trồng Cát Tiên phát triển chủ yếu

nhờ thiên nhiên. Đến nay, tổng đầu tư cho công trình thủy lợi nhỏ là 1,3 tỷ đồng, toàn huyện chỉ có 300 ha được chủ động tưới nước (đạt 5,5 DT canh tác). Đến nay, mới có 2000 ha được sử dụng giống mới, đạt 36% diện tích canh tác. Nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản lượng kinh tế; công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng nhỏ đó là nguyên nhân làm cho Cát Tiên còn nằm trong tình trạng lạc hậu, đời sống thấp kém. Hướng tới với giải pháp trung tâm là tạo mọi điều kiện giúp cho trồng trọt và chăn nuôi phát triển sản phẩm sản xuất ra là hàng hóa. Phân đấu đến năm 2000 chủ động nước tưới cho trên 1000 ha lúa đông xuân. Thay đổi bộ giống năng suất cao. Điều tra nông hóa thổ nhưỡng, ưu tiên phát triển đàn trâu, bò, heo, cá...

Cát Tiên với tiềm năng lâm nghiệp lớn và đặc sản rừng còn nhiều ở 10569 ha rừng trong khu bảo tồn thiên nhiên Cát Lộc tương lai và 8084 ha rừng. Cát Tiên đã và đang tập trung trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và khai thác lâm sản phụ. Đặc biệt, Cát Tiên đã trồng 1000 ha điều để phủ xanh đất trống, đồi núi

trợ, nhằm khôi phục và phát triển vốn rừng.

Tiến tới sản xuất công nghiệp và Dịch vụ thương nghiệp theo định hướng XHCN. Để Cát Tiên bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nhu cầu bức thiết là tăng trưởng kinh tế - Cát Tiên động viên nhân dân tập trung khai thác và sử dụng tốt mọi nguồn lực để phát triển sản xuất. Với định hướng tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông sản (sơ chế, tinh chế). Mở rộng đa dạng các dịch vụ thương nghiệp, ưu tiên sản phẩm sản xuất ra là hàng hóa, tạo điều kiện hòa nhập với thị trường chung khu vực. Cùng cố và nâng cấp cơ sở hạ tầng: Điện (Cát Tiên đã được hòa mạng lưới điện quốc gia), giao thông, vật liệu xây dựng, sản xuất và sửa chữa công cụ lao động... Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng ở nông thôn. Mở rộng mạng lưới cung ứng vật tư hàng tiêu dùng, tiêu thụ nông sản phẩm (thông qua các chợ, cửa hàng, đại lý, phương tiện giao thông), Bưu điện, xây dựng cơ bản và phát triển du lịch...

Chỉ tính 5 năm (1990-95) Cát Tiên đã được đầu tư 35,3 tỷ đồng cho xây dựng cơ bản. Đã quy hoạch trung tâm huyện và thị tứ Phước Cát I. Hướng tới hoàn tất quy hoạch tổng thể huyện để có điều kiện đầu tư phát triển xây dựng cơ bản, giao thông, thủy lợi, điều tra thổ nhưỡng tạo tiền đề cho sản xuất và kinh doanh phát triển không bị động.

Trong 10 năm, Cát Tiên đã khép kín hệ thống giao thông toàn huyện với 281 km đường tỉnh - huyện - giao

thông nông thôn, 24 cầu, 200 cống... với 5,2 km đường nhựa 25 km đường cấp phối. Tuy vậy, giao thông luôn ách tắc trong mùa mưa, gây khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Quản lý chặt chẽ và khai thác đất đai có hiệu quả, sử dụng mọi tiềm năng đất đai, khí hậu, cơ sở vật chất, kỹ thuật và sức lao động, khai thác tối đa lợi thế của các vùng: vùng cây CN (thôn 3-4-5) dân tộc và cây CN - lương thực (Đức Phổ, Phước Cát I, Phước Cát II); vùng sản xuất lương thực - Cây CN (Gia Viên, Nam Ninh, Mỹ Lâm, Tiên Hoàng); vùng phát triển dịch vụ và sản xuất lương thực (Đồng Nai, Phú Mỹ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi)... công tác quy hoạch đất đang được củng cố để nông dân thực sự làm chủ trên mảnh đất của mình.

Với quan điểm "gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội" (NQHĐND khóa II) - Nhận thức nguồn lực lớn nhất quyết định cho sự phát triển của huyện nhà là yếu tố con người, 10 năm qua ngành giáo dục Cát Tiên đã phát triển nhanh cả về quy mô trường lớp và cả về số lượng, chất lượng.

Song song với sự nghiệp giáo dục, Cát Tiên phát triển sự nghiệp y tế trong bối cảnh y tế phải đương đầu với những thách thức: đầu tư cho y tế không cao nhưng mô hình bệnh tật biến động; đặc biệt là các bệnh dịch luôn phát triển. Cát Tiên đã xây dựng Bệnh viện huyện và 7 trạm xá xã, sẽ tiếp tục củng cố hệ thống y tế hoàn chỉnh từ buôn - thôn - xã, từng bước

hàng cấp trang thiết bị và hoạt động của trạm y tế xã, nhằm cải thiện sức khỏe của nhân dân.

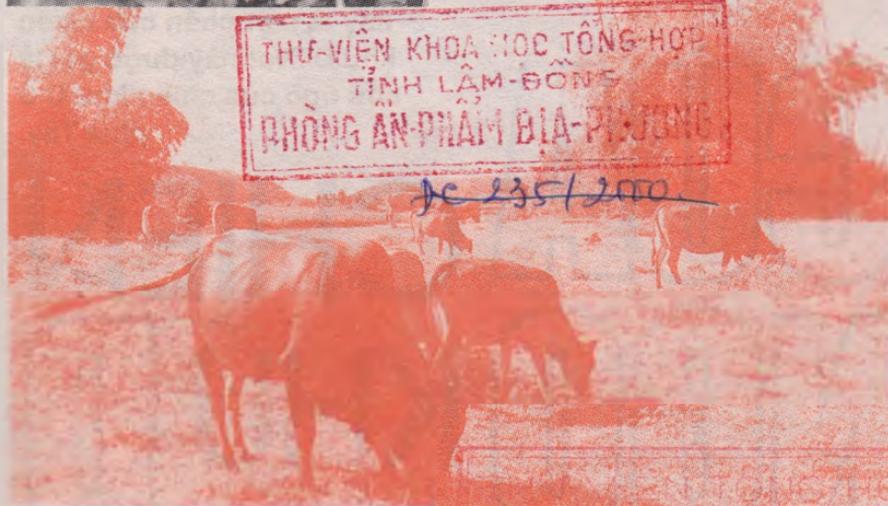
Để nâng cao văn hóa tinh thần cho

nhân dân, Đài truyền hình huyện được đầu tư về trang thiết bị, hệ thống thu phát... Duy trì thường xuyên chương trình FM. Đồng thời lập một thư viện với 2000 đầu sách. Hướng tới thành lập đội thông tin - văn nghệ - thể thao, mở sân vận động và xây dựng khu Trung tâm văn hóa huyện...

Trên đường phát triển, 10 năm nhìn lại bộ mặt huyện nhà đã có nhiều khởi sắc. Nhưng thẳng thắn nhìn nhận, đời sống KT-XH Cát Tiên vẫn còn rất nhiều khó khăn, thử thách đòi hỏi sự nhiệt tình phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân. Với các yếu tố "thiên thời - địa lợi - nhân hòa" với sự đoàn kết, quyết tâm cao, hy vọng rằng chúng ta sẽ vượt qua khó khăn, xây dựng huyện nhà phát triển tiến tới văn minh, hiện đại trong một tương lai không xa.

■ T.B.N

Được mùa cà phê. Ảnh: Hoàng Tiến Dũng



Bình yên Cát Tiên. Ảnh: Kim Anh

Trong kháng chiến chống Pháp, vùng đất Cát Tiên, Đạ Tẻh và Lộc Bắc là khu tự do của hai dân tộc Mạ và Stiêng. Ở đây, Pháp không với tay tới, với cộng sản, nó là "vùng trắng". Về phía ta, mãi đến tháng 4.1950 mới tổ chức được một lực lượng vũ trang bao gồm 21 đồng chí, và sau đó phát triển thêm được 16 khu. Nhưng, địch biết được việc làm này nên đã chặn đánh, làm quân ta tiêu hao đáng kể. Đó là vào tháng 7.1950: Lực lượng vũ trang của ta đi về phía Nam đã bị phục kích. Kể từ đó đến năm 1954, lực lượng cách mạng ở Cát Tiên thuộc vùng Nam Tây Nguyên bị mất hẳn liên lạc với cấp trên. Mãi đến cuối năm 1959, trên địa bàn hai huyện Bảo Lộc và Di Linh, một đội công tác của

ta do đồng chí Nguyễn Xuân Du bắt đầu xây dựng lại vùng căn cứ cũ ở hai xã Chí Lai và Mang Yên. Đây là hai căn cứ còn sót lại trong kháng chiến chống Pháp và là điểm xuất phát của lực lượng ta trong kháng chiến chống Mỹ. Từ đây, một đội công tác khác của ta ở vùng chiến khu D bắt đầu tiến hành xây dựng căn cứ trong vùng đồng bào dân tộc Mạ; sau đó phát triển đến các xã 6, 7, Học Vòng, Xi Nhan và Lũ Tôn (nay là huyện Cát Tiên và Đạ

Chiến khu D được hình thành từ thời chống Pháp bao gồm cả miền Đông Nam Bộ và một phần Nam Tây Nguyên. Trong đó, Cát Tiên, Đạ Tẻh và Lộc Bắc (Bảo Lâm) của Lâm Đồng ngày nay là một phần của chiến khu D. Nơi này được gọi là cửa ngõ của chiến khu D ở phía Tây.

CỬA NGÕ CHIẾN KHU D

Têh). Cũng trong giai đoạn này, một đội công tác khác của chiến trường Đông Nam Bộ phát triển lên phía tây, nhằm khai thông hành lang chiến lược Bắc - Nam đã tiến đến vùng đất Cát Tiên (đội công tác này do đồng chí Hồng Sơn phụ trách và Xứ ủy Nam Kỳ chỉ đạo). Khoảng cuối năm 1960, lực lượng cách mạng đã khai thông được hành lang chiến lược suốt từ Nam chí Bắc và điểm giao nhau của hậu phương là hang Ve thuộc vùng thượng lưu sông Đồng Nai.

Trên cơ sở của phong trào cách mạng các dân tộc trong tỉnh phát triển, tháng 11-1961, Trung ương Cục ra chỉ thị thống nhất ba bộ phận công tác ở

Nam Tây Nguyên thuộc cửa ngõ chiến khu D và khu 6 do các đồng chí Song, Hồng Sơn và Nguyễn Xuân Du lãnh đạo. Ngày 1-12-1961, đồng chí Chấn Liêm được Trung ương Cục miền Nam ủy nhiệm tổ chức cuộc họp tại Bù Rùm nhằm thống nhất ba lực lượng thành Tỉnh ủy Lâm Đồng. Trên cơ sở Nghị quyết Trung ương Cục (tháng 10.1961 và tháng 4.1962), Tỉnh ủy Lâm Đồng đề ra phương hướng đấu tranh trong giai đoạn trước mắt với phương châm: kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, phát động quần chúng các dân tộc nổi dậy khởi nghĩa, phá vỡ thể kìm kẹp của địch, biến vùng nông thôn, rừng núi,



Vé thăm chiến khu xưa. Ảnh: Toàn Thắng

nhất là vùng đồng bào dân tộc ít người thành vùng căn cứ, làm căn cứ cách mạng, bảo vệ an toàn hành lang chiến lược Bắc - Nam.

Sau khi nối được hành lang chiến lược Bắc - Nam, lực lượng cách mạng Lâm Đồng nói chung và vùng cửa ngõ chiến khu D ở phía Tây nói riêng đã có một bước phát triển mới. Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Cát Tiên lúc bấy giờ, các đội công tác đã có những ảnh hưởng đáng kể. Đạ Huoai lúc đó (bao gồm Cát Tiên, Đạ Tẻh và Đạ Huoai ngày nay), một đại đội huyện đã được thành lập với quân số 150 chiến sĩ do đồng chí Ma Đen chỉ huy. Đây chính là tiền thân của tiểu đoàn 140 bộ đội chủ lực tỉnh Lâm Đồng sau này.

Sau thất bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mỹ đưa ra chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" với những kế hoạch "bình định cấp tốc", "bình định đặc biệt"... nhằm giành dân, giành đất. Ở cửa ngõ chiến khu D phía Tây của ta, năm 1969, địch đem quân càn quét, đánh phá vào xã 1, xã 2, xã 7 và buôn Bờ Trú thuộc vùng căn cứ cách mạng nhưng đã thất bại. Cay cú vì thua đau, đầu năm 1970, sư đoàn "ky binh bay" hợp lực với quân ngụy mở trận càn quét có quy mô lớn vào

vùng căn cứ của ta thuộc vùng đồng bào dân tộc Mạ. Ở cuộc càn quét này của địch, vùng cửa ngõ chiến khu D của ta đã nổi tiếng nhờ chiến công vang dội của một du kích người Mạ tên là K'Vét. K'Vét đã dùng súng trường bắn rơi một chiếc máy bay và tiêu diệt toàn bộ Ban tham mưu của địch. Trong chiếc máy bay này, Trung tướng Mỹ Kisi - tư lệnh trưởng sư đoàn "Ky binh bay" - đã bỏ mạng, và cũng bởi tại chiếc máy bay này bị tiêu diệt, cuộc hành quân càn quét của Mỹ vào vùng căn cứ cách mạng đã bị bẻ gãy.

Cửa ngõ chiến khu D ở phía tây đã lớn mạnh. Năm 1975, từ cửa ngõ chiến khu D, từ khu 6 kéo vào, từ bắc Trường Sơn tràn sang, quân và dân ta đã nổi dậy tiến công tiêu diệt địch, giải phóng Đà Lạt, Bảo Lộc, Di Linh... ; yểm trợ cho quân khu 6 và Đông Nam Bộ giải phóng Phan Thiết, Bình Tuy, Xuân Lộc, Biên Hòa... Cũng từ cửa ngõ chiến khu D phía tây, các binh đoàn cơ động chủ lực của ta đã tiến công tiêu diệt địch và làm chủ hoàn toàn những căn cứ quan trọng của địch, giải phóng Sài Gòn, kết thúc thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Ngày nay, đi trên vùng đất ấy, có ai còn nhớ...?

■ T.H

XÃ ĐỒNG NAI THƯỢNG

**VÀI NÉT VỀ LỊCH XỬ XÃ ĐỒNG NAI
THƯỢNG ANH HÙNG**

Vì dân cư thưa thớt nên tháng 11-1976 huyện Bù Đăng, Sông Bé quyết định sát nhập các xã vùng căn cứ: xã 2, xã 3, xã 4, xã 5, xã 6 thành xã Đồng Nai Thượng.

Ngày 6-11 năm 1978, tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ hội đồng Nhà nước đã tặng danh hiệu anh hùng cho xã Đồng Nai Thượng.

ANH HÙNG

■ **THANH SƠN**

Năm 1982, Hội đồng Bộ Trưởng (nay là Chính phủ) giao 52.000 ha của xã 2-3-4-5-6 cũ thuộc xã Đồng Nai



Những người anh hùng xã 5 (thôn 5 bây giờ). Ảnh: T.L



Bằng công nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân do Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng ký tặng xã Đồng Nai Thượng, ngày 6-11-1978

Thượng cho tỉnh Lâm Đồng.

Với quyết định thành lập vùng kinh tế mới, huyện Đa Huoai chia vùng đất Đồng Nai Thượng ra làm ba xã: xã Phù Mỹ, xã Đồng Nai, và xã Phước Cát.

Khi Hội Đồng Bộ Trưởng có quyết định thành lập huyện Cát Tiên, tên các xã căn cứ kháng chiến cũ thuộc xứ Đồng Nai Thượng được thay đổi như sau: xã 2 cũ giữ lại tên buôn là buôn Bù Đát (nay thuộc xã Phước Cát I) và buôn Bù Khiêu (thuộc xã Phước Cát II), xã 3, xã 4, xã 5 nay đổi thành thôn 3, thôn 4, thôn 5 (thuộc thị trấn Đồng Nai). Xã 6 cũ nay là các buôn: Buôn Go (thuộc thị trấn Đồng Nai). Hai

buôn Brun (mỗi thuộc xã Gia Viễn, mỗi thuộc xã Tiên Hoàng).

Người Xiêng, người Mạ vốn là thổ dân của xứ Đồng Nai Thượng, đã ngàn đời cư trú ở dưới chân Trường Sơn nam (các buôn Bù Đát, Bù Khiêu, thôn 3 là người Xiêng, Buôn Go, Buôn Brun, Thôn 5 là người Mạ).

MẠNH ĐẤT DẤU SÓNG, NGỌN GIÓ CỦA MIỀN ĐÔNG NAM GIÀN LAO MÀ ANH DŨNG

Ngay từ trong kháng chiến chống Pháp, người Xiêng, người Mạ đã được Đảng khơi dậy tinh thần dân tộc, đoàn kết Kinh-Thượng chống giặc để giữ nương rẫy, núi rừng. Nơi đây, Đảng đã

kiên trì hám dân, dựa vào dân để tồn tại, các cơ sở Đảng của người Ma, người Xiêng đã ra đời. Người Ma, người Xiêng thực lòng tin Đảng. Chính vì vậy trong giai đoạn khó khăn nhất của cuộc kháng chiến Đảng đã xây dựng căn cứ giữa lòng dân, đất nền móng vững chắc cho việc xây dựng căn cứ địa cách mạng.

Với địa thế rừng núi hiểm trở lại nằm trong địa bàn chiến lược quan trọng, từ năm 1959, Trung ương và Xứ ủy Nam Bộ đã yêu cầu Khu ủy miền Đông cử hai đội vũ trang cắt rừng về hướng Bắc và Đông Bắc để đón đoàn cán bộ từ Bắc vào. Như vậy, con đường Bắc Nam, mà sau này gọi là đường mòn Hồ Chí Minh đã được khai thông. Đồng Nai Thượng vinh dự nằm bên cạnh con đường lịch sử ấy, là nơi đón nhận cán bộ, bộ đội, vật lực từ hậu phương lớn miền Bắc cho chiến trường Nam Bộ, Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ.

Vào những năm 1965-1975, cuộc kháng chiến trở nên cực kỳ khốc liệt, khi bọn địch quyết tâm tìm diệt bằng được lực lượng vũ trang và quyết tâm bắt sống cán bộ đầu não của ta. Vì thế xứ Đồng Nai Thượng chìm ngập dưới làn mưa bom bão đạn. Và cũng dưới làn mưa đạn đó, thổ dân xứ Đồng Nai Thượng đã sát cánh cùng lực lượng vũ trang chiến đấu bảo vệ sườn phía Đông của chiến trường B2.

Thực hiện chiến thuật quét và giữ, Mỹ - Ngụy càn quét đến đâu, đổ quân đến đó. Chúng dùng B52, máy bay thả bom chập, máy phát hiện tiếng động. Sau đó, dùng máy bay trực thăng thả quân chốt giữ. Đồng thời chúng đổ

hàng đại đội, tiểu đoàn quân Mỹ - Ngụy càn thám báo, biệt kích có máy bay yểm trợ hành quân càn quét nhằm chốt giữ các điểm căn cứ của ta. Đặc biệt ở khu rừng Bù Xa - Lơ Xiêng (xã 5 - nay là Thôn 5, xã 6 nay là buôn Brun) địch đã xây dựng các trận địa pháo nòng dài có sân bay trực thăng hỗ trợ ném bom, bắn phá, rải chất độc hóa học. Chúng tập trung đánh phá vào vùng căn cứ theo hai bên sông Đồng Nai, vào kho tàng, đường hành lang và cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Bao vây kinh tế làm cho nhà cửa, nương rẫy điêu tàn. Nhưng qua suốt hai cuộc kháng chiến chưa bao giờ Pháp và Mỹ - Ngụy tạm chiếm và kiểm soát được xứ Đồng Nai Thượng

VẪN CÒN ĐÓ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG

Rồi đây thời gian sẽ lùi dần vào quá khứ nhưng những người anh hùng của Đồng Nai Thượng anh hùng sẽ sống mãi trong ký ức của mọi người.

Vẫn còn đó một thời oanh liệt - những ngày mà xứ Đồng Nai Thượng chìm trong mưa bom, lửa đạn nhưng Trung ương Cục miền Nam, chiến khu D được người Ma, người Xiêng bảo vệ đến cùng. Các em nhỏ thì đi liên lạc, người lớn đóng góp vận tải lương thực, tham gia chiến đấu, người già giữ kho đạn, giữ lương thực. 5 chi bộ Đảng với 39 đảng viên của 5 xã căn cứ kháng chiến ngày đi chiến đấu, đêm về động viên dân không theo giặc. Đặc biệt ở xã 3 (nay là thôn 3) khi địch càn quét vào xã cả Bí thư cùng trực tiếp cầm quân đánh trả rất kiên cường. Như

đồng chí Điều Mo (bí thư xã) hy sinh thì đồng chí Điều Dố lên thay, đ/c Dố hy sinh đ/c Điều Xon lên thay, đ/c Xon hy sinh, đ/c Hơ lên thay. Trong lúc chồng chị Hơ là Điều Đài đã hy sinh chỉ vài tuần định lập trường chiến đấu. Anh Điều Bá (em ruột đ/c Mo) đã biến đau thương thành lòng căm thù giặc, anh đã bắn bị thương một máy bay trực thăng địch trong trận càn vào xã. Riêng xã 5 (thôn 5 bây giờ) có 15 người Mạ đã hy sinh trong chiến đấu, 15 người bị thương. Ngoan cường, mưu trí trong chiến đấu lập được nhiều chiến công oanh liệt nên các đ/c Điều Tư Lôi, Điều Luốt (xã 5) được chứng nhận là dũng sĩ cấp ưu tú, Điều Lôi và Điều Thị Lôi (xã 5), Điều Xung, Điều Lớ (xã 6) là dũng sĩ cấp hai (những người anh hùng này hiện đang sống ở thôn 5, buôn Brun).

Xúc động nhất phải kể đến gia đình ông Điều K'Tranh và vợ là Điều Thị Đép, một gia đình đã cho cả 4 người con trai vào bộ đội, đó là các chiến sĩ dũng cảm: Điều K'Khương, Điều K'Lợ, Điều K'Lút (bắn rơi máy bay) và Điều K'Ít. Ngoài nuôi giấu cán bộ gia đình bà Đép còn đóng góp cho cách mạng 60 chiếc tổ xà lung quý tương đương với một đàn trâu khoảng 100 con trâu. Hai lần K29 thiếu thức ăn bà Đép dắt 2 con trâu đến cho bộ đội làm thịt (ông Tranh đã mất, hiện bà Đép còn sống ở buôn Brun (xã Tiên Hoàng).

Vẫn còn đó một Điều K'Khen nguyên chủ tịch xã 4, một Điều K'Đôi nguyên chủ tịch xã 5, Điều K'Khung nguyên bí thư xã 6 và một Điều K'Gây nguyên xã đội trưởng xã 6...

■ I.S

Đọc lại một vài tư liệu liên quan đến lịch sử Lâm Đồng giai đoạn 1930-1975, chúng tôi nhận thấy có nhiều vấn đề đáng lưu tâm. Một trong những vấn đề ấy là: Nhiệm vụ đoàn kết nhân dân, đoàn kết các dân tộc của Đảng; và tinh thần, ý chí của người cộng sản. Bằng việc ghi lại kỷ niệm thời chiến qua tiếp xúc với đồng chí Nguyễn Xuân Du - người có mặt ở chiến trường Nam Tây Nguyên trong những năm đầu của cuộc chiến tranh giải phóng, chúng tôi hy vọng sẽ phần nào "giải mã" được vấn đề đáng lưu tâm đó.

KỶ SỰ THỜI CHIẾN

(Của Đồng chí Nguyễn Xuân Du -
Phái viên của TW Đảng và Chính
phủ tại miền Trung - nguyên Bí thư
Tỉnh ủy Lâm Đồng)

■ VŨ KHẮC QH

Trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, vùng Cát Tiên nói riêng và chiến khu D của Lâm Đồng (thuộc các huyện Cát Tiên, Đa Tề và Bảo Lâm ngày nay) nói chung gần như



Đồng chí Nguyễn Xuân Du thăm lại chiến khu xưa trong rừng Cát Tiên.
Ảnh: Trần Đình Nhung.

là "vùng trắng". Đây là nơi cư trú của hai dân tộc bản địa là Stiêng và Mạ. Địa thế hiểm trở, một kho lương thực dồi dào, nhưng vùng đồng bào dân tộc Cát Tiên nằm ngoài tầm kiểm soát của Pháp lẫn lực lượng cách mạng. Mãi đến đầu năm 1950, một lực lượng vũ trang tuyên truyền của ta mới được thành lập gồm 25 đồng chí. Nhưng ngay sau đó, lực lượng này đã bị Pháp đàn áp và gần như bị xóa sổ. Kể từ đó kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, vùng đất Cát Tiên lại trở về với "vùng trắng". Mãi đến những năm 60, nơi đây mới trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng. Lực lượng cách mạng phát triển mạnh mẽ, mỗi người dân (chủ yếu là đồng bào các dân tộc Mạ và Stiêng) đồng thời là một chiến sỹ. Về phía địch, chúng ráo riết dồn dân lập ấp

nhằm tranh giành ảnh hưởng với lực lượng cách mạng.

- Vì sao trong giai đoạn chống Pháp, ta ít xây dựng được căn cứ ở vùng này?

Sau một thoáng nghỉ ngơi, đồng chí Nguyễn Xuân Du nhớ lại:

- Giai đoạn này, nơi đây là "vùng trắng". Tuy nhiên, ngay lúc ta tổ chức được lực lượng, địch đã bao vây, bố siết. Điểm yếu của ta là, trong lúc đường lối, chính sách của ta chưa thâm nhập vào quần chúng nhân dân mà đã vội vàng tổ chức một lực lượng. Về phía địch, tuy không nắm được dân nhưng chúng có thế mạnh khác nên dễ dàng tiêu diệt được lực lượng đối phương còn trong trứng nước. Địch hành động tương đối thuận lợi: cắt con đường đưa muối từ lộ 20 vào vùng Cát Tiên. Mặt khác, cũng dùng muối - mặt hàng cần thiết nhất của người dân tộc tại chỗ - để treo giải thưởng: Ai bắt được một người cộng sản là được người Pháp tặng cho một bao muối.

Thời kỳ chống Mỹ ta mạnh hơn địch là nhờ bám chặt dân. Còn chính sách của Mỹ thì coi thường vấn đề miền núi và dân tộc (bởi chúng còn lo "bình định" người Kinh và lo đánh cộng sản). Do vậy, cuộc sống của những buôn làng trong giai đoạn người Mỹ "tiếp quản" cũng không có gì khác hơn so với thời thực dân Pháp. Trong lúc đó thì ta dùng chính sách ba cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng làm; đồng cam



Phụ nữ Mạ Cát Tiên hôm nay. Ảnh: Đ.T.N

cộng khổ với dân, bảo vệ buôn làng. Dân theo ta là lẽ đương nhiên. Cũng cần nói thêm rằng, về sau Mỹ - nguy khi ý thức được vấn đề miền núi và dân tộc thì lại dùng chính sách dồn dân lập ấp (như đối với người Kinh), tách họ ra khỏi núi rừng - không gian của họ đã được thiết lập muôn đời nay.

- Và một kỷ niệm thời chiến không thể quên ở vùng chiến khu này?

- Đó là chuyến đi nhằm thống nhất 3 bộ phận công tác lúc bấy giờ để thành lập Tỉnh ủy Lâm Đồng. Khoảng cuối năm 1961, Trung ương Cục miền Nam ra chỉ thị thống nhất ba bộ phận công tác do tôi và hai đồng chí Song và Hồng Sơn phụ trách. Theo kế hoạch, ngày 1-12-1961 là ngày diễn ra Đại hội thống nhất nói trên tại vùng thượng

lưu sông Đồng Nai. Đồng chí Chấn Liêm được Trung ương Cục Miền Nam ủy nhiệm tổ chức cuộc họp này tại Bờ Rum. Để kịp ngày họp, Trung ương Cục đã gửi thư hỏa tốc trước đó 5 ngày. Tức phải mất 5 ngày tôi mới đến được nơi triệu tập. Thư đến nơi, nhưng một lý do khách quan đã không đến tay tôi đúng ngày, do vậy tôi không nắm được chủ trương của Trung ương Cục. Số là, tuy thư hỏa tốc đến đúng thời gian quy định, nhưng người nhận thư hỏa tốc của chúng tôi đặt thư hỏa tốc lên trên chồng thư để chờ tôi về đọc. Khi tôi về thì lá thư nằm trên rơi vào kẽ đá. Tưởng không có gì khăn, tôi vẫn.... bình chân như vại. Ba ngày sau, anh em nhìn thấy thư hỏa tốc. Đọc xong, tôi không nghĩ rằng mình có thể

đến kịp vì chỉ còn 2 ngày, trong khi đó thì không thể không đến dự được. Vậy bằng cách nào? Tôi bảo với anh Phụng - một cán bộ của bộ phận - hãy cho tôi xem bản đồ. "Cắt đường! Bằng qua vùng địch chiếm! Đó là cách duy nhất". Tôi hạ quyết tâm. Một vài anh em can ngăn nhưng tôi đã quyết.

Ở hành trình đi tắt này, ngoài đoạn đường phải qua vùng địch chiếm, còn có một đoạn xuyên qua vùng bố phòng của anh em ta ở vùng 3 (Đạ Huoai, Đạ Tẻh và Cát Tiên ngày nay). Hơn 6 tiếng đồng hồ từ 3 giờ chiều, tôi và anh em đến được Bờ Lá sau khi đã băng qua nhiều vùng địch chiếm. Đến "biên" của chiến khu, tôi nhận ra dấu hiệu bố phòng của anh em ta, nhưng ngặt nỗi là không gặp được ai thuộc phe ta cả, trong khi đó thời gian lại quá thúc bách, nên tôi quyết định băng qua. Vẫn biết rằng rất nguy hiểm vì "rơi" vào khu vực có bố phòng của ta thì khó mà thoát. Và đúng như vậy, đầu cảnh giác cao nhưng đồng chí Bốn - một trong 5 người của đoàn - bị thương bởi một mũi tên cài tự động xuyên thẳng vào

đùi; một đồng chí khác bị chông cào xuyên thủng bàn chân. Còn tôi nhờ chiếc gùi sau lưng nên đã thoát nạn. Tôi bị bẫy treo. Chiếc bẫy treo với những cây chông nhọn hoắt cắm phập vào lưng. Chiếc gùi đã cứu tôi. Mặc dầu đã có những anh em bị thương nhưng với quyết tâm, chúng tôi đã đến được nơi triệu tập (tuy có trễ một ngày).

Người chiến sĩ cộng sản thời bấy giờ.....

- Vâng, không tính thiệt, hơn, gì cả, chỉ có chấp hành kỷ luật, chấp hành sự phân công.

Kể cho chúng tôi nghe xong một mẩu chuyện của thời chiến tranh, đồng chí Nguyễn Xuân Du bỗng hỏi: "Lúc này, nếu có một tình huống tương tự, chắc gì chúng ta đã hành động với một ý thức kỷ luật cao đến như vậy!". Chúng tôi nghĩ, những bài học về công tác dân vận và về tinh thần, ý chí của người cộng sản hoạt động ở Cát Tiên nói riêng và Lâm Đồng nói chung vẫn còn nguyên giá trị cho đến lúc này.

■ V.K



Thơ

■ TÔ VĂN QUANG

Quê Hương Cát Tiên

Chiến khu D kiên cường năm ấy
Khúc quân hành trời dậy núi rừng xưa
Hạt muối cắn đôi, sắn lùi xẻ nửa
Tình quân dân thấm thiết đất anh hùng

Vùng đất yêu thương son sắt thủy chung

Bên Đắc Lắc và Đồng Nai, Sông Bé
Bắc - Trung - Nam trong vòng tay của mẹ

Gắn cội nguồn dân tộc: Mẹ, Sa-Tiêng
Lễ hội đâm trâu hòa nhịp công chiêng
Hoa đua nở trong vườn xuân trăm sắc
Cảnh hữu tình như bức tranh thủy mặc
Tiếng chim rừng ríu rít gọi nắng thơ
Đàn trâu đi chậm rãi dưới sương mờ
Hương lúa chín đậm đà trong gió sớm
Nắng trưa hè môi em càng thấm đượm
Gió lam chiều xào xạc cánh đồng ngô
Nhìn cảnh xuân son trùng điệp nhấp nhô

Đấy chốn sơn lâm cửa bầy tê giác
Hòa cuộc sống của người dân mộc mạc

Xưa rừng hoang, nay bát ngát rừng điều

Bãi mía - vườn dâu - xanh biếc hồ tiêu
Xoài, mít, chôm chôm, sầu riêng trĩu quả

Sông Đồng Nai bốn mùa vui tôm cá

"Thác chín tầng" như tóc xõa nàng tiên.

Hang động người xưa đi vào huyền thoại

"Mặc cả xiêm y chẳng hẹn ngày về"
Vương quốc Phù Nam nằm giữa làng quê

Mang dấu ấn của cội nguồn dân tộc

Vùng quê mới đang đâm chồi nảy lộc
Bên mầm xanh, đang mọc những làng Sơn.

Nối con đường hoà với nước non.

Ngăn dòng nước: giữ bầu sữa mẹ

Mặt trời đêm như ngàn sao sáng lóa

Góp lửa hồng, nâng nhẹ gót quê hương

Cát Tiên ngày 19-4-1996

Những người học trò lớn tuổi

Đất nước chuyển mình trong gió mới
Hành trang lớp lớp sống trùng dương
Yêu cầu nhiệm vụ càng thôi thúc
Tuy tuổi đã cao vẫn đèn trường

Đêm đến sân trường vui rộn rã
Sương khuya thấm vội cánh cò xa
Gió rét, mưa tuôn, đường khó nhọc
Nắng xuống, trăng lên vẫn miệt mài
Ánh điện bùng lên cô bước vội
Thương thầy vắng trán dầm mồ hôi
Hơi ẩm chan hòa trong bụi phấn
Mặn mà hạt muối với dung môi

Không phí thời gian chăm chỉ mãi
Giáo lao rèn luyện sẽ thành công
Sương khuya thấm nhẹ rung cành lá
Thôn thức con tim tỏ nỗi lòng.....

Cát Tiên tháng 5-1995

■ T.V.O

CUỘC

THAM HIỂM

DI TÍCH CÁT TIÊN ĐÃ VÀ ĐANG ĐƯỢC KHAI QUẬT VỚI HY VỌNG ĐEM LẠI NHỮNG GÌ THUỘC VỀ QUÁ KHỨ MỘT CHÚT ÁNH SÁNG ĐỂ CHÚNG TA HIỂU RÕ HƠN VỀ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA NÓ. THÀNH ĐỊA CUI CÙNG CỦA VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM LÀ BẰNG CHỨNG CÓ THỂ NHÌN THẤY BẰNG MẮT VỀ SỰ TRƯỞNG TỒN CỦA QUÁ KHỨ TRONG LỊCH SỬ ĐẤT NƯỚC. GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC VĂN HÓA NGHỆ THUẬT Ở CÁT TIÊN KHÔNG CÒN GIỚI HẠN TRONG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU KHẢO CỔ HỌC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NGÀY MỘT MẠNH CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÔNG KHÍ - DU LỊCH. DI TÍCH CÁT TIÊN LÀ BẢN THỎNG ĐIỆP VỀ BẢN SẮC CỦA MỘT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ ĐƯỢC GỬI TỚI TỪ QUÁ KHỨ, DI TÍCH CÁT TIÊN KHÔNG CHỈ GÓP MỘT GẠCH NỐI GIỮA HẬU KỲ ĐỂ CHẾ PHÙ NAM VỚI GIAI ĐOẠN SAU CỦA LỊCH SỬ; VỚI TẤM VÓC KIẾN TRÚC ĐỒ SỘ NGUYỄN XỨNG ĐÁNG LÀ DI SẢN VĂN HÓA CỦA DÂN TỘC. TẠI ĐÂY, THIÊN PHÚ MỘT RỪNG QUỐC GIA NAM CÁT TIÊN; MỘT KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN CÁT LỘC - NƠI CƯ TRÚ CỦA NHỮNG CÓN TỆ GIÁC CUI CÙNG CỦA TRÁI ĐẤT. QUẢN THỂ DI TÍCH CÁT TIÊN CÓ Ý NGHĨA LỚN TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, VĂN HÓA, ĐỊA LÝ, MÔI TRƯỜNG KHU VỰC NAM Á THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ LỊCH SỬ CỔ TRUNG ĐẠI THẾ GIỚI.

**THÀNH ĐỊA
BÀ LA MÔN CỦA
VƯƠNG QUỐC**

PHU NAM

■ DINH THI NGÀ

Vào năm 1984, chúng tôi mở cuộc nghiên cứu sưu tầm đầu tiên xuống vùng Cát Tiên, với một lý do đơn giản: Cát Tiên là địa danh xa



nhất tỉnh Lâm Đồng - cách Đà Lạt 200 km - nằm ở thượng nguồn sông Đồng Nai, dưới chân Trường Sơn Nam.

Trên bản đồ không ảnh của Pháp năm 1936, đánh dấu Cát Tiên là : *"Rừng đầm lầy Á nhiệt đới - vùng chưa biết đến"*. Trong kháng chiến, Cát Tiên là địa danh thuộc huyện Phước Long - Sông Bé. Vùng cửa ngõ của chiến khu D. Sườn phía Đông của chiến trường B2. Năm 1982, lấy sông Đồng Nai làm ranh giới, Nam Cát Tiên được quy hoạch thành rừng quốc gia - thuộc tỉnh Đồng Nai. Tỉnh Lâm Đồng biến vùng đất của mình thành vùng kinh tế mới. Huyện Cát Tiên ra đời năm 1987.

HUYẾN THOẠI MIỀN CÁT TIÊN CỔ SƠ

Ngay cả địa danh Cát Tiên đã hấp dẫn chúng tôi bởi chuyện kể rằng: Một bữa nọ, chàng thợ săn người Mạ giương cung bắn vào khối hình trụ màu trắng lấp lánh, nước òa ra, âm âm duỗi theo chàng đi săn. Thân nước lông lên trong cuộc duỗi bắt đầy giận dữ. Chàng thợ săn hoảng loạn chạy miết, chàng chạy nhanh nước thành thác ghềnh, chạy chậm nước thành bầu, dừng lại nước ứ dưới chân thành hồ lớn. Đang duỗi bắt, thân nước và chàng đi săn bỗng giật mình dừng lại trước các Thiên tiên đang khỏa thân đùa nghịch trên bãi cát trắng muốt.

Bên bờ suối hươu nai đang bú những cọng cỏ non, bày công xòe đuôi múa như thi thố sắc đẹp sắc sỡ với nắng sớm. Cả khu rừng được ướp trong hương của một Bầu Sen trắng. Hàng trăm loài chim riu rít chao liệng... cái tên Cát Tiên có từ ngày đó cùng với Bầu Sen, Bầu Cá sấu, Bầu Cá lóc, Bầu Cá trắng, Bãi Nai, Bãi Min, Bãi Chim....

Cho đến nay, cổ dân Cát Tiên vẫn là 9 buôn người Mạ, 2 buôn người Stiêng. Cát Tiên, Buôn Go, Buôn Bông, Buôn Brun, Bù Ra Giá, Bù Bi Nao, Bản Voi, Bù Khiêu... đang lặn sâu vào lịch sử và có khả năng biến mất. Nhưng người Mạ, Stiêng vẫn giữ các tục cà răng cặng tai, vẫn rèn sắt và dệt vải.

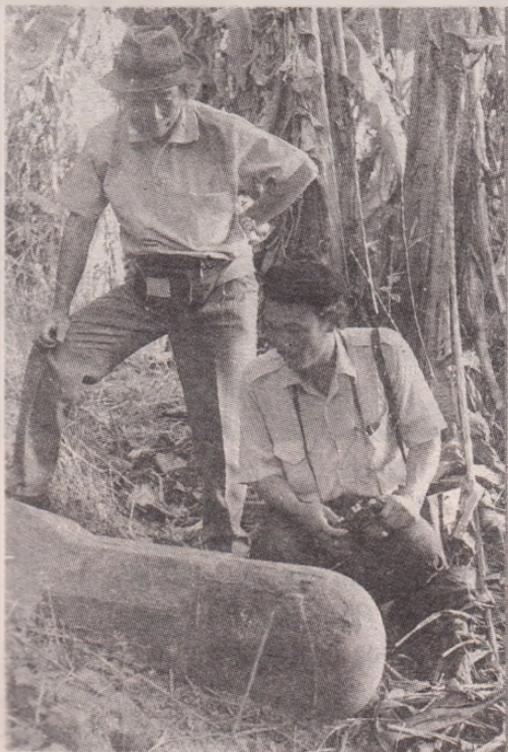
Đối với các "Quảng bòn" (chủ buôn) như già Bơn, già Luôn, già K'Chá thì từng ngọn núi, dòng suối đều sống động bởi một truyền thuyết rằng Cát Tiên là nơi cư trú của các thần.

Ông K'Bá, người Mạ buôn Go kể cho chúng tôi nghe về đàn tê giác ở rừng Cát Tiên, ông chứng minh bằng những góí phân tê giác, bằng cả mảnh da cứng còng mà ông bắn được khi chưa biết là loài thú quý. Ông còn đòi chỉ cho chúng tôi xem một hang kỳ lạ nơi ở của cá sấu, beo, gấu, voi, heo rừng, trăn rắn... Con người sẽ gặp được chúng và có thể trở về với điều kiện bước xuống hang hoàn toàn khỏa

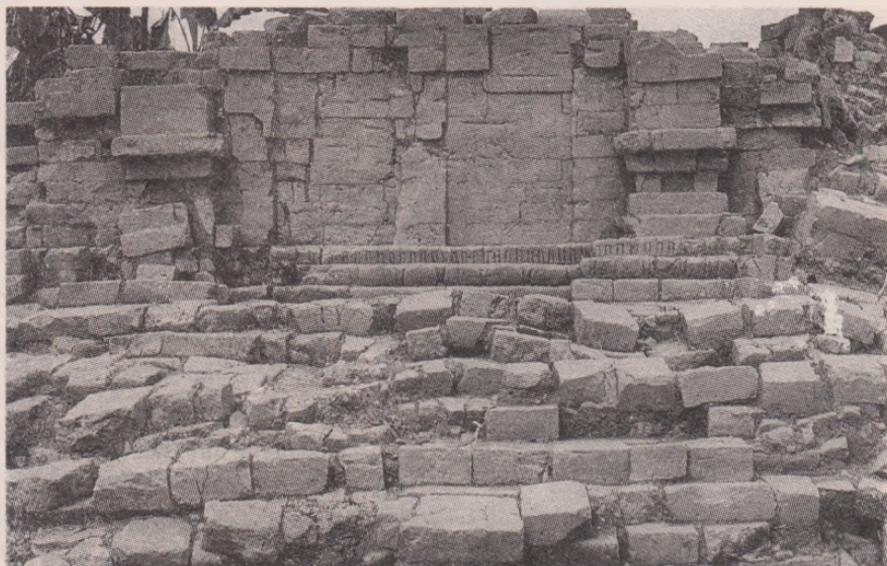
Hai nhà khảo cổ học Việt Nam giáo sư Hoàng Xuân Chinh và PTS Lê Đình Phụng tại di tích Cát Tiên.
Ảnh: ĐAN

thần (?)

Bên chóc rượu cần nồng nàn hương vị của lúa mẹ, bếp lửa bập bùng trong ngôi nhà dài mà huyết thống được tính theo họ mẹ, chúng tôi được già làng kể trước khi dẫn đến từng ngọn núi, dòng suối: Truyền thuyết núi Chơ Reng, truyền thuyết núi Đá Mài, huyền thoại núi Suong Đá, hang Cua... sự tích nàng Ka Giêng chiến thắng quỷ trâu... Cuộc giao chiến giữa các thần cuối cùng thần Mặt trời đã thắng. Thần đã xây dựng cung điện trên đỉnh núi cao, quy tụ với 7 cung điện của các thần: Nữ thần Lúa, nữ thần nghề Dệt, thần Rèn sắt... theo các già làng kể lại thì trên đỉnh dốc



Cửa chính của đền tháp. Ảnh: ĐAN



Cửa giả của đền tháp. Ảnh: ĐAN

của sông Đồng Nai là chỗ ở của 7 vị thần có tên : K'Tiêng, K'Mun, K'Koon, K'Moon, K'Giang... (hiện nay đã tìm thấy trong lòng 7 ngọn núi là 7 đền tháp tìm thấy bệ tượng có hai bàn chân tượng đá bị mất, tìm thấy tượng voi đá....) Sự đổ vỡ của các kiến trúc nghệ thuật được giải thích bằng huyền thoại về trận quyết chiến mà K'Tiêng dùng sét đánh đổ nhà K'Moon, vì cho rằng cậu mình là ó ma lai, K'Tiêng đã chặt đứt chân K'Moon, hiện nay còn một chân bằng đá ở cửa hang Tròm Tâm (dưới thác nước dốc Khi). Cửa nhà K'Moon có voi, cá sấu canh cổng, trên nhà K'Moon một phụ nữ ngực trần ngồi quay mặt về phía

mặt trời mọc đó là vợ K'Moon - nàng Ka Chăn (tìm thấy tượng). Khoảng vuông dưới chân núi là nơi tắm mát của bà Ka Linh. Thần Ka Tiêng thường cưỡi mây gió biến hoá ngàn mặt ngàn tay và nhiều mắt. K'Tiêng vốn là con của bà Kariong và ông K'Bông được sinh ra từ hàm của mẹ nên vốn thông minh, thuở nhỏ cậu từng làm điều có buộc giáo, thả vào buồn của người Miên giết chết họ để chiếm đất, Jang Konaz Mlai rèn cho K'Tiêng một lưỡi mác để làm ra lửa, sấm sét gọi là Đê Sông sòng.

Thuở nhỏ K'Dài giết mẹ vì cho rằng mẹ là ma lai - hẳn vớt xác mẹ đi rồi vờ ném chiếu xuống sông - chiếu

nổi (nếu ma lai thì chiêu không chìm xuống nước) Hấn giết cả con của anh trai. Người anh tìm cách giết K'Dài: treo trên cây, hạ đổ cây K'Dài không chết, nhốt vào giỏ heo đìm xuống sông, K'Dài lừa cá sấu vờ dẫn cá sấu đi tìm muối, cá sấu đưa K'Dài lên đồi, K'Dài khoét giỏ chui ra, lấy hạt mã tiền bỏ cho cá sấu chết hấn lấy mắt mũi, mặt cá sấu sậy lên bếp, ó ma lai ngửi mùi mò đến, liền bị K'Dài bắt nộp bùa Maiguarơ (bùa sản xuất được người, bò, hươu, nai.....) Từ đó K'Dài thành ông nhà giàu của miền Cát Tiên cổ sơ.

Ngo Nge là tên của mụ ác quỷ, biểu tượng của sự lường gạt, phá hoại, thù hận. Mụ thường biến thành heo đi phá lúa cải trang thành đàn ông reo rắc thù hận giữa con người. Mụ cùng bạn là chim Briêng Klang đi ăn thịt người....

Nữ thần tình ái của miền Cát Tiên cổ xưa là Ka Kông tuyệt đẹp, bài ca của người S'Tiêng còn hát về nàng: Rim Prao nao rất đất Kiêng ang. Kang rờ hiêng viết mắt Pó bông chinh, tức là: Mỗi đêm có 150 người yêu, đến sáng quà tặng là những chiếc nhẫn đựng đầy trong 7 cái đồng la.

Trong những biến động của đất trời để biến cung điện của các thần thành miền hoang dã, người S'Tiêng thường kể về trận sương đá: Bông dung đất trời mù sương lạnh, con người súc vật, thuyền, bễ thổi lửa, voi, cá sấu đều hóa

đá (Tìm thấy ở Cát Tiên những tượng đá tương tự....)

Trong câu chuyện hoang đường, chúng tôi bắt gặp những chứng tích có thật, những địa danh có thật. Và các già làng đã lấy sang chúng tôi một niềm tin rằng: Cát Tiên là nơi ở của các thần, nơi gặp gỡ của một nền văn minh cổ.

NHỮNG PHÁT HIỆN KHẢO CỔ HỌC SOI SÁNG MỐI QUAN HỆ GIỮA VƯƠNG QUỐC CHĂM PA VỚI VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM CỔ.

Ghi chép những truyền thuyết, huyền thoại tại đất rừng phương Nam, ngắm nhìn những cánh đồng bằng phẳng được bồi đắp phù sa sông Đồng Nai, tôi nói với đồng nghiệp Hồ Thị Thanh Bình: Lẽ nào người xưa lại bỏ qua một vùng đất dưới chân Trường Sơn Nam này?

Nhắm thẳng hướng mặt trời mọc, chọn một gò đất trước mặt sông Đồng Nai sau lưng là Bàu Sen trắng (lúc đó thuộc xã Đồng Nai nay thuộc xã Đức Phổ), chúng tôi đào một hố thám sát rộng 1m2. Dưới mặt đất 30cm, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi bắt gặp cặp ngẫu tượng Linga - Yony bằng đá, một tượng Siva bằng bạc, ngay sau phát hiện này chúng tôi tìm thấy một khu đền đài hoành tráng chìm trong lòng đất ở bờ Bắc sông Đồng Nai cách hố thám sát đầu tiên 20km. Trong 3km từ

Đôi Đốc Lập đến Đốc Khi có tới 20 đền tháp được nối liền với nhau bởi sân gạch phẳng đã bị phù sa phủ lấp và thời gian làm cho hoang phế, nhiều bệ tượng, tượng, ngẫu tượng và hai cột đá có khắc 8 cánh sen... Những ngẫu tượng khiến chúng tôi ngỡ rằng Cát Tiên là nơi hành lễ của cư dân thờ văn hóa phồn thực: Vào những ngày lễ, cổ dân văn hóa phồn thực hành hương về đô thị tôn giáo sớ và hôn vào ngẫu tượng Linga, uống giọt nước thần ở chóc lớn đựng nước mưa dưới Linga. Tại sân hành lễ, mọi người đều khỏa thân và được tự do quan hệ ái tình. Người được kết thành thai trong ngày hành lễ được coi là con thần....

Phải 10 năm sau, khi tra cứu các tài liệu của Viện Viễn Đông Bác cổ, chúng tôi mới biết các nhà khảo cổ Pháp có đánh dấu 10 phế tích của Vương Quốc Chăm Pa ở Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum. Thánh địa Bà La Môn giáo của vương Quốc Phù Nam ở Cát Tiên đã lẩn chìm trong lòng đất suốt 100 năm lũng sục Đông Nam Á của người Pháp để trở thành di tích đầu tiên có tầm cỡ quốc tế về các quốc gia cổ đại ở phương Nam do người Việt Nam phát hiện, tổ chức nghiên cứu và khai quật.

Chủ nhân xa xưa của thánh địa này ở đâu? Họ đã yêu thương, giận hờn, tha thứ chia ly như thế nào? Chỉ biết họ để lại những cánh sen mềm mại khắc trên

mi cửa tháp bằng đá, những ngẫu tượng Linga - Yony như khát vọng sống bất diệt của con người - Và đây nữa, tượng một thiếu nữ ngực trần thanh thần ngược nhìn mặt trời mọc. Nàng đã sinh ra ở Cát Tiên từ hàng ngàn năm trước, đã cùng với thời gian chúng kiến biết bao biến động trên mảnh đất của người đời.

Một nhân vật kích thích trí tưởng tượng của chúng tôi về cổ dân xưa ở vùng thánh địa là anh Tư Đồn người Chăm, đến Cát Tiên hành nghề bắt trộm cá sấu. Anh thường cột cá sấu nhỏ ở trong bẹ chuối để lẩn vào sọt đu đủ che mắt kiếm lâm, sợ nhất là lúc sấu đói dàn dựa nước mắt, bút đây, rống ầm ầm lên như trâu ghé. Anh Tư bắt sấu dễ như ta bắt gà trong chuồng. Anh chỉ cần tìm cách lật ngửa con sấu để vô hiệu hóa miệng và đuôi của nó..... Lạ lùng nhất là cách ngủ của anh Tư Đồn, anh có thể nằm lơ lửng trong nước, chỉ ghéch mũi lên để thở... Phải chăng những con người lạ lùng xây dựng những đền đài thành quách không mái che ở Cát Tiên đã dùng sông Đồng Nai để chuyển tải văn hóa từ biển qua Nam bộ đến vùng Trường Sơn Tây Nguyên? Tất cả họ đều có bơi lội như cá và ứng xử với cá sấu như anh Tư Đồn chăng?

Quả thật dưới ánh trăng ngàn đời là miền Cát Tiên cổ kính và huyền bí.

■ D.T.N

THÀNH ĐỊA CỔ

PHƯƠNG NAM



■ **LÊ PHUNG HÀ**

Dưới ánh trăng ngàn đời là miền Cát Tiên cổ kính và huyền bí. Cát Tiên cổ kính và huyền bí qua các truyền thuyết, huyền thoại của người Mạ, người S'Tiêng - những chủ nhân ông của vùng đất có lịch sử ngàn đời cư trú dưới chân Trường Sơn Nam. Cát Tiên càng trở nên cổ kính và huyền bí khi phát hiện trong lòng đất khu đền đài hoành tráng kéo dài suốt 20 km ở thượng lưu sông Đồng Nai.

Di tích Cát Tiên ra đời trong thời kỳ nào? Thuộc phong cách nghệ thuật nào? Chủ nhân là ai? Đó là những câu hỏi mà suốt 9 năm từ khi phát hiện (1985 - 1994) đã trở nên cuộc tranh luận sôi nổi trong giới khảo cổ học. Chính vì lẽ đó, ngày 20 tháng 12 năm 1994, Bộ Văn hóa đã ký quyết định cho phép Viện Khảo cổ kết hợp với Sở Văn hóa - Thông tin Lâm Đồng chính thức khai quật 500m² trong quần thể di tích lịch sử - văn hóa nghệ thuật Cát Tiên...

Di tích Cát Tiên nằm ở bờ Bắc sông Đồng Nai, địa hình hiểm trở. Trong lịch sử, Cát Tiên nằm giữa vùng đệm của văn hóa Chăm Pa và văn hóa Phù Nam. Sau một tháng khai quật (24/12/1994 - 17/1/1995), tại 2 trong số 20 gò ở xã Quảng Ngãi, các nhà khảo cổ nhận định: Cát Tiên là đô thị tôn giáo của Vương quốc Phù Nam thế kỷ II - VII sau công nguyên, một vương quốc bao la, trải dài từ Ấn Độ - Miến Điện qua Indonesia - Philippines - Nam Việt Nam - Campuchia - Thái Lan - Nam Trung Quốc. Chứng tích của Phù Nam còn nằm ở tứ giác Long Xuyên, Tây

Nam Bộ, Đông Nam bộ, ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh mà hải cảng Ốc Eo (Ba Thê - An Giang) - nơi từng xuất phát những tàu buôn tới tận Ba Tư - trở thành tên gọi của một dòng văn hóa Ốc Eo.

Trong 9 năm, kể từ khi phát hiện đến khi khai quật (1985 - 1994), các cuộc khảo sát ở bề mặt di tích phát hiện một cặp ngẫu tượng Linga - Yony bằng đá, một tượng Siva bằng bạc tại di tích Đồng Nai (nay thuộc xã Đức Phổ). Tại di tích xã Quảng Ngãi, các nhà khảo cổ đánh dấu được 7 ngọn núi, trên đó xuất hiện ngọn tháp thờ có kiến trúc hình ovan đường kính 8 - 13m. 6 ngọn núi nhỏ đều có dấu hiệu kiến trúc đền tháp hoành tráng. Giữa các đền tháp được nối với nhau bởi sân gạch phẳng đã bị phù sa phủ lấp và thời gian làm cho hoang tàn. Nhiều phiến đá lớn có đục mộng, đục lỗ làm bệ tượng, cánh cửa, mi cửa nằm rải rác trên bề mặt di tích, các biểu tượng tôn giáo này cùng với các kiến trúc gạch đá mang dấu ấn của Bà La Môn giáo thuộc văn minh Ấn Độ nơi có tục thờ phồn thực: âm - dương hợp thành trời - đất, sông - núi, cây cỏ và muôn loài. Tháng 12/1985, các nhà khảo cổ thành phố Hồ Chí Minh: Võ Sĩ Khải, Phạm Quang Sơn, Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Văn Long và nhà nhân chủng học Lê Trung Khá đã điều tra, khảo sát di tích Cát Tiên trong 30 ngày (sau thông báo phát hiện di tích Cát Tiên của Đinh Thị

Nga - Hồ Thị Thanh Bình tháng 9/1985). Lần khảo sát này, các nhà khảo cổ đã đào 19 hố thám sát xung quanh ngẫu tượng Linga - Yony và tượng thần Siva đầu tiên phát hiện ở di tích Đồng Nai. Các hố thám sát cho thấy bên dưới vật thờ là một khối kiến trúc tháp bằng gạch rộng 2.000m². Các nhà khảo cổ cho rằng: đây là nơi hành lễ của cư dân thờ văn hóa phồn thực. Ngoài ra việc tạc tượng thờ Linga - Yony và thờ thần Siva, vào những ngày lễ, cổ dân văn hóa phồn thực hành hương về đô thị tôn giáo sở và hôn vào ngẫu tượng Linga, uống giọt nước thần (bên dưới Linga, người ta đặt một chóc lớn đựng nước mưa). Tại sân hành lễ, mọi người đều khỏa thân và được tự do quan hệ ái tình. Người được kết thành thai trong ngày hành lễ được coi là con thần.

Trong lịch sử các vương quốc thờ Bà La Môn giáo (Phù Nam - Chân Lạp - Chăm Pa) có gắn thờ Siva hóa thân mà Linga là hiện thân của Siva về mặt ngẫu tượng. Vật liệu xây dựng ở Cát Tiên có nét tương đồng về chất liệu xây dựng ở Phù Nam và Chăm Pa. Kỹ thuật xây dựng của Chăm Pa không sử dụng chất kết dính mà sử dụng keo của cây dầu giá màu đen. Các viên gạch liên kết ở di tích Cát Tiên không có chất kết dính, chỉ có một lớp mỏng như nước nhờ nhờ trắng tương đồng với chất kết dính trong xây dựng của Phù Nam. Lịch sử tạc tục của cư dân thờ

Bà La Môn giáo: hỏa thiêu, giữ mảnh xương trán cho vào Kalong. Kalong là hộp tròn có thể làm bằng đồng, bạc, vàng tùy theo chủ nhân giàu hay nghèo. Ở vương quốc Chăm Pa: vua ném Kalong ra biển, dân ném Kalong xuống sông với ý thức quay về biển. Nhưng ở Cát Tiên lại giữ Kalong trong đền mộ cùng với địa có 8 hình thiên tiên Apsara chứng tỏ tâng tục ở đây có liên quan đến Chăm Pa.

HIỆN TRƯỜNG VÀ KẾT QUẢ KHAI QUẬT

Những tín hiệu Bà La Môn giáo có chuẩn tắc để các nhà khảo cổ mở hai hố khai quật ở hướng Đông của gò 5 nơi họ ngờ rằng có kiến trúc tháp nằm trong lòng đất, và ở gò 2 một kiến trúc tháp bề nổi nơi có khả năng tìm thấy mí cửa của tháp.

Ở hướng Đông gò 2 nơi các nhà khảo cổ ngờ là một đền tháp nổi đã phát hiện tượng phúc thần Ganêsa cao 130 cm, rộng 60 cm, nặng 500 kg. Có truyền thuyết: Ganêsa là con trai thần Siva (Siva là thần của các thần theo Bà La Môn giáo), do phạm tội loạn luân bị vua cha ra lệnh chém đầu. Mẹ Ganêsa - nữ thần Uma - vì thương con đã quỷ lạy chồng cho con được tái sinh. Nể vợ,

Siva đã cho chặt đầu voi lấp vào đầu con trai. Từ đó, chàng Ganêsa thân người đầu voi sống lại với tâm hồn mới và một tên mới: "Phúc thần". Voi thần bằng đá là phát hiện đầu tiên ghi dấu ấn Bà La Môn giáo ở Tây Nguyên.

Sau phát hiện tượng thần Ganêsa là phát hiện những thành phần kiến trúc liên quan đến lòng tháp: phát hiện tiếp một cột đá tiền tròn khắc cánh sen đôi xứng, một tấm mi cửa bằng đá dài 220cm, rộng 80 cm, có trang trí hoa văn uốn lượn ở giữa có 5 bông sen đang nở, nét khắc tạc tuy thô to song không kém phần mềm mại, bay bướm. Tại đây, các nhà khảo cổ làm xuất lộ một tường bao tháp chạy theo hướng Đông

Tây. Giữ nguyên được phần móng và phần thân tháp xây bằng vật liệu gạch giát cấp nhiều lần. Dài hoa văn trên gạch -

Cột đá khắc cánh sen -
Ảnh: ĐAN



Bờ bao đền tháp - Ảnh: ĐAN

những nhụy sen đang nở - ngăn cách từng phần kiến trúc của tháp tạo nên những ẩn cấp tuyệt đẹp, một hệ Linga - Yony, một thanh đá ốp cửa, hai cánh cửa bằng đá được phát hiện bên cạnh từ cấp bằng đá đường dẫn tới đỉnh tháp. Mọi thành phần kiến trúc của tháp đã được giữ nguyên vẹn.

Tuy hồ khai quật mới mở 1/4 diện tích của tháp (gò 2) có thể hình dung: xung quanh gò 2 còn có 4 tháp phụ bị phủ sa phủ chìm trong lòng đất. Đây là những thành phần kiến trúc trang trí cho tháp. Hầu hết các thành phần kiến trúc đã tìm thấy đủ điều kiện để các nhà khảo cổ dự tính: tường bao tháp ở gò 2 có khả năng kéo dài một canh 20m. Tháp có thể cao 8 - 12m, lòng tháp có khả năng rộng 9m2.

Còn hồ khai quật ở gò 5 đã mở 3 phía của một ngôi đền mộ hình khối hợp cạnh 6m, khẳng định di tích Cát Tiên có cùng một kỹ thuật xây dựng. Tại đây, phát hiện 1 đĩa giả ngọc (đĩa bằng đồng, có màu xanh đậm y như ngọc) có đường kính 10 cm. Đĩa giả ngọc nằm trong lòng đất ở độ sâu 2m, phía Đông của gò 5. Đĩa giả ngọc không phải sinh ra từ kỹ thuật rèn sắt, đúc đồng mà nó mang dấu ấn điều luyện của kỹ thuật gò còn màu xanh ngọc của chất liệu đồng thì chính các nhà khảo cổ cũng chưa từng nhìn thấy ở tất cả các hiện vật thời đại đồ đồng của Việt Nam. Toàn bộ đền mộ chìm trong lòng đất. Trong lòng đền mộ có

cấu trúc zíc zắc đều dẫn tới trung tâm là một trong lỗ thoát hồn.

Những mảnh gốm, xương gốm, vôi tiêu có kỹ thuật, thẩm mỹ, chất liệu và yếu tố trang trí tương đồng với niên đại của Phù Nam. Ngoài đĩa giả ngọc tại gò 5, phát hiện dao sắc dài 10 cm mà cư dân vùng đồng bằng sông Cửu Long sử dụng để ngồi trên thuyền cất lúa trời, cùng với những viên gạch trộn tro trấu là tín hiệu phản ánh chủ nhân là cư dân trồng lúa nước.

Với táng tục hỏa thiêu và xây đền mộ cất giữ Kalong ở đền mộ và đền tháp đều thờ ngẫu tượng Linga - Yony thể hiện chủ nhân kết hợp vương quyền - thần quyền với thế giới tâm linh. Đền mộ và đền tháp là loại hình kiến trúc không mịn màng điêu luyện với đặc trưng của văn hóa Ấn ảnh hưởng từ phương Đông thì đây là thánh địa Bà La Môn giáo hoàn toàn mang tính chất của Phù Nam niên đại thế kỷ VII (hậu kỳ Phù Nam). Đây là giai đoạn trống của lịch sử, chỉ đến thế kỷ VIII, theo Đường thư (sử Trung Quốc) xuất hiện vương quốc Chân Lạp, sau tách ra thành tiểu vương Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp (còn vương quốc Chăm Pa hình thành vào thế kỷ XI). Với lịch sử, di tích Cát Tiên đã ghép một gạch nối giữa hậu kỳ Phù Nam với giai đoạn khai sinh ra vương quốc Chân Lạp và các tiểu vương ở Đông Nam Á.

■ L.P.H



GS Hà Văn Tấn

GS HÀ VĂN TẤN - VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHẢO CỔ HỌC VIỆT NAM:

Di tích Cát Tiên là một điểm quan trọng để nghiên cứu sự hình thành

QUỐC GIA, NHÀ NƯỚC CỔ ĐẠI PHƯƠNG NAM

■ ĐINH THỊ ANGA thực hiện

Giữa tháng 4-1996 các nhà sử học Mỹ kết hợp với giới sử học Campuchia tổ chức hội nghị quốc tế tại Hawaii về Vương quốc Phù Nam. Đại diện giới sử học Việt Nam: giáo sư - Viện trưởng Viện Khảo cổ học Hà Văn Tấn được mời tới dự hội nghị. Bản tham luận của ông được giới sử học đánh giá cao. Sau đó, ông đến làm việc tại di tích Cát Tiên - Lâm Đồng. Nơi đây, các nhà khảo cổ của viện ông đang kết thúc mùa khai quật thứ hai vùng thánh địa của các Hoàng Đế Phù Nam...

● *Thưa giáo sư, có hay không một vương quốc Phù Nam trong lịch sử của Đông Nam Á?*

- *GS Hà Văn Tấn:* Trong bộ Tam quốc chí (Đây là bộ sử ký lớn nhất của Trung Quốc khác với bộ Tam quốc diễn nghĩa) từ tập Ngô thư, Ngô chí các nhà sử học Trung quốc cổ đại đã miêu tả Phù Nam như một đế chế phồn thịnh. Họ dựng lại một nước Phù Nam bao la trải dài từ Ấn độ, Miến điện, Philippine,

Indonesia, Malaysia, Nam Việt nam, Cam pu chia, Thái lan. Có thể nói, nếu có một Vương quốc Phù Nam thì Vương quốc đó gồm có nhiều tiểu vương thờ Bà la môn giáo, được một số nhà sử học gọi là những nước ngoài Ấn độ.

● **Vậy Tiểu vương của Hoàng đế Phù Nam xưa nằm ở đâu trên đất Việt Nam?**

- **GS Hà Văn Tấn:** Nhà khảo cổ học Pháp Malleret bằng những cứ liệu khoa học của nhiều cuộc điền dã, khai quật đã khẳng định trong cuốn Vương quốc Phù Nam rằng ngoài khu vực Tứ giác Long Xuyên và Ba Thê - An Giang có một chứng tích của dòng văn hóa được đặt tên là văn hóa Óc Eo là dòng tương đương với văn hóa Phù Nam, thuộc văn hóa Phù Nam.

Từ đó đến nay, nhiều nhà khảo cổ học Việt Nam đã tìm thấy nhiều loại hình di tích khác nhau của văn minh Óc Eo ở Kiên Giang, Đồng Tháp, Minh Hải, Tây Ninh và TP Hồ Chí Minh. Đặc biệt năm 1985, các nhà nghiên cứu sưu tầm Việt Nam: Đinh Thị Nga và Hồ Thị Thanh Bình đã phát hiện một thánh địa có trên 20 đền tháp, mộ tháp của tiểu Hoàng đế Phù Nam phân bố ở vùng thượng nguồn sông Đồng Nai thuộc địa phận huyện Cát Tiên - Lâm Đồng. Như vậy, nếu có một vương quốc Phù Nam thật, thì ở Việt Nam, văn hóa Óc Eo chính là văn hóa Phù Nam. Đất đai của Phù Nam chính là vùng đồng bằng Nam bộ kéo qua TP Hồ Chí Minh tới tận Nam Tây Nguyên.

● **Vương quốc Phù Nam tồn tại thời kỳ nào? Và nguyên nhân nào dẫn đến sự tan rã?**

- **GS Hà Văn Tấn:** Các nhà khảo cổ học, sử học Trung Quốc, Việt Nam, Pháp, Mỹ tại hội nghị Hawaii cho rằng nếu có một Vương quốc Phù Nam thật thì sự tồn tại của Vương quốc Phù Nam từ thế kỷ II đến thế kỷ VII.

Các chứng tích ở Cát Tiên cho thấy giai đoạn hậu kỳ Phù Nam kéo dài từ thế kỷ VII đến thế kỷ IX, ở Việt Nam theo thư tịch Trung Quốc: vào thế kỷ VII Phù Nam bị Chân Lạp thôn tính. Chân Lạp trước đó là thuộc quốc của Phù Nam, vào thời kỳ hưng thịnh đã nổi lên thôn tính Phù Nam.

● **Xin giáo sư cho biết tầm quan trọng của việc nghiên cứu Vương quốc Phù Nam? Những kết quả mà các nhà khảo cổ của Viện đã đạt được trong nghiên cứu Vương quốc Phù Nam?**

- **GS Hà Văn Tấn:** Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã giao cho Viện Khảo cổ trong ba năm 1993-1994-1995 ba chương trình nghiên cứu khảo cổ học: Tây nguyên, Nam bộ, Trường Sa. Trong đó khảo cổ học Nam bộ chính là nghiên cứu Phù Nam. Trong khi hai chương trình kia đã kết thúc, Thủ tướng chỉ thị tiếp tục nghiên cứu Nam Bộ đến năm 2000. Tại Nam bộ, từ 1993 đến nay các nhà khảo cổ đã tiến hành điều tra khai quật và tìm thấy các chứng tích thuộc văn hóa Phù Nam tại di tích tháp Vĩnh Hưng - Minh Hải, tháp Bình Thạnh - Tây Ninh, di chỉ Gò Cây

Trung - An Giang, gò Cao su ở Long An... Các nhà khảo cổ bằng cứ liệu khoa học đã làm sáng tỏ lịch sử của vùng đồng bằng Nam bộ, một phần đất có tinh hoa của nền văn hóa Óc Eo - Phù Nam xưa. Đã hình dung được một phần sự phát triển của văn minh Óc Eo qua từng giai đoạn, nhận ra con đường tiến lên của văn hóa Óc Eo xuất phát từ nguồn gốc đa tuyến.

Cả ba chương trình nghiên cứu khảo cổ học Tây Nguyên, Nam bộ, Trường Sa đều liên quan đến vấn đề biên giới chủ quyền lãnh thổ. Trên Đường Thư có ghi: *Phù Nam là vương quốc rộng lớn, phần thịnh tồn tại từ thế kỷ II đến thế kỷ VII. Còn Chân Lạp có tên là Cát Nhật. Cát Nhật tức là Khor-me. Theo thư tịch Trung Quốc: vào thế kỷ VII một phần đất của Phù Nam bị Chân Lạp thôn únh. Tôi cho rằng Chân Lạp đúng là Khor-me. Phù Nam không phải là Khor-me.*

● **Xin giáo sư cho biết vị trí của di tích Cát Tiên trong Vương quốc Phù Nam và trong lịch sử**

- **GS Hà Văn Tấn:** Trong lịch sử, Cát Tiên là đường biên giới của các nền văn hóa, một đường biên không biến động, với những đền tháp và mộ tháp uy nghiêm. Nơi đây, các nhà khảo cổ đã ý thức và chọn một phương pháp khai quật lưu giữ di tích rất công phu để bảo vệ các cấu trúc và bình diện của đền tháp và đền mộ. Di tích Cát Tiên là một điểm quan trọng để nghiên cứu sự hình thành quốc gia, nhà nước cổ đại ở phương Nam. Với những chứng tích và di vật từ Cát Tiên có thể khôi phục lại giai đoạn lịch sử không thành văn mà Cát Tiên là trung tâm chính trị, tôn giáo của một quốc gia cổ đại. Ngoài 113 mảnh lá vàng mỏng trên đó điêu khắc những hình tượng liên quan đến Bà la môn giáo có thể nói tại

Cát Tiên đã tìm thấy pho sử viết trên vàng vô cùng thú vị và hấp dẫn. Các loại hình kiến trúc, các họa tiết hoa văn, các ngẫu tượng và tượng đá ở di tích Cát Tiên có ý nghĩa rất lớn trong nghiên cứu lịch sử Đông Nam Á.

Sau bước chân của các nhà khoa học, cùng với các nhà khoa học, các nhà du lịch và chính quyền các cấp, nhân dân ở địa phương hãy cùng nhau bảo vệ, tôn tạo Cát Tiên thành một khu di tích quy mô - nơi tham quan du lịch, nghiên cứu lịch sử, văn hóa, nghệ thuật lớn ở Đông Nam Á.

● **Xin chân thành cảm ơn giáo sư.**



Đền mộ. Ảnh: ĐAN

SUỐI HỒ BÃI CÁT

(Truyện Cổ Ma)

Con cháu ngày nay quen cái miệng gọi "bãi cát tiên". Ngày xưa, nơi đây là làng, làng Potau Ling Ka. Potau Ling Ka có nghĩa là Chúa của một dòng sông nước. Có người cho là "bãi cát hôi đó, có tiên xuống đánh cờ, vì còn bàn đá..."

Thật ra, chả ai nhớ là đã bao nhiêu mùa lúa chín, chỉ biết rằng: Có một cô gái Ma vừa lớn, đã thạo cái tay bẻ củi, nấu cơm, khỏe cái vai gùi nước uống... Nhà cô gái ít người, nghèo khổ. Mẹ bị đánh liệt hai chân. Cha bị đánh mù hai mắt. Mọi việc trong nhà, ngoài rẫy đều do cô làm cả.

Có một chiều, ông mặt trời xuống núi, cô gái trở về ra suối lấy nước nấu cơm. Khác với mọi hôm, mặt nước suối trong xanh kỳ lạ. Cô gái soi mình, cười vui và chải tóc...

Phút chốc qua nhanh, cô gái giật mình vì thấy chị trắng thanh dưới suối! Chị trắng bảo cô gái "về đi thôi, kẻo người già đang đợi..."

Về gần sân làng, cô gái nghe bố mẹ nói với nhau:

Sao con mình đi lấy nước lâu thế?

Lúc ấy, có hai ông già ngồi nghỉ suy, vạch vế lên mặt một tảng đá lớn, một ông có râu tóc dài trắng, tay cầm cái gậy mây đỏ và một ông râu tóc ngắn, tay cầm cây kiếm sáng lóa, hỏi:

- Cháu ơi! Cho già xin uống nước!

- Nước đục không uống được! Cô gái nói tiếp: Để cháu ra lấy nước trong hơn...

- Cảm ơn! Không sao, uống được!

Cô gái đưa nước mời hai ông già và hỏi:

- Hai cụ từ đâu đến ạ?

- Ta ở xa đến! Đến xem làng buôn mình có yên ổn không?

- Dạ thưa hai cụ, cách đây không lâu, bọn giặc cướp lên đây đốt nhà, đánh người. Mẹ cháu bị đánh liệt hai chân. Cha cháu bị đánh hư mù hai mắt. Ông già đầu buôn bị đánh gãy tay... Khô quá! Mời hai cụ lên nhà chơi đã!



- Ta phải về bây giờ nửa ta trở lại và lên nhà thăm chơi.

Ông già râu tóc ngắn vỗ vai cô gái:

- Con hãy giữ cây kiếm này, nếu lũ cướp đến đây, nó sẽ giúp con giữ yên làng buôn, khe suối...

Chưa nói hết câu, hai ông già đã biến mất lúc nào.

Trăng đã lên cao. Con gà rừng gáy trước. Con gà nhà gáy sau. Cô gái tưởng đâu gà nhà, gà rừng đá nhau và chủ bới lung tung trong đêm khuya khoắt...

Cô gái bước lên sàn nhà, chưa qua ba, bốn bậc thang, lũ cướp đã hao vảy phía dưới... Chả rõ mặt lạ, quen, cô gái hỏi "ai đây!" và "Mời lên nhà chơi uống nước!"

Lũ cướp lên nhà, chúng không chào hỏi ai và lấy cây củi dài đang cháy dưới nồi cơm heo liền đốt nhà, cướp của...

Cô gái rút kiếm chém đầu lũ cướp và chém ngọn lửa đang liếm mái nhà. Ba tên cướp rơi đầu. Người trong buôn

xông ra bắn tên, phóng lao đánh đuổi mấy tên cướp còn lại dưới sàn nhà. Trước làng buôn, cô gái nói lớn:

- Hồi tên giặc cướp! Muốn vô đây hãy đón nhận lưỡi kiếm này!

Mấy tên cướp sống sót, nghe sợ tháo chạy như bay.

Cô gái xuống sàn và cùng bà con treo mấy xác lên cây cho bầy em tập bắn nả.

Đuổi cướp xong, bà con đem rượu cần ra uống.

Đúng bảy đêm sau hai ông già trở lại... Lần này có thêm cô gái theo sau.

"Đúng rồi! Hai ông già tiên và cô gái tiên...". Cô gái làng đang nghĩ vậy thì cô gái tiên đã đến: chuyện trò thân mật:

- Buôn mình có suối mát mèò không? Cô gái tiên hỏi.

- Có! Suối ở buôn này trong hơn suối mèò nhiều. Cô gái làng đáp và dẫn cô gái ra thăm suối. Bên bờ sông trong, cô gái tiên và cô gái làng luyện kiếm.

Trong buôn, các già tiên nói chuyện với các già làng. Chuyện nói dài, dài mãi. Chuyện nói nghe vui như hát yal yau... và, già tiên hỏi già làng:

- Muốn sống yên vui hay để đầu rơi máu chảy?

- Sợ máu chảy, đầu rơi, muốn sống yên vui chớ! Nhờ già tiên bảo với người già "lũ cướp đừng có lên đây đốt nhà lấy của nữa..."

- Phải rồi! Phải sống yên vui và thương mến! Ta đã bảo làng buôn lũ cướp không được lên đây gây hấn thù oán hận. Có ở hiền mới gặp lành...

Các già làng nghe sướng cái tai và

hỏi lại già tiên:

- Thật không?

- Thật! Các già làng dưới đó cũng đã thề với ta là từ nay "rau ăn chung một lá, cá ăn chung một con..." vì tất cả làng buôn đều là con cháu của chung rừng núi...

- Phải rồi! Phải sống yên vui và thương mến! Các già làng nói lại to hơn câu nói của già tiên. Và sai trai làng dắt con trâu nhất đàn nướng thịt thết đãi già tiên. Hai già tiên không nhận ăn trâu, hẹn đợi đôi bạn gái nhỏ về đã. Cùng lúc, hai cô gái cầm kiếm hớn hở trở về. Cô gái làng nói trước:

- Nơi đây sau này sẽ mãi mãi là làng buôn, có con sông lớn, có bãi cát dài và câm đầu muôn loài cá lạ...

- Làm sao mà biết được? Một già làng hỏi.

- Nghe hai con kiếm nói với nhau là thế! Cô gái làng nói

Các già làng không tin, bảo đánh kiếm lại nghe thử. Hai cô gái đánh kiếm trước cả già làng, già tiên và làng buôn.

Đùng là kiếm nói với nhau như thế!

Người người vỗ tay theo nhịp kiếm nói.

Tiếng hát, tiếng chiêng tha thiết, rộn rang. Tiếp theo, mười bảy cậu trai nhỏ đều tay nã ra hấn tên và múa lượn, lúc uyển chuyển, nhịp nhàng, lúc gió cuốn, lúc uyển chuyển, nhịp nhàng, lúc gió cuốn, ngựa phi... Điều múa tung bừng từ sân làng đến suối nước.

Cuộc vui đang vui, các già tiên và cô gái tiên biến mất... Trời xẩm tối lại. Đêm dài dài thêm. Sương xuống lạnh

lùng. Mười bảy cậu trai nhỏ hóa thành mười bảy tảng đá nhỏ bên bờ suối trong... và vang lên một tiếng sấm găm dữ dội. Đất lở trời long. Con rồng nước bay lên phun nước. Nước chảy đến đâu thành sông Đông Nai đến đó và có nhiều cá lạ. Đôi bờ có bãi cát trắng, có làng buôn xanh.

Một thời gian sau, nước chảy mãi, chảy mãi để trơ ra những tảng đá trên bãi cát. Tảng đá hàng lớn dành cho các già tiên, già làng ngồi nói chuyện xưa... Cô gái tiên và cô gái làng lại vui đấu kiếm. Con trai, con gái từ sông Đông Nai đứng lên. Con trai, con gái tiên từ trên trời cao bước xuống. Mùa vui hoa nở khắp rừng. Bảy ngày đêm ăn uống bên sông và bảy ngày đêm liên tiếp yến tiệc. Các già tiên trao tặng các già làng nhiều chiêng hay, ché quý. Nhiều con trai làng thành rể già tiên, nhiều con trai tiên thành rể già làng...

Các già làng tặng các già tiên con cá sấu làm chó giữ nhà, con cá chép làm con heo tăng gia, con cá lăng làm con gà gáy sáng, con rùa làm cái tô múc canh, con ba ba làm cái đĩa đựng thịt và con cá pit làm ngọn lửa...

Chuyện xưa lắm rồi không ai nhớ nữa...

Nhưng cái nhớ ngày nay là đoạn thượng nguồn sông Đông Nai giữa buôn Khiêu và buôn Brun Đạ có một tảng đá lớn và nhiều hòn đá nhỏ nhô lên bãi cát dài khi mùa khô nước cạn...

Người già nói: Đó là bãi cát có đá tiên đây!

Ông K'Bôn - người Mạ, buôn Bù Go, xã Đông Nai kẻ.

NGÔ TIẾN ANH ghi



Lễ vật cúng Yàng. Ảnh: ĐTN

người Ấn Độ vẫn thờ Balamôn giáo). Do đó, ở hầu khắp các đền tháp thờ Balamôn giáo đều thờ các biểu tượng Linga-yony (Đây là thuật ngữ khảo cổ học để chỉ các ngẫu tượng tạc bộ phận sinh dục của đàn ông - đàn bà). Linga-yony được tạc vào đá silex hoặc đá quý, có khi được đúc bằng vàng, được trân trọng để ở Trung tâm đền, tháp và được dân gian thờ cúng ấy là Linga của thần Siva (Thần của các thần) và yony của nữ thần Uma (vợ của

TRONG KHO TẢNG CHUYÊN CỔ

CỦA NGƯỜI MA XUA

■ KHÁNH THO

LỄ HỘI VĂN HÓA PHỒN THỰC

Đạo Balamôn có tục thờ phồn thực: Âm - Dương hợp thành trời đất, sông núi, cây cỏ và muôn loài. Trong lịch sử những vương quốc thờ Balamôn giáo như: Vương quốc Phù Nam, vương quốc Chân Lạp (sau tách ra thành Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp), vương quốc Chăm Pa (hiện nay

Siva).

Vào mùa lễ hội văn hóa phồn thực cổ dân thờ Balamôn giáo xưa thường hành hương về đô thị tôn giáo của Quốc vương. Thời gian lễ hội có thể kéo dài 1-3 tháng. Lễ thường là vào mùa xuân khi cỏ cây đâm chồi nảy lộc và sau những mùa lúa rẫy và lúa nước... Họ tới đây để cầu xin các thần một mùa lúa mới, cầu xin cho súc vật



Chiều về. Ảnh: Tấn Vịnh

của họ sinh sản dần dần lũ lũ, cầu xin cho chính họ có nhiều con cái.

Khi tới đô thị tôn giáo và khi lễ hội bắt đầu, cư dân của nền văn hóa phồn thực được phép quên tất cả những ngày tháng vất vả của quá khứ. Họ được quên cả vợ và chồng của chính họ, được quên luôn cả chế độ một vợ một chồng. Trong các đền tháp thờ Linga-yony tất cả cổ dân dự lễ hội hoàn toàn khỏa thân. Họ đi 7 vòng nếu là đàn ông, 9 vòng nếu là đàn bà, nhiều lần sờ và hôn vào Linga-yony (nên các ngẫu tượng Linga-yony tìm thấy trong các đền tháp đều nhân bóng). Đồng thời họ uống những giọt nước thần (nước mưa) chảy từ lỗ thoát hồn trên nóc tháp, qua Linga-yony hứng trong chước lớn. Họ thành kính cầu xin về sự sinh sản cho cây lúa, gia súc và con người.

Trong những ngày lễ hội, họ hoàn toàn trở về với cội nguồn của tổ tiên xưa là nơi được tự do quan hệ tính giao mà không hề giấu diếm. Hàng trăm cặp khỏa thân san sát nhau ngay dưới sân gạch bằng phẳng, rộng mênh mông nổi

lên giữa các đền Tháp. Người đàn bà nào may mắn có thai trong dịp này thì đứa con của họ được coi là con thần.

Do tính chất của lễ hội văn hóa phồn thực, nên ngoài các ngẫu tượng Linga-yony, trên mi cửa hoặc vách của các kiến trúc đền tháp thường được khắc tạc các thiên tiên khỏa thân, tượng các nữ thần khỏa thân, các vũ nữ khỏa thân. Thậm chí các nhà điêu khắc của thời văn hóa phồn thực còn khắc tạc trên vách nhiều hang đá, trên đồng và vàng cùng một sinh cảnh rất nhiều cặp cùng sex và đang thực thi quyền năng sinh sản.

HANG THOÁT Y

Con đường thứ nhất dẫn đến trung tâm hang thoát y là một con suối ngầm chảy vòng vèo trong lòng đất, mà cửa của nó là hang Trôm Tâm - nằm ở phía nam sông Đồng Nai, dưới chân núi, khúc giữa thác dốc khi. Con suối ngầm thứ hai dẫn đến hang thoát y cách hang Trôm Tâm ba ngày bơi xuống dốc một ngược lên ngọn nguồn sông Đồng Nai, khúc thác lớn ở Sóc Brumtong. Cửa

cửa nó là hang cua. Vào mùa mưa, ở cửa hang Trôm Tâm và hang Cua đùn ra xoáy nước sùng sục. Từng đàn cá sấu (nhiều con to bằng xuống độc mộc) vờn vẫy, ngụp lặn. Con đường thứ ba bắt đầu từ buôn Go, qua buôn Bàng, buôn Brun, Bùrará, Bù Binao... qua các bàu sen, bàu cá sấu, bàu cá lóc, bàu cá trắng, Bàu Cát Tiên, Bàu Nai, Bàu Mìn, Bàu Chim... Bắt đầu đi lúc mặt trời lặn sẽ tới cửa hang lúc mặt trời mọc.

Hang thoát y nằm giữa một vùng rừng rậm rạp ít ai biết đến.

Tất cả những người vào hang vĩnh viễn không thấy quay trở về là những người mặc quần áo, mang theo khí giới như dao, lao, đồng, ná... Các vật lạ như đèn pin, thuốc nổ... Và mang trong lòng dù chỉ một mối thù hận...

Mọi người chỉ nhớ được lối về với điều kiện: khi bước vào cửa hang hoàn toàn khỏa thân và có thể mang theo một ngọn đuốc bằng bùi nhùi của nửa hoắc tre. Họ chỉ có thể trở về nếu những người cùng vào hang thực sự yêu thương nhau, cùng một niềm tin và cùng cầu xin một điều tốt lành.

Ngay khi bước vào cửa hang, một luồng hơi dày đặc vụt bay ra, tới tấp đập vào người bạn khiến bạn bàng hoàng. Với 5 cửa hang mà cửa chính có 9 bậc cấp đi thẳng xuống lòng đất là một cửa vòm hang đá lớn. Bạn phải thái bình tĩnh khi nhìn thấy hai con cá sấu lớn, vẩy mốc trắng, mắt sáng xanh nằm hai bên cửa hang. Chúng sống ở đây từ 3000 năm trước ở vòm hang này. Nếu không có đuốc, bạn cũng được dẫn đường bởi hàng ngàn vì sao, đó là hàng hà sa số những cặp mắt cú

sấu ở khắp các ngõ ngách của hang.

Sau đó, đến một vùng rừng mà những kẽ đá dẫn ánh sáng mặt trời từ xa thẳm len lỏi vào giữa những vòm cây kỳ lạ. Nơi đây, những con cop trắng, gấu trắng sẽ hiện lảnh nhin ban như nhìn những đồng loại thân thương.

Muốn vượt sang nơi có tiếng chim hót lạnh lót như cuốn bạn theo chiều gió, bạn sẽ lội qua một bàu nước trong như ngọc. đáy nước là Cát trắng có lẫn những vảy vàng bạc mỏng manh, lấp lánh. Bước chân của bạn đục xuống đáy nước làm cuộn lên những vảy vàng bạc. Khi bạn bước lên từ bàu nước cơ thể bạn sẽ trở nên tuyệt đẹp bởi được trang sức bằng vô vàn những vảy vàng, bạc óng ánh. Tại đây, tiếng hót của các loài chim sẽ cuốn bạn vào vũ điệu nhẹ nhàng, bay bổng trong hương của hoa rừng, trong dòng, suối âm thanh lóng lánh, trong vắt, sẽ như được trở về với cội nguồn của tổ tiên xưa nơi một màu xanh ngắt của rừng già chảy tràn trên những đỉnh núi mờ sương...

Thời điểm để vào hang thoát y tốt nhất là vào mùa xuân, khi ĐẤT-TRỜI giao hòa trong một bản hợp tấu bất tận...

Ai đã từng vào hang thoát y sẽ được sống với một tâm hồn thanh thản, một tình yêu vĩnh hằng.

(Theo lời kể của già K·Bon, già K·Măng người Mạ buôn Go; già K·Chá, K·Am, K·Giang người S·tiêng, buôn Bù khiêu - Cát Tiên).

■ K.T

Nửa cuối năm 1992, Bộ Lâm nghiệp (cũ) có đề xuất đặc biệt về việc mở rộng vườn quốc gia Nam Cát Tiên. Theo đó, VQG Nam Cát Tiên không chỉ giới hạn ở 38.100 ha thuộc lâm phần tỉnh Đồng Nai mà còn được mở rộng sang Lâm Đồng (thuộc địa



RỪNG

phận hành chính huyện Cát Tiên) 30.635 ha và Sông Bé 15.00 ha. Trên cơ sở này, WWF - Tổ chức Bảo vệ động vật hoang dã thế giới - lập luận chứng KTKT trình chính phủ Việt Nam với nội dung bảo vệ loài tê giác Java vừa được khẳng định là còn sót lại ở rừng cấm Cát Tiên.

CẤM CÁT TIÊN

■ KHẮC DŨNG

Theo số liệu thống kê, huyện Cát Tiên (Lâm Đồng) có diện tích đất lâm nghiệp khoảng 30.000 ha, chiếm 81,3% tổng diện tích tự nhiên.

Nói đến rừng Cát Tiên, người ta nghĩ ngay đến tê giác một sừng (còn gọi là tê giác Java) đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng có tên khoa học là *Rhinoceros Sondaicus*. Tất nhiên đó là loài động vật quý nhất của rừng Cát Tiên hiện nay. Tuy vậy, con số thống kê của ngành chức năng về động, thực vật rừng Cát Tiên quả là những con số đáng quan tâm: Rừng Cát Tiên có khoảng 500 loài động vật. Trong đó có 274 loài chim, 57 loài thú, 40 loài bò sát... Về động vật quý hiếm, ngoài tê giác Java, còn có hạc cổ trắng (*cinonia episcopus*) cò quắm (*rahamatbis giatra*)... những loài động vật đang đứng trước nguy cơ diệt vong. Riêng loài chim rừng Cát Tiên (bao gồm VQG Nam Cát Tiên và khu vực) gần như đứng đầu trong cả nước : 274 loài so với 196 loài ở VQG Yok đôn (Daklak), 91 loài ở hồ Sông Đà, 80 loài ở hồ Phú Ninh. Về thực vật, trong số 1.000 loài ở đây, các nhà khoa học đã thống kê được hơn 600 loài thực vật bậc cao. Không chỉ là nơi quần sinh của những giống loài quý hiếm mà rừng Cát Tiên còn là nơi hội tụ của quần thể

thực vật có tuổi thọ lên đến vài nghìn năm (ở đây hiện có những cây cổ thụ có đường kính gốc lên đến 4 mét).

Cát Tiên là một huyện mới được thành lập. Trong giai đoạn khó khăn chung của đất nước, việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để bù đắp những thiếu hụt là điều không thể tránh khỏi. Vì thế rừng Cát Tiên đã bị suy giảm một cách nghiêm trọng. Khó mà có một con số thống kê chính xác và đầy đủ về sự suy giảm này. Nhưng để hình dung, xin dẫn chứng một vài số liệu trong báo cáo của cơ quan chức năng tỉnh Lâm Đồng: Từ 1987 - 1991, Cát Tiên khai thác 31.843m³ gỗ tròn các loại, trong đó có 85% gỗ tròn lớn. Trong khi đó, khâu tái tạo rừng gần như không có gì. Cũng trong những năm 1987 - 1991, rừng Cát Tiên có khoảng 15 tấn thịt chim, thú bị con người xâm phạm. Rồi nữa, ngay cả loài động vật cực kỳ quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng cũng không được dung tha: Có ít nhất 4 con tê giác một sừng bị sát hại. Cát Tiên với những địa danh đầy ấn tượng như Trảng Cò, Bàu Sấu... nay chỉ còn là những cái tên Trảng Cò với hàng đàn cò trắng phau đã nhường chỗ cho vết tích của một cánh rừng. Bàu Sấu cũng vậy, chỉ còn lại cái tên với vũng nước đỏ quạch màu đất khai hoang. Ở phía Đồng Nai, nạn ăn cắp gỗ và săn bắn động vật rừng diễn ra ngang nhiên và thách thức pháp luật. Những vụ xô xát lớn giữa những người giữ rừng và người phá rừng ở Đồng Nai đã diễn ra: Tháng 1.1992, 7 nhân viên kiểm lâm bị những người phá rừng bắt nhốt; tháng 6.1992, một nhân viên bảo vệ bị đánh trọng thương và sau đó là một trạm kiểm lâm bị đập phá. Chưa hết, lâm phần thuộc sự quản lý của Lâm trường Nghĩa Trung nhằm bảo vệ tê giác ở tỉnh Sông Bé bị khai phá manh mún để làm rẫy bởi nạn di dân tự do.

Đầu năm 1992, UBND tỉnh Lâm Đồng ra quyết định giải thể Lâm trường Cát Tiên, hạn chế khai thác rừng ở lâm trường Lộc Bắc (hai lâm phần nằm trong khu vực bảo vệ tê giác). Đây là cơ hội để các nhà quản lý hoạch định một chiến lược lâu dài về bảo vệ vốn tài nguyên thiên nhiên hiếm có của Lâm Đồng và các tỉnh lân cận nói riêng và các quốc gia nói chung.

Tuy nhiên, phải nói rằng năm 1988 mới là cái mốc đáng ghi nhớ trong việc nhìn nhận lại vốn rừng quý Cát Tiên. Trong năm này (1988), Việt Nam chính thức công bố với thế giới rằng tê giác một sừng - loài động vật cực kỳ quý hiếm ngỗ đã vĩnh viễn biến mất khỏi Việt Nam - hiện còn sót lại một quần thể duy nhất khoảng 8-10 con tại rừng cấm Cát Tiên. Những công việc bảo vệ rừng Cát Tiên được xúc



Kiểm tra bảo vệ rừng.

Việt Nam. Bộ Lâm nghiệp (cũ) và UBND các tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai, Sông Bé giao trách nhiệm cho chính quyền sở tại và ngành lâm nghiệp địa phương tiến hành những hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ rừng Cát Tiên nói chung và loài tê giác một sừng còn sót lại duy nhất ở Việt Nam nói riêng. Tại Lâm Đồng, Quyết định 90/QĐ-TCKL của Chi cục Kiểm lâm đã chuyển giao toàn bộ diện tích rừng Cát Tiên cho đơn vị ngành dọc quản lý (tháng 4.1992), và mới đây là một ban quản lý rừng Cát Tiên đã được thành lập. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã có nhiều văn bản (như chỉ thị 16/CT-UB của UBND Lâm Đồng) về việc tăng cường các biện pháp bảo vệ tê giác đã giúp cho chính quyền địa phương và ngành chức năng đưa ra những hành động tích cực: Kiên quyết hơn trong việc giải quyết những vụ vi phạm lâm luật, và ngược lại, có chế độ ưu đãi thích đáng đối với những cá nhân, đơn vị tích cực trong việc bảo vệ rừng cấm Cát Tiên.

Và đây là một cơ hội mới: Tổ chức WWF đã hoàn thành luận chứng về bảo vệ rừng cấm Cát Tiên, bảo vệ quần thể tê giác Java thứ hai còn sót lại của thế giới (ngoài Việt Nam, trên thế giới chỉ duy nhất loài thú này có ở vườn quốc gia Koulon - Indonesia). Theo thông báo mới nhất của tổ chức này, dự án hiện đang được đệ trình lên chính phủ Việt Nam phê duyệt. Nếu được triển khai, 6.5 triệu USD của WWF sẽ được sử dụng vào việc bảo vệ rừng cấm Cát Tiên.

■ K.D



Mang lớn, một loài thú quý mới được phát hiện. Ảnh: K.D

Mang trắng, phải chăng một phát hiện mới về động vật rừng Lâm Đồng. Ảnh: K.D

KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN



CÁT LỘC

■ TUẦN NHẬT

VIỆC PHÁT HIỆN RA QUẦN THỂ TÊ GIÁC GỒM 8-10 CON CÒN TỒN TẠI Ở KHU VỰC TÂY NAM TỈNH LÂM ĐỒNG LÀ MỘT TIN VUI ĐỐI VỚI CÁC NHÀ KHOA HỌC VÀ NGƯỜI YÊU THÍCH THIÊN NHIÊN Ở VIỆT NAM VÀ TRÊN THẾ GIỚI. NGAY SAU KHI TIN TRÊN ĐƯỢC PHÁT ĐI, (THÁNG 4.1991), CÁC NHÀ KHOA HỌC VIỆT NAM ĐÃ ĐƯỢC MỜI ĐẾN HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ TÊ GIÁC Ở SAN DIEGO -

**MỸ ĐỀ THÔNG BÁO CHÍNH THỨC TIN VUI ĐÓ VỚI TOÀN THẾ GIỚI
VÌ VẬY VIỆC THÀNH LẬP MỘT KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN Ở
KHU VỰC NÀY NHẪM TẠO ĐIỀU KIỆN CHO LOÀI TÊ GIÁC TỒN TẠI
VÀ PHÁT TRIỂN LÀ MỘT VIỆC LÀM HẾT SỨC CẤP THIẾT...**

Khu bảo tồn thiên nhiên Cát Lộc nằm ở phía Tây Nam tỉnh Lâm Đồng trên địa giới của hai huyện: Bảo Lâm ở phía Bắc và Cát Tiên ở phía Nam. Phía Tây và Tây Bắc khu bảo tồn có sông Đồng Nai bao bọc. Phía Nam là Vườn quốc gia Nam Cát Tiên.

Địa hình nổi bật trong vùng là dạng bậc thềm và bán bình nguyên cổ chuyển tiếp từ các cao nguyên cực Nam Trung bộ đến đồng bằng Nam bộ.

Trước đệ tứ kỷ toàn miền được phủ một lớp trầm tích biển đặc trưng bởi đá phiến, thạch sét. Tiếp sau đó, do hoạt động của núi lửa phần phía Bắc và Đông Bắc được phủ một lớp bazan rộng lớn và bằng phẳng. Hiện nay vẫn còn lại di tích của chúng là các chùy núi lửa. Kể từ đó đến nay đã trải qua nhiều quá trình phong hóa, xâm thực, bóc mòn, rửa trôi, tích tụ... đã tạo nên một bề mặt địa hình như hiện nay và một nền địa chất đan xen nhau khá phức tạp.

Nơi đây có những loại đất màu mỡ: ferralite màu đỏ, màu xám, màu đỏ vàng, đất thung lũng và đất dốc tụ, đất bồi phù sa sông suối. Lại gần nguồn nước nên rất thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển cho nhiều

loại cây bản địa.

Khu bảo tồn nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa với nhiệt độ trung bình 21,5 - 25,5 độ, lượng mưa bình quân 2542 mm - 2205,5 mm.

Phía Tây và Tây bắc khu bảo tồn có sông Đồng Nai bao bọc với chiều dài khoảng 50km, rộng trung bình 100m, ít thác ghềnh, có thể vận chuyển quanh năm.

Trong khu bảo tồn có nhiều hệ suối: Dasuôi, Daleh, DaBri... (Bảo Lâm), Dadimbô, Dathai, Dacennai, Da N'boar (Khu vực Cát Tiên). Hầu hết các suối chảy theo hướng Bắc Nam rồi đổ ra sông Đồng Nai.

Mùa mưa, nước dâng cao trong những thung lũng và chân núi, mùa khô nước đọng lại các trũng tạo thành các đầm lầy như Nà Ngao, Đầm Lươn, Bàu Sen, Bàu Cá Sấu, Bàu Cá Lóc, Cá Tráng...

Quanh đầm và núi thường xuyên ẩm ướt nên tre, nứa, song, mây phát triển mạnh. Đây là nguồn thức ăn được Tê giác ưa chuộng.

Trong khu bảo tồn Cát Lộc rừng chiếm 93,10%. Trong đó 54,20% là rừng tre nứa, còn lại là rừng lá rộng thường xanh và rừng hỗn giao (gỗ, tre).

Trong rừng thường gặp các loại cây ngũ sinh và dây leo như song, mây, tổ điều, cốt toái bồ, sa nhân, tre, lồ ô, nứa...

Ở đây người ta thống kê được 533 loài thực vật có mạch. Thống kê 144 loài cây lấy gỗ: trong đó đáng chú ý: cẩm lai, trắc, chò trai, vấp... 80 loài cây làm thuốc: cốt toái bồ, sa nhân, kim cang... 53 loài cây làm cảnh: phong lan, quế lan hương, hương thảo đùi gà, tam bảo sắc... 15 loại cây cho dầu nhựa: chò trai, dầu rái, dầu lá bóng, dầu mít, sao đen... 31 loài cây ăn quả: dâu da, xoan, trám, sấu, sỗ... 31 loài cây đặc sản: lồ ô, mun, nứa, song, mây...

Các loài thực vật có nguy cơ bị tiêu diệt: cẩm lai, vú, trắc, gỗ đỏ, trầm đỏ, song bột...

Hệ động vật thuộc khu bảo tồn Cát Lộc thuộc khu hệ động vật Nam bộ. Có 44 loài thú thuộc 8 bộ, lớn nhất là bộ ăn thịt: hổ, báo, gấu, cầy hương, cầy dôn, rái cá, các loài khỉ, vượn bọc, các loài gặm nhấm: nhím, sóc bay, sóc đen, sóc xám... nhiều loài thú móng guốc lớn: bò rừng, nai, hoẵng, lợn rừng, sơn dương...

Ở đây có tới 200 loài chim trong đó nhiều loài chim quý: công, gà lôi, gà tiền, gà so, yêng, vẹt, diều hâu, dù di, các kè...

Có nhiều loài động vật bò sát: rắn, rắn độc, kỳ đà, baba, cá sấu... cá sông và cá đầm lầy rất phong phú: cá rô, trê, lóc trắng...

Nhưng một trong những đặc trưng quan trọng nhất của hệ động vật ở đây là sự có mặt của quần chủng Tê giác Jawa, được gọi là quần chủng tê giác cuối cùng của Việt Nam và quần chủng Tê giác thứ hai được phát hiện trên thế giới.

Để bảo vệ nơi sống của quần thể tê giác tiến tới chấm dứt nạn săn bắn, khai thác gỗ và lâm sản trong khu vực bảo tồn, Chi cục Kiểm lâm đang chuẩn bị xác định rõ ranh giới, đóng cọc mốc ranh giới, xây dựng bảng nội quy, thành lập 7 trạm bảo vệ quanh khu bảo tồn. Đồng thời chuẩn bị dời thôn 3,4,5 gần 109 hộ 711 khẩu ra khỏi khu bảo tồn.

Tìm cách đưa nghề nuôi động vật hoang dã: hươu, nai lấy nhung, lấy thịt, cá sấu lấy da, rắn, rắn... cho các cư dân xung quanh khu bảo tồn. Ngành Lâm nghiệp tổ chức chương trình nghiên cứu nhằm theo dõi sự biến động của quần thể và các tập tính của Tê giác để có biện pháp bảo vệ và phát triển thích hợp. Tổ chức chương trình dân sinh kinh tế giúp đồng bào địa phương ổn định đời sống và động viên họ tích cực bảo vệ khu bảo tồn.

Nếu khu bảo tồn thiên nhiên Cát Lộc bảo vệ và phát triển tốt quần thể Tê giác Jawa thì ở đây sẽ trở thành một điểm nghiên cứu khoa học và tham quan du lịch rất giá trị ở nước ta và của cả thế giới.



Đoàn chuyên gia Hà Lan làm việc với Huyện ủy - UBND huyện Cát Tiên

Nguy cơ đối với

Đoàn chuyên gia của Chính phủ Hà Lan kết hợp với chuyên gia của Chính phủ Việt Nam trong chương trình làm việc của Quỹ Quốc tế về Bảo vệ thiên nhiên (WWF), đã tổ chức khảo sát rừng và dân sinh huyện Cát Tiên - nơi được coi là quần thể té giác Java thứ 2 trên thế giới - nhằm thúc đẩy tiến trình thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Cát Lộc, nằm phía Tây Nam tỉnh Lâm Đồng, trên địa giới 2 huyện Bảo Lâm ở phía Bắc, Cát Tiên ở phía Nam.

Sau đây là ý kiến của các chuyên gia Hà Lan sau đợt khảo sát rừng Cát Tiên:

CHUYÊN
GIAM
TE



Ông Noger Cox



Ông Janwillen Cools

ÔNG NOGER COX (Trưởng đoàn)

***Với tốc độ khai thác này song mây hết, tề giác chết.**

Bắt đầu từ rừng Brun - chúng tôi đi sâu vào vùng Bảo tồn Tề giác, đã xem được toàn cảnh khu vực. Vành đai bảo vệ Tề giác là rừng tre nửa bị tàn phá đến nghèo kiệt. Sâu trong rừng, rừng tốt có thể bảo vệ được. Nhưng lại là địa bàn cư trú của các thôn 3-4-5, có 17 buôn người Ma-Siêng với tập quán làm rẫy và đang trồng điều ở đỉnh và sườn đồi (không trồng ở thung lũng). Rẫy lúa và vườn điều sẽ mãi mãi biến rừng thành đất nông nghiệp. Ngoài việc đốt rẫy, họ săn bắn chim, thú, hái lượm rau, quả, đào củ rừng. (Họ là những thiện xạ bắn cung nỏ: mọi người đàn ông ở đây đều có thể bắn mũi tên trúng tim một chiếc lá nhỏ!). Đồng thời họ có thể bán bất cứ loại lâm sản nào có người mua: tre, nứa, song, mây... Thức ăn chính của họ là thịt thú rừng, lá biếp và đọt mây (đọt mây cũng là thức ăn chính của Tề giác). Con đường khai thác gỗ cũng rất thuận lợi để người dân đi vào vùng bảo tồn Tề giác. Đường về, chúng tôi thấy không khác đường cao tốc với vô số người mang vác song mây, lâm sản quý và săn bắt chim thú. Phải chăng chúng ta đang trồng cây lấy củi? Lẽ nào việc bảo vệ Tề giác lại không gắn liền với việc bảo vệ rừng? đặc biệt đây lại là rừng đầu nguồn nước! Quả thực Tề giác

đang bị tấn công từ nhiều phía: từ trong đánh ra, từ các phía đánh vào. Với tốc độ khai thác này rừng sẽ hết và Tê giác sẽ chết.

ÔNG JAN WILLEN COOLS

*** Những khó khăn trở ngại đe dọa vùng Bảo tồn Tê giác**

Tôi đã thăm chính quyền và cư dân các xã, đi dọc theo sông Đồng Nai thăm cư dân hai bên bờ thấy dân tác động đến rừng rất mạnh. Nhất là vùng Gia Viễn - Tiên Hoàng - Nam Ninh. 30% số dân toàn vùng nghèo đói do lũ lụt. Vì lẽ đó họ vào rừng khai thác bất kỳ thứ gì (họ nói là: tre, nứa, song, mây, vỏ bời lời, hạt ươi) để kiếm sống.

Với trình độ học vấn rất thấp (phải mất nhiều thời gian để làm chuyên viên nhận thức của dân). Làm gì để khoanh vùng và để cho dân hiểu đây là khu bảo tồn Tê giác? Cư dân sống ở khu bảo tồn Tê giác có xu hướng càng nhiều đất càng tốt. Họ phá khu rừng đất tốt thay cho khu đất đã bạc màu. Người dân cũng nói: năng suất lúa giảm do đất bạc màu. Tôi thấy rừng điều đất bị lở và xói mòn làm mất thảm thực bì. Dân thấy cây công nghiệp có giá trị hơn lúa họ càng ngày càng phá rừng. Vùng đồng bằng với sự gia tăng dân số và sự nghèo đói là áp lực lớn đe dọa rừng của vùng Bảo tồn Tê giác.

Theo tôi, làm thật rõ ranh giới rừng - ổn định, nâng cao đời sống của dân bằng cách xây dựng một số điểm thủy lợi, giữ nước cho dân làm nông nghiệp. Nông - Lâm kết hợp canh tác có hiệu quả để cứu rừng Cát Lộc - nơi còn lại cuối cùng của loại Tê giác Java ở Việt Nam và trên thế giới.

ÔNG ARTHUR EBREGT

*** Hãy cứu Tê giác bằng những quy định nghiêm ngặt của pháp luật**

Điều ngạc nhiên của tôi là rừng đang bị áp lực mạnh từ phía những người dân. Quy mô của dự án lại nằm trên hai khu vực hành chính (Cát Tiên - Bảo Lâm). Nếu chúng ta nâng cao được đời sống của dân tôi cũng không tin là bảo vệ được rừng trừ khi chúng ta có những quy định rất nghiêm ngặt của pháp luật mới có thể bảo vệ rừng - bảo vệ khu bảo tồn Tê giác. Nếu cứ đà này, về lâu dài - nếu không sớm sử dụng những biện pháp mạnh của pháp luật thì không chỉ Tê giác không còn mà rừng cũng biến mất.

Tôi nghĩ khó có thể thực hiện, giữ được hoặc cải thiện được tình hình về lâu dài trừ phi ta có biện pháp chặn đứng việc khai thác lâm sản. Chúng ta khó có thể chiến thắng nếu như có người dân vẫn còn sinh sống trong vùng bảo tồn Tê giác.

■ P.V
(Lược ghi)

RỪNG CÁT LỘC

Nơi còn lại cuối cùng của loài Tê giác Java ở Việt Nam

Ở Việt Nam hiện nay loài Tê giác Java (có tên khoa học là: *Rhinoceros Sondaicus*) chỉ còn tìm thấy ở vùng rừng Cát Lộc thuộc huyện Cát Tiên và Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Trên thế giới có 5 loài tê giác, hai loài phân bố ở châu Phi và ba loài khác ở châu Á. Tê giác Java được tìm thấy ở Việt Nam (vùng rừng Cát Lộc) và ở Indonesia (Vườn Quốc gia Ujong Kulon), là một trong các loài Tê giác hiếm nhất hiện nay.

Tê giác Java chỉ có 1 sừng nhỏ ở con đực, con cái không có sừng. Chúng có thân hình lớn hơn con trâu nhà, có lớp da màu xám và rất dày. Tê giác Java sống đơn độc trong rừng rậm, nơi có nhiều tre, lồ ô và mây song, thường đó là các loài cây có nhiều gai, song ở những nơi như vậy Tê giác thường dễ lẫn trốn.

Mặc dầu có tầm vóc lớn nhưng Tê giác không ăn thịt, chúng ăn nhiều loại cây khác nhau, và thích nhất là

■ **JC.EAMES - NGUYỄN CỬ - NGUYỄN NGỌC CHÍNH**



phân chồi và lá non. Tê giác thường kiếm ăn vào ban đêm. Vì mắt kém nên chúng thường dùng mũi để tìm thức ăn và phát hiện kẻ thù.

Khả năng sinh sản, phát triển bầy đàn ở Tê giác Java rất chậm. Chúng chỉ bắt đầu sinh sản vào tuổi thứ tám, và suốt cuộc đời một con cái chỉ đẻ khoảng 5 lần. Vì vậy, mặc dầu Tê giác được bảo vệ, nhưng cũng cần phải có thời gian dài chúng mới sinh sản, phát triển được.

Ở nước ta trước đây đã tìm thấy Tê giác Java ở nhiều nơi. Ngày nay do việc gia tăng dân số, lấn chiếm đất rừng, canh tác nông nghiệp bừa bãi nên số lượng của chúng bị giảm sút nhanh chóng, và hiện nay chỉ còn tìm thấy loài Tê giác Java này ở vùng rừng Cát Lộc với số lượng khoảng 10 con.

Ngoài ra, việc săn bắn Tê giác cũng là nguyên nhân hết sức quan trọng làm giảm số lượng của chúng. Cho đến nay, người ta vẫn cho rằng sừng và thậm chí cả da, xương, và phân của Tê giác là các vị thuốc quý, có thể chữa khỏi nhiều loại bệnh ở người lớn và trẻ em.

Bảo vệ rừng Cát Lộc không những mang ý nghĩa bảo vệ loài Tê giác Java đang có nguy cơ bị tuyệt chủng ở Việt Nam mà còn gắn liền với việc bảo vệ nhiều loại thú, chim và thực vật khác đang sinh sống trong khu vực. Một số loài trong đó không thể tìm thấy ở những nơi khác trên thế giới ngoài Việt Nam, như gà tiền mặt đỏ (có tên khoa học là *Polyplectron germain*).

Ngoài ra, cần phải nói đến ý nghĩa quan trọng của rừng Cát Lộc đối với cuộc sống của đồng bào các dân tộc ít người và người kinh sống lâu đời ở đây. Nếu rừng Cát Lộc còn tiếp tục bị chặt phá thì chẳng những loài Tê giác không tránh khỏi nguy cơ bị tiêu diệt mà còn gây ra lũ lụt trong mùa mưa, hạn kiệt trong mùa khô làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của bà con sinh sống ở đây.

Chính vì lý do nói trên mà hiện nay chính phủ ta đang tiến hành tổ chức xây dựng **KHU BẢO TỒN TÊ GIÁC CÁT LỘC**.

Đã đến lúc chúng ta cần phải tiến hành song song việc bảo vệ rừng và bảo vệ Tê giác. Đó cũng chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau.

Sự tồn tại của Tê giác ở rừng Cát Lộc là biểu tượng tốt đẹp của những gì mà ngày nay chúng ta đang làm.

Chúng ta nghĩ gì khi rừng nơi đây bị tàn phá?

* BẢO VỆ TÊ GIÁC

* BẢO VỆ RỪNG

* BẢO VỆ TƯƠNG LAI CON EM CHÚNG TA.

Mỗi lần ngược xuôi trên con đường dẫn đến vùng kinh tế mới nằm ở thượng nguồn sông Đồng Nai, tôi luôn phải tìm cách đối phó với nó. Con đường còn nhiều gian khổ. Mùa nắng, chiếc xe thùng chở khách lăn bánh cuốn theo đám bụi mù mịt. Những hàng cây ven đường đang sức lớn nhưng màu lá tươi xanh thành màu xám ngoắt. Người trên đường đi như bơi trong màn mây bụi. Mùa mưa với những đoạn đường bị xói lở, ổ gà, ổ trâu liên tục vật chiếc xe nghiêng ngả trên cuộc hành trình. Để có thể tam voi nổi vất vả, khó chịu của chuyến xe, người ta thường tìm cho mình ban đường với câu chuyện làm quên đường xa hoặc bám chặt vào ý nghĩ nào đó và mở rộng, phát triển nó cho đến khi nào chiếc xe dừng bánh, kết thúc một chuyến đi.

■ **Truyện ngắn - MAI HOÀNG**

Bây giờ đang là ngày sau những cơn mưa đầu mùa. Cây lá giữ bỏ bụi bám trở lại hình dáng tươi xanh. Nắng ửng vàng cho hành khách cảm giác dễ chịu hơn. Tôi có hai người bạn đường với câu chuyện không thể nào quên. Cô bé đi học xa về thăm nhà ôm khư khư giỏ trái cây đầy ắp trong lòng. Những cú lắc mạnh của chiếc xe làm cho cô bé thật khổ sở. Cô luôn tay xếp lại trái cây như nhắc nhở chúng "Hãy nằm im nhé, đừng có nhảy ra ngoài". Tôi ái ngại khuyên cô bé nên buộc quai giỏ rồi đặt xuống sàn xe. Cô bé lắc đầu quày quật:

- Dạ, thưa chú! Không được đâu ạ!

Chuyến
xe
êm
đềm



Cháu đã bao lần ân hận vì chuyện này. Nếu buộc thật chặt về đến nhà trông chúng bầm dập cả, còn lỏng lẻo chúng sẽ văng ra khắp nơi, không còn hình dạng gì. Muốn mang về cho mẹ những quả tươi ngon nhưng chưa bao giờ trọn vẹn. Lần này, cháu quyết tâm gìn giữ nên phải chịu khó vậy. Cô bé chép miệng. Để biến những ý nghĩ tốt đẹp trở thành hiện thực bao giờ cũng thật khó khăn.

Tôi thấy ngộ ngộ trước vẻ mặt trang trọng đến buồn cười của cô bé khi nói lên điều ấy. Người thương binh cạnh tôi bật tiếng cười nho nhỏ. Anh mất một cánh tay và chắc chắn còn bị nhiều vết thương trong người bởi mỗi

lần xe xúc tôi nghe anh thầm xuyt xoa. Ý nghĩ cay đắng chọt đến với tôi "Nỗi đau của chiến tranh dù còn biểu hiện ở vẻ ngoài hay đã lặn sâu vào bên trong, nó vẫn còn nguyên dang, còn ám ảnh chúng ta dài lâu". Khi biết tôi đã có thời mặc áo lính, đã có những tháng ngày đóng quân ở vùng Đông Sơn - vùng đất khốc liệt trong chiến tranh của miền Trung - anh bồi hồi kể về kỷ niệm tình yêu của mình. Mỗi tình thật là lạ.

Anh đã yêu hình ảnh ngôi nhà tranh mới dựng lên trên vùng đất còn hoang tàn, những ngày vừa hết chiến tranh. Ngôi nhà của một trong những gia đình trở lại với mảnh đất quê hương. Một thời gian bom dày đặc nơi đây, để lại đất đồi trơ trụi, chưa loại cây cối nào kịp lớn nhưng những con người này vẫn tìm được vật liệu dựng lên ngôi nhà tranh vách đất trông thật bền vững, kang trang. Những nhành hoa giấy nơi cổng vườn ra hoa tím ngát. Từ đồi cao xa xa nhìn xuống, ngôi nhà như đã đứng đấy tự bao giờ, như mảnh đất này chưa hề có ngày chiến tranh đi qua. Ngôi nhà đã cho anh cảm nhận sâu sắc về giá trị của khung cảnh thanh bình. Anh say mê ngôi nhà ấy. Lúc nào rảnh rỗi, anh cũng lên đồi nhìn về ngôi nhà và mơ ước. Và một chiều nắng nhẹ vàng ươm



mái nhà tranh, anh nhìn thấy người con gái tóc dài đang thong thả quét sân. Cả người anh rung lên. Anh tưởng tượng mình sẽ hạnh phúc biết bao khi được sống cùng người con gái trong ngôi nhà ấy. Những đứa con líu riu ra đời. Nhiều lúc sự khát khao bày tỏ lòng mình đã đưa chân anh đến trước cổng nhà, nhưng rồi tính nhút nhát của người lính trẻ đã khiến anh chỉ dám đi ngang qua ngõ vắng. Chiến tranh biên giới bùng nổ. Đơn vị lên đường. Anh thăm tam biệt ngôi nhà cùng người con gái yêu thương dù chưa một lần nhìn thấy mặt nhau.

Nghe anh kể chuyện, lòng tôi cảm thấy bút rứt ghê gớm:

- Anh có bao giờ quay lại với ngôi nhà và cô gái của mình không?

- Khi bị thương lần đầu ra viện, trước lúc trở lại chiến trường, tôi có tìm về Đông Sơn. Ngôi nhà vẫn như xưa, nhưng gia đình cô ấy đã rời quê đi làm ăn xa. Tôi tự oán trách tính nhút nhát của mình, nhưng đôi khi nghĩ cũng thật buồn cười. Giả sử mình có điều kiện tỏ bày, làm sao biết được cô ấy có đồng ý hay không?

Không ai trả lời được câu hỏi của anh ngoài cô gái ấy! Thế nhưng, tôi vẫn cứ tin nếu anh mạnh dạn tỏ bày, người con gái ấy sẽ đáp lại tình cảm của anh. Có cô gái nào lại không xúc động trước một tình yêu như thế của người lính trẻ.

Tôi thăm tiếc cho anh và tiếc cả cho người con gái không hề biết rằng có tình yêu nồng cháy luôn hướng đến đời mình.

- Sau đó, có lẽ anh đã lập gia đình?

- Hiện giờ vẫn chưa... Và có thể là không bao giờ. Tôi bị thương lần thứ hai quá nặng, ngờ đã chết rồi. Những vết thương vẫn liên tục quấy phá nên tôi không muốn ai phải khổ vì mình. Không còn ai là người thân gia đình, tôi sống ở trại thương binh. Có ông cụ là bố của người bạn cùng đơn vị đã hy sinh đến sinh sống nơi vùng kinh tế mới này. Thỉnh thoảng tôi ghé về thăm ông và xem đó như gia đình của mình.

Một rãnh sâu trên đường làm chiếc xe đột ngột bị xóc mạnh. Cô bé xuýt xoa vì sơ suất để những quả cam rơi xuống sàn xe. Nhặt cam cho cô bé, tôi an ủi "Cháu đã làm hết sức mình. Điều xảy ra ngoài ý muốn, mẹ cháu sẽ không hề buồn trách đâu!". Cô bé như muốn ứa nước mắt. Tôi có cảm giác cô bé mãi lắng nghe chuyện của người thương binh. Cô bé khoảng mười sáu, mười bảy tuổi, một thể hệ khác chúng tôi, sống trong hoàn cảnh xã hội khác thời tuổi trẻ của chúng, không hiểu khi nghe một chuyện tình như thế cô bé sẽ cảm nhận ra sao. Ước gì có thể biết được điều bí mật ấy! Người thương binh bị đau rên lên nho nhỏ. Qua đoạn đường êm êm, cơn đau rồi cũng dịu đi -

Anh nói:

- Không biết có nên kể tiếp anh nghe điều kỳ diệu tôi đã gặp trên con đường này?

- Anh hãy xem chúng ta như thời vẫn còn là lính trẻ sẽ thấy dễ dàng san sẻ nhiều điều cùng nhau.

Anh cười thanh thản:

- Ừ nhỉ... Thế này anh à! Lần đầu tiên tìm về thăm ông cụ cách nay rất nhiều năm, ở quãng ngã ba Nghĩa Sơn bây giờ, tôi nhìn thấy túp lều cô quanh trên cánh đồng hoang. Trong mùa mưa gió, túp lều mang đến cho tôi những cảm giác trái ngược nhau. Nó vừa là sự xót xa, cảm cảnh nghèo khổ, vừa là lòng cảm phục tinh thần những người đi khai phá. Vùng đất sống nhộn nhịp hôm nay bắt đầu bằng hình ảnh như thế. Năm sau quay lại, điều kỳ diệu đã diễn ra. Túp lều không còn nữa, thay vào đó là một ngôi nhà. Ngôi nhà giống hệt ngôi nhà kỷ niệm của tôi ở vùng Đông Sơn. Giàn hoa nơi cổng vườn tím ngát.

Không kìm nổi sự hồi hộp, tôi hỏi cất ngang:

- Có phải gia đình người con gái ấy từ Đông Sơn đi vào khu kinh tế mới này không?

- Không rõ, bởi tôi chưa một lần tìm đến.

Tôi thở dài, cảm thấy một chút thất vọng:

- Điều gì đã ngăn cản anh?

- Một bé gái... Vâng! Cùng với sự xuất hiện của ngôi nhà tôi nhìn thấy đứa bé lấm chấm chơi quanh sân. Nếu đó là ngôi nhà có người con gái xưa ở Đông Sơn chẳng nữa, tôi cũng không được quyền tìm đến. Mình không muốn làm điều gì có thể xáo động cuộc sống yên lành của người khác. Tôi lảng lảng xuôi ngược trên đường nhìn mọi sự đổi thay. Bé gái lớn dần lên Ngôi nhà tranh mất đi, nhường chỗ cho ngôi nhà mái ngói đỏ tươi. Giàn hoa giấy ngày càng xum xuê rợp úm. Vùng đất vắng lặng ngày nào, lần lượt được những người di dân kéo đến khai hoang. Lúa, ngô, rau, đậu, xanh tươi bát ngát. Nhà cửa mọc dày lên, tràn cả ra ven đường lớn che khuất tầm nhìn đến ngôi nhà thân thiết với tôi. Nhưng ý nghĩ về chốn ấy luôn làm cho lòng tôi xao xuyến, băng khuâng.

Chiếc xe vẫn rì rì trên đường. Không biết nói gì hơn, tôi chỉ còn tự lẳng nghe cảm giác bụi ngùi xâm chiếm lòng mình trước vẻ đẹp của một tình yêu đơn phương đến thật lạ lùng. Tôi nghe cô bé lấm nhảm "Chẳng nhẽ mọi chuyện đều có thật hay sao?" Tôi quay nhìn và thấy gương mặt cô bé càng thẳng như đang phải quyết định điều gì lớn lao. Cả quãng dài im lặng. Mỗi người như đang theo đuổi ý nghĩ riêng mình. Chợt cô bé xin phép tôi để

được nói chuyện với người thương binh.

Chỉ còn đoạn đường không xa nữa là đến ngã ba Nghĩa Sơn. Cháu phải nói thôi! Điều đầu tiên, cho cháu xin lỗi vì đã nghe lén chuyện của chú. Và... chú biết không? Ngôi nhà chú đang nói đến ở Nghĩa Sơn chính là nhà của gia đình cháu.

Tôi muốn hét lên vì ngạc nhiên. Cuộc gặp gỡ thật bất ngờ, thú vị. Người thương binh im lặng, bối rối nhìn cô bé.

Cháu sinh ra trên vùng đất kinh tế mới này. Cháu thường nghe mẹ kể về một vùng quê xa tít ở miền Trung nhưng chưa được dịp về thăm vì nhà neo người cùng công việc bận bịu quanh năm, suốt tháng. Cháu có đề nghị thế này: Xin mời chú ghé thăm nhà cháu. Biết đâu người con gái ngày xưa chú đã kể chính là mẹ cháu. Và... cháu cũng xin thú nhận, qua chuyện đời của chú cháu ước mong điều này là sự thật.

Có lẽ nhận ra sự ngập ngừng của người thương binh và cả tôi trước những điều hết sức tế nhị, cô bé liếng thoắng:

- Nhà cháu chỉ còn hai mẹ con. Ông, bà cháu mới mất cách đây vài năm. Ba cháu hy sinh ở chiến trường biên giới khi cháu mới tròn tuổi. Mẹ cháu ở vậy một mình, nuôi cháu ăn

học, khôn lớn. Cháu rất biết ơn mẹ cháu. Mong sao quãng đời còn lại mẹ sẽ gặp điều hạnh phúc.

Tôi thở phào, nhẹ nhõm, nắm chặt bàn tay còn lại của người thương binh.

- Vậy là không còn gì ngăn anh tìm đến những gì bao năm đã yêu quý, trân trọng, nâng niu. Điều ấy thật đáng bằng trong cuộc sống.

Khuôn mặt người thương binh chợt bừng đỏ. Bàn tay anh run run trong tay tôi. Anh mãi là một người lính trẻ với tâm lòng chân thành, sâu sắc. Năm tháng trôi qua cùng sự đau đớn hành hạ thân xác nhưng không thể làm nguội tắt tình yêu nồng nàn, bỏng cháy trong anh.

Xe dừng ở ngã ba Nghĩa Sơn. Tôi tạm biệt người thương binh và cô bé với lời cầu chúc mọi điều tốt đẹp. Tôi tin họ sẽ bình thành nên một gia đình êm ấm. Người thiếu phụ kia còn gặp khó khăn, vất vả khi chung sống với người lính mang trên mình nhiều vết thương đau đớn nhưng chắc chắn chị sẽ hạnh phúc bởi hành trình cuộc sống của chị được đi trong một tình yêu lớn lao. Tôi còn phải đi quãng đường khá dài nữa. Chiếc xe vẫn tiếp tục lắc lư theo trục trở của từng đoạn đường nhưng cảm nhận về sự êm đềm lại đang lan tỏa quanh tôi.

Tháng 9-1996.

■ T.H

Thơ



Lộc Xuân - Ảnh Võ Trấn Phú

■ PHAN THI THẢO

Mười năm Phước Cát

I. Ngày xưa:

Mười năm trước chúng tôi về trường
Thật bàng hoàng trước cơ ngơi hoang đã

Trường chìm ngập giữa một vùng sậy
lá

Đột nát mái tranh - xiêu vẹo vách
tường.

*

Cùng với những người dân xa quê
Đến với đất tìm củ khoai, hạt gạo
Chúng tôi, một vài thầy cô giáo
Đến với trường nhóm ngọn lửa yêu

thương

*

Vẫn biết đất nào chẳng là quê hương
Sao ngày ấy đất mới buồn đến thế
Hoàng hôn xuống ta nghe chầm nhạc
đế

Bình minh lên nghe tiếng gọi tắc kè...

*

II. Hôm nay:

Hôm nay trường đã mười mùa thi
Mái tranh xưa được thay bằng mái
ngói

Sáng đến trường những nụ cười tươi
rời

Ao dài bay, khăn đỏ bay bay

*

Mười năm rồi biết mấy đổi thay
Bao bùi ngọt và mấy lần thử thách
Thầy hiệu trưởng đã chuyển về miền
Bắc

Lớp học đầu tiên giờ đã trưởng thành

*

Mười năm rồi thời gian qua nhanh
Hay mãi bận ta quên dần năm tháng
Đời được đêm bằng từng trang giáo án
Ta cùng ta cứ thế miết mài

*

Bây giờ đây quả ngọt trái sai
Bây giờ đây đã nên trường nên lớp
Bây giờ đây đã khác mười năm trước
Chưa thật giàu sang nhưng thật tự hào

III. Ngày mai

Mai xa rồi em có nhớ không
Hàng mít già nua - cây bàng mới lớn
Mai xa rồi mỗi chiều mỗi sớm
Em có nhớ về mảnh đất này không?

*

Một ngôi trường - bên một giòng sông
Một ngôi trường - một thời chật vật
Một ngôi trường - đã một thời lay lắt
Trong khó khăn đã biết trưởng thành

■ P.T.T

■ **TRẦN NGỌC TRÁC**

Cát Tiên

Lâu rồi, nay mới về đây
Bữa cơm hương nếp - bát đày mẹ
đơm.
Cá kho khô khốc vàng ươm,
Cha vừa bữa lưới ao vườn kéo lên,
Mệnh mông đồng rạ Cát Tiên,
Cứ sau mùa gặt lại thêm nếp nhà.
Bà con tú xứ quê xa,
Gần nhau hôm sớm mà ra lảng
giềng.
Những khi tắt lửa tối đèn,
Bát cơm hạt muối càng thêm mặn
nồng.
Những khi đau ốm khổ cùng,
Đong đưa cánh võng một vùng
chao nghiêng...

*

Mỗi lần về lại Cát Tiên
Càng thương bóng mẹ nghiêng
nghiêng xê chiều

3.4.96

■ **T.N.T**

■ **NGUYỄN HOÀN TÌNH**

Chiều của núi

Em gửi trăng đi về phía núi
Cánh chim tìm về cõi hoang sơ
Chiều cúi xuống hôn rừng xanh
dang dở
Con thú gầm lên ra suối uống trăng
mở.

Cát Tiên, tháng 12-1995

■ **N.H.T**



Đêm. Tiếng đồng la lan xa trên
mặt sông Đồng Nai. Ánh lửa bập
bùng bên chóc rươu cần nông
nàn hương vị lúa mẹ. Mùa xuân đã về
với muôn nhà. Mùa xuân đã về với
miền đất trần trở, miền đất của những
huyền thoại từ cổ xưa mà rất mới, rất
thực với cái tuổi 10 năm gầy dựng Cát
Tiên...

Mười năm qua đi với một đời
người, với một vùng đất, với lịch sử
thật ngắn ngủi - Như mới hôm qua đây
con đường vào Cát Tiên chỉ có một lối
mòn, leo qua dốc Ma Thiên Lãnh, dốc
Mạ ơi, lội qua suối Đa Goay, Đa Si...
10 giờ đêm mới thấy ánh lửa của buôn
Go, buôn Bàng - Buôn làng của người
Mạ, của xã Năm anh hùng trong kháng
chiến chống Mỹ. Thật yên lòng hèn



sông Đồng Nai, những đền đài thành quách hoành tráng, uy nghiêm được xây bằng gạch, được trang điểm bằng những tượng đài thiếu nữ ngực trần, ánh mắt thanh thản ngược nhìn mặt trời mọc. Nàng đã sinh ra ở Cát Tiên

Trên mảnh đất NGƯỜI ĐỜI

■ KHÁNH THIÊN

những người ban hàm răng đá cà, đôi tai đã cặng, ánh mắt thắm xanh kê về truyền thuyết núi Đá Mài, núi Chơ Reng, về nàng Ka Giêng chiến thắng quỷ trâu... Họ yêu biết bao cái chốn này, như từ ngàn đời từng ngọn núi, con suối đều đã có tên: Bàu cá sấu, Bàu cá lóc, cá Trắng, Bãi Nai, Bãi Min, Bãi Chim, Dốc Khỉ... Từ Rắn, Rùa, Ba Ba, đến Hồ, Gấu, Bò Tót, heo rừng... và ngay cả loài tê giác cũng coi mảnh đất dưới chân Trường Sơn Nam là quê hương của chúng. Người Ma cũng quen biết chúng - Họ biết con Hồ đó mấy tuổi, bầy Tê giác đó mới có thêm một con Tê giác nhỏ... Những cây cổ thụ có đường kính 2-4m gây cho con người cảm giác đây là rừng cổ

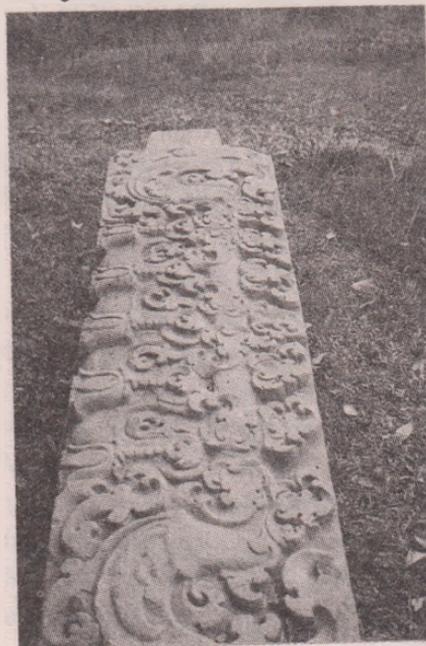
Lần theo những truyền thuyết, huyền thoại chúng ta gặp những chứng tích nằm trong lòng đất suốt dọc triền

từ 3.000 năm trước, đã cùng với thời gian chúng kiến biết bao biên động trên mảnh đất của người đời. Chủ nhân xa xưa của vùng đất này ở đâu? Họ đã yêu thương, giận hờn, tha thứ, chia ly như thế nào? Chỉ biết họ để lại những cánh sen mềm mại khắc trên cột đá, những ngẫu tượng Linga-yony như khát vọng sống bất diệt của con người. Và hàng ngàn năm sau, những người Mạ sinh ra, lớn lên ở đây - Họ săn bắt, hái lượm, họ giữ lửa trong nhà dài và thờ Đa thần giáo... Lửa đã cháy và máu đã đổ từ những ngày Ché Bông Nga (vua Chăm) dẫn quân đi chinh phạt miền sơn cước. Lửa đã cháy và máu đã đổ, chất độc hóa học đã rải xuống vùng này trong suốt hai cuộc kháng chiến. Mảnh đất từng là cửa ngõ của chiến khu D, người Ma và những rừng thâm bầu, dãy núi, dòng sông đã che

chở Trung ương cục miền Nam, đã trở thành sân phía đông của chiến trường B2. Năm 1975, Trung đoàn 3, Sư đoàn 600 thuộc Quân khu 7, đơn vị làm kinh tế của Bộ Quốc phòng do đồng chí Ba Đạt lãnh đạo đang đóng quân và tiếp tục sản xuất lương thực ở Cát Tiên. Lúc đó Cát Tiên là vùng đất thuộc Phước Long - Sông Bé. "*Ở đâu có một miền quê mới, ở đó nắng lên hương âm đang về*". Bài hát vang lên trong đám cưới, của vợ chồng bộ đội, trong các cuộc đoàn tụ...

Anh Tập, chiến sĩ của Trung đoàn 600 nay ở Buôn Go kể: Năm 1981, khi anh Ba Ngọc tới nhận bàn giao Trung đoàn 600 có 51 hộ gia đình chiến sĩ ở lại huyện Cát Tiên bây giờ. Anh nhớ mãi lần Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm Cát Tiên 1982, đồng chí đã hôn lên mảnh đất này và dặn: *Các cháu hãy yên tâm ở lại xây dựng kinh tế, sau này con, cháu các cháu sẽ có trường học...* Không ai ngờ, sự đổi thay ở đây thật không thể tưởng tượng được. Vợ chồng Bác Lộ, một trong bảy gia đình quân nhân đến Cát Tiên từ năm 1978 còn nhớ mãi bác đã vận dụng trí lực thế nào để đóng được cái cối xay lúa đầu tiên, xay ra gạo lẫn tới nửa lúa... Bác đã phải đổi tới tám mền cuối cùng của gia đình để có con gà, con chó, con mèo, đã phải chắt chiu từng hạt giống đậu, giống rau ở miền đất mới. Năm 1982, khi giao đất cho Lâm Đồng, Cát Tiên

bây giờ được lập thành ba xã: Phù Mỹ, Đồng Nai, Phước Cát (thuộc huyện Đa Hoai chưa chia). Lúc đó, nhiều lắm một tuần mới có 1 chuyến xe vào xã Đồng Nai. Đến tận năm 1984, chúng tôi vẫn phải lội bộ một ngày từ Đa Têh vào tới Cát Tiên, đi suốt cái nắng chói chang rồi mưa ào ạt để nổi mọt mòi được xóa đi bằng tiếng cười, niềm lạc quan của Chủ tịch xã mới 25 tuổi. Anh đã tin, đã xây dựng được niềm tin đó ở mảnh đất yêu thương này. Chủ tịch Trần Đình Nhung bây giờ với tất cả tâm tình cho miền đất, anh vẫn chưa hài lòng dù huyện đã có 245 lớp tiểu học, với 7.566 em nhỏ tới trường, 49 lớp cấp II, với 2.079 học sinh, một trường Phổ thông Trung học, với 340



học sinh. Một bệnh viện, 7 trạm xá xã... cơ sở vật chất của cơ quan, của dân mọc lên san sát. Con đường nhựa mịn màng chạy qua thị trấn Buôn Go - nơi người dân đã có bát ăn bát để, nơi đã có hàng chục tiệm vàng, mấy chục cửa hàng may mặc, ăn uống, uốn sấy tóc... Thị trấn đã xây chợ lồng thoáng đàng, sạch sẽ. Hai thị tứ đã hình thành ở Phước Cát, Gia Viễn. Hơn nửa số dân đã có Tivi, cát xét, đầu máy Video, xe máy, xe tải... Cát Tiên bừng sáng khi đã được hòa mạng lưới điện quốc gia. Anh đang phấn đấu cho con đường giao thông Cát Tiên được củng cố và mở một chiếc cầu mơ ước về phía Sài Gòn. Anh vẫn ăn không ngon, ngủ không yên vào những mùa nước nổi - khi chưa trị thủy được dòng sông Đồng Nai phá hoại mùa màng - Và anh ước mơ: một ngày không xa khi công nghiệp hóa vùng Cát Tiên sẽ trở thành hiện đại hơn với ngành công nghiệp không khói là Du lịch - Với một Khu bảo tồn thiên nhiên Cát Lộc còn một bày Tê giác cuối cùng của trái đất; Một khu đền đài uy nghiêm - Thánh địa Bà La Môn giáo của vương quốc Phù Nam.

Chúng tôi cũng không thể quên được ngày có quyết định thành lập huyện 1987, chúng tôi đến thăm người bạn làm ở Phòng Tài chính huyện Cát Tiên. Lúc đó Tài chính, Ngân hàng làm chung trong 4 gian nhà gỗ của UBND

xã Phù Mỹ. Anh nằm trong bóng tối, khi ngọn đèn hạt đỗ leo lét sáng, chúng tôi đọc dòng chữ ghi bằng tiếng Pháp: *"Đời tôi không chỉ dừng ở đây"*. Vâng điều đó đã được chứng minh: dưới chế độ cũ anh từng là tu sĩ trường dòng, là sinh viên, từng đi buôn đồ cổ. Khi vào làm cơ quan Nhà nước cũng chỉ có một bộ quần áo. Giờ đây vợ chồng anh đã có nhà, có xe máy, có con gái, con trai, cả hai vợ chồng được cơ quan cho đi học Đại học... Bây giờ trụ sở Tài chính, Ngân hàng, Kho bạc, Kiểm lâm được xây trong những khuôn viên xinh xắn dưới bóng chàm thơm ngát. Thời gian không ngừng lại, đời người có dừng lại bao giờ.

Chỉ 10 năm thôi Cát Tiên đã không còn chỉ khai thác nguyên liệu như gỗ, tre, nứa, song mây, hạt uoi... Cát Tiên sẽ xuất khẩu những thành phẩm của mình như lúa gạo, tơ tằm... Trong tương lai thành quách, đền miếu cổ sẽ được tôn tạo, rừng sẽ được bảo vệ. Chỉ cần 20 phút du khách có thể rẽ vào Cát Tiên, thăm công trình kiến trúc văn hóa kỳ thú, thăm buôn dân tộc với lễ hội đâm trâu, tới bãi chim, bãi nai, và bơi thuyền độc mộc trên dòng sông Đồng Nai. 40.000 người dân với chòm sao số phận trên mảnh đất người đời Cát Tiên sẽ trở thành quê hương mà:

*"Khi ta ở đất chỉ nơi ta ở
Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn"*.

■ K.T.

CÁT TIÊN

NGÀY NAY



1



2



3

1. Bưu điện huyện Cát Tiên.
Ảnh: ĐAN
2. Cây xăng tại Buôn Go. Ảnh: ĐAN
3. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện. Ảnh: ĐAN

4



- 4. Dòng điện và con đường.
- 5. Ngân hàng. Ảnh: ĐAN
- 6. Kho bạc nhà nước huyện Cát Tiên. Ảnh: ĐAN
- 7. Trường PTTH Cát Tiên trong ngày khai giảng. Ảnh: T.L.

5



7



Thơ

■ CHU BÁ NAM

Như có... như không

Bên anh em lặng im
Có em như không có
thuyền trôi xuôi lững lờ
Đồng Nai sông mùa khô.

*

Lắng nghe con cá lội
Tiếng chim trong tiếng ve
Mênh mang mênh mang nước
Đôi bờ tre và tre.

*

Gió không đủ lật thuyền
Nước không đủ chìm thuyền
Để cho anh cứu em.

*

Rừng cây chao xuống nước
Chân em bước lên bờ
Chòng chành một chỗ trống
Không em mà có em.

Cát Tiên, mùa khô 1996.

■ UÔNG THÁI BIỂU

Thức với Cát Tiên

Mưa tháng Mười dầm dề tựa mưa
Ngâu,
Đốc dựng trượt trơn hơn nhịp cầu Ô
Thước,
Có thể gửi nỗi niềm qua ai khác được
Nên lặn lội tôi về thức cùng với Cát
Tiên...

Cứ lần lựa hoài rồi cũng về quê em
Con đường không êm êm chỉ dòng
sông lặng lẽ
Góp nhặt mỡ màu ngọt ngào dâng đất
trẻ
Ai giận thương ai bên lở nhớ bên bồi...

Giùng giàng mưa đêm tơ nổi đất cùng
trời
Giọt mưa bồi hồi rơi hững hờ mép sóng
Khúc hát thượng nguồn phập phồng
đêm ảo vọng
Hoà lòng tôi vào Cát Tiên mênh mang...

Đời người lang thang câu hát cũng lang
thang
Tháng ngày gian nan hóa lời ru dịu nhẹ
Rằng ai ơi chớp nguồn cùng mưa bể
Đất mới nao lòng nghe em hát ru con...

Đêm thắm sâu ấp ủ những nhánh non
Sâu hơn cả nỗi niềm tôi sắp nói.
Đồng Nai ơi con nước khuya điệu với
Trôi về đâu lấp lửng suốt đêm dài...

■ TRẦN HỮU LỊCH

Dòng sông

Có dòng sông như thế
Buổi em đến đất này
Nước trong xanh kỷ niệm
Soi thấu thời thơ ngây

Đời sông có từ ấy
Trong hương đất thơm nồng
Rừng ẩm trong giọng nói
Giữa mùa vàng mênh mông

Anh tìm em băng khuâng
Một góc trời lá đổ
Cao nguyên nắng và gió
Nhớ em, nhớ vô cùng

Anh tìm đến dòng sông
Sông soi bóng đôi thương
Chiều về bên làng mới
Huế nghiêng mình yêu thương

Ơi dòng sông trong hồn
Bồng thiết tha sóng vỗ
Bên đời, sông vạn thuở
Chảy qua miền Cát Tiên

Qua bên tê bầu sen
Mùa sen rừng trẻ lại
Những đóa sen ấm mãi
Đưa hương làm niếm tin

Đó là vùng đất tận cùng của 3 tỉnh Lâm Đồng, Sông Bé, Đồng Nai. Cánh rừng nguyên sinh rộng lớn bao bọc thành một vòng tròn vây kín. Ở giữa là con sông Đồng Nai chảy qua làm ranh giới, nhưng thực chất gần 15 vạn người châu Mỹ, Stiêng bản địa và người Tày, Nùng, Dao... đi kinh tế mới đã trở thành một "bộ lạc" bị lãng quên, bởi giao thông liên lạc là những con đường đất xóa sổ hoàn toàn vào mùa mưa. Chìm đắm trong nghèo đói, sốt rét rừng, mù chữ và cái buồn thăm thẳm của vùng sâu.

Trên đường khách du đi Đà Lạt (QL.20) ở ngã ba Madagui có một con đường đất, gọi cho sang là tỉnh lộ 721 chạy vào tới vùng đất tận cùng này. Nếu đúng nghĩa như người dân ở đây vẫn gọi, là "tỉnh lộ cụt". Hầm hố hãi hùng và mặt đá lởm chởm chém phẳng phẳng vào bánh chiếc xe đồ đi Cát Tiên. Mới qua 2 cây số đầu tôi đã

thăm thía thế nào là "con đường đau khổ" lời báo trước của anh bạn Cát Tiên. Dưới cái nắng hầm hập mà chiếc xe đồ phải trùm bịt bùng một tấm bạt. Tôi hé tấm bạt nhìn ra, bụi mịn mù tràn vào, cả xe ho sặc sụa. Ngồi bên cạnh tôi là một cậu thanh niên vừa đi mổ mắt dưới Sài Gòn lên, hai tay bưng lấy con mắt băng kín, rên rỉ suốt chặng đường. Xe giật nảy liên hồi mà mấy đứa bé vẫn ngủ mê mê, trên mặt chúng phủ một lớp bụi mỏng. Tôi nhìn khắp xe và nhìn lại mình mà buồn cười, tóc người nào cũng bạc phếch như mới nhuộm. Chiếc Dodge kêu rên rĩ bò qua dốc Mạ ơi, rồi dốc Khi, dốc Đá Mài. Khúc sông Đồng Nai thượng nguồn hiện ra trước mắt, thế là đến Cát Tiên. Ngay giữa thị trấn mà bụi vẫn cuốn lên mù mịn, đến nổi một

Tiếng gọi

THƯỢNG NGUỒN

chiếc xe đạp đi qua cũng kéo theo một làn bụi. Đó là thứ đặc sản đầu tiên của Cát Tiên mà bất cứ ai đã đến đây đều phải thưởng thức. Sương mù Cát Tiên đây! Trẻ con đi học vẫn đùa giỡn trong đám bụi đó, chúng đã quen như thể cho đến khi lớn lên.

Men theo một con đường mòn dẫn ra bờ sông, chúng tôi gặp một chiếc cầu phao kết bằng tre phấp phồng như số phận của người dân bên kia sông vậy. Chỉ một con lư kéo về là cuốn phăng, cả xã Đaklua (Tân Phú - Đồng Nai) bên kia trở thành cô độc. Các cô giáo Đaklua vây quanh tôi: "Chúng em bị bỏ rơi từ lâu rồi anh ạ? Hỏi ra mới biết, gần 7000 người dân ở Đaklua này trước là công nhân của Nông trường mía 600 thuộc Bộ Nông nghiệp và CNTP, từ ngoài Bắc đưa vào. Từ ngày qui hoạch rừng Quốc gia Nam Cát Tiên, con đường độc đạo dẫn ra huyện Tân Phú bị cấm. Một cánh rừng và những dãy núi kéo dài vây kín, nhốt thung lũng Đaklua cô độc bên cạnh sông Đồng Nai. Từ đó đến nay không còn thấy bóng cán bộ huyện nữa. "Chúng em chả biết mình thuộc tỉnh nào, huyện nào nữa. Đi họp Phòng Giáo dục mà phải bơi thuyền qua Cát Tiên, thuê một cuộc xe ôm vòng ra đường 20 rồi đón xe về Phương Lâm, hết 60.000 không ai thanh toán. Thế là chúng em nghỉ luôn". Cô Hiệu trưởng trường cấp I trò chuyện với giọng buồn đến mức vô cảm. Đất này trước là vùng nguyên liệu của nhà máy đường La Ngà, trữ lượng cả 100.000 tấn một

năm, vậy mà đành phải thả trôi sông hoặc đốt cháy hàng chục tấn, vì... không có đường cho xe vào. Người dân cứ thế mà đói. Một cái chợ lèo tèo vài miếng thịt heo ôi, mấy người đàn ông xúm quanh chia nhau. Trẻ con ở đây nhìn que kem và ổ bánh mì như là biểu tượng của nền văn minh hiếm hoi mới thấy xuất hiện.

Cái nghèo đói của huyện Cát Tiên (Lâm Đồng) thì oái ăm hơn vì hơn 5000 ha ruộng mỗi năm 2 lần chết khát và ngập úng. Con sông Đồng Nai đành phải mang một cái tội hết sức vô lý như thế. Người dân phải lên lút lên rừng đốt rẫy. Con đường mòn vào tận cùng xã Tư Nghĩa bị tắc bởi con suối chảy ngang. Bên kia núi vừa mọc lên một khu rẫy mới. Một thằng bé con hướng dẫn chúng tôi vừa lội suối, vừa chui qua một lũy tre rừng chằng chịt gai: "Các chú mang gạo vào cho nhà cháu đây à?". "Gạo gì?". "Gạo kinh tế mới đây". Hai đứa bé, thằng anh tên Hùng, thằng em tên Can, vừa theo bố mẹ từ Vĩnh Phú vào. Bố mẹ đã lên rừng kiếm gạo, 2 đứa ở nhà chơi với đàn gà con, ngôi nhà nằm khuất dưới chân núi, trống hoang 4 phía, giữa ban ngày mà muỗi cứ bay vo ve. "Bọn cháu có bị sốt không?", "Sốt chứ", "Có đi học không"? "Có". "Thế ở ở đâu?" Chúng cười hì hì. Bầy gia đình ở trong 1 ngọn đồi sâu xã Nam Ninh đường rừng, lội suối nên trẻ em bỏ học hết. Hơn 100 đứa trẻ đúng tuổi lớp 1 ở vùng Brun này đều theo bố mẹ đi làm, vì cái rẫy lại gần hơn cái trường... thế

mà chuyên học ở bên kia sông (huyện Bù Đăng - Sông Bé) còn thảm hại hơn. Cả xã Đoàn Kết không có lấy một trường học. Nhà nào thật "giàu" mới "nối" cho con qua Cát Tiên để học. Ở đây ai có bằng tiểu học là làm được cán bộ rồi đó. Cô bé chủ quán nước kể chuyện hồn nhiên mà chúng tôi không thể cười được. Ôi, những đứa trẻ còi cọc chủ nhân tương lai của một vùng đất rộng lớn mấy trăm ngàn ha, chúng không biết tương lai là gì mà ngay hôm nay con bệnh sốt rét rừng và suy dinh dưỡng vẫn đang giết dần mòn chúng. Tôi cứ day dứt hoài với câu chuyện của Bác sĩ Bệnh viện trường Cát Tiên. Chất độc màu da cam thả xuống chiến khu D năm nào, vẫn còn trong đất, trong nước, trong cây và trong những bào thai quái dị thỉnh thoảng vẫn xuất hiện.

Tờ mờ tối, một người đàn ông xuất hiện trước nhà mặt trận huyện Cát Tiên. K'Doan đấy. K'Doan là cán bộ của Thôn 5, đồng thời là người liên lạc cho hơn 200 hộ người châu Mạ đang sống sâu trong rừng cấm Cát Tiên. "Minh đi bộ từ sáng đến giờ mới tới, mai họp huyện rồi ghé chợ mua mấy thứ cho bà con. Cách 38 km mà phải đi suốt 1 ngày. "Bà con mình còn đói không?". "Lúc nào mà chẳng đói". Tôi xin phép K'Doan được đi theo anh, nhưng các anh cán bộ huyện lẫn K'Doan đều can: "Nhà báo đi nhiều, nhưng không vào tới thôn Năm mình được đâu". Ở Lâm Đồng, Thôn Năm là thôn nổi tiếng nhất tỉnh về đủ các mặt:

anh hùng nhất, ở sâu xa nhất! Một tháng sau lần gặp K'Doan không ngờ tôi đã "rơi" xuống cái thôn nổi tiếng đó, lại được kết bạn với già làng K'Đui ở buôn châu Mạ, thăm thía tận cùng về một thời hào hùng và nổi loạn trường hôm nay. Già K'Đui là thương binh, thời chống Mỹ già sang tận Bù Đăng để đánh giặc. Cả Thôn 5 này đều là du kích, hiện vẫn còn 2 anh em Điều Tư Lô - anh hùng bắn máy bay và Điều Thị Lô - nữ anh hùng, đại biểu Quốc hội khóa IV. Ngồi bên chốc rượu cần với bà con từ đầu hôm cho đến sáng hôm sau, tôi mới dám bộc bạch với già. "Đói vậy, sao bà con mình không đi làm, mà cứ ngồi uống rượu mãi thế?". "Rừng này là rừng cấm rồi, không phát rẫy thêm được nữa. Lúa đã tra xuống rồi, bây giờ phải ngồi đợi thôi. Mà không có cái rượu cần thì buồn lắm." Mà buồn quá đi chứ. Anh em ở Lâm Đồng vẫn thường gọi đùa "Đêm trắng Cát Tiên" để nói đến đời sống văn hóa, tinh thần ở đây. Buồn quá, không ngủ được, thành ra thức trắng đêm. Lãnh đạo huyện Cát Tiên trong các lần làm việc nhắc đi nhắc lại mãi về một chiếc cầu. Nó là hướng mở duy nhất cho vùng đất rộng lớn mà bế tắc này. Tỉnh lộ 721 kéo dài ra giáp bờ sông, nhìn qua bên kia Bù Đăng, cũng có một con đường chạy tới Quốc lộ 14. Chiếc cầu sẽ bắc qua ở đây. "Lúc đó, người dân chúng tôi sẽ tự giải thoát cho mình khỏi nghèo đói". Đúng, ở những vùng sâu chỉ có con đường, và cũng chỉ vì không có con đường...

Nhưng, để làm cái cầu, người ta còn tính đến hiệu quả kinh tế của nó nữa? "Nhưng tiềm năng của chúng tôi có kém gì cho cam. Chỉ vì cái thế bí này nên có ai tìm đến mà nhìn thấy. Ngày mai tôi sẽ đưa ông sang Bù Đăng để thấy".

Qua đến Bù Đăng, ông Chủ tịch Ba Chia đã khẳng định ngay. Bù Đăng là vùng đất lý tưởng cho cây công nghiệp. Đất đai còn nguyên sơ màu mỡ, cao su và điều thả xuống là mọc lên ngay. Vậy mà đến giờ cả mấy chục ngàn ha ven sông đành phải để cho bụi bờ mọc thả cửa. Năm ngoái một công ty lương thực của Thái Lan đã dự định đặt ở đây một nhà máy để cung cấp bắp cho thị trường công nghiệp Đông Dương. Tỉnh Sông Bé định liên kết đặt một nhà máy sơ chế hạt điều. Nếu có cả bắp, điều từ Cát Tiên, Đa Têh (Lâm Đồng) đưa sang thì các chủ đầu tư đã không còn phân vân. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao tỉnh Lâm Đồng vẫn đánh giá tiềm năng Cát Tiên cao nhất khu vực phía nam. Cát Tiên được đánh giá là trọng điểm lương thực và vựa lúa lớn, nếu tất cả diện tích đất đều được gieo trồng. Nếu tính cả tiềm năng của cả vùng thượng nguồn này, thì còn cả vựa lúa của Đak Lua, gần trăm ngàn ha rừng cấm Quốc gia và rừng tê giác Cát Lộc, nơi còn lại những con tê giác Java quý hiếm cuối cùng của trái đất. Cả một hệ thống bầu sấu, bầu cá lóc, những bãi nai, bãi min, bãi chim... Vậy mà gần 15 vạn người dân của vùng đất rộng lớn này vẫn chìm trong đói nghèo một cách phi lý

như thế.

Đêm cuối cùng ở Cát Tiên, dưới ánh trăng hạ huyền mờ ảo, vẻ huyền bí của vùng đất thượng nguồn mới hiện ra. Vùng đất bằng phẳng hai bên bờ thượng nguồn sông Đồng Nai này, trải dài cả Cát Tiên, Bù Đăng, Đaklua bây giờ, vốn là một đô thị Tôn giáo (Thánh địa) của Vương quốc Phù Nam (từ thế kỷ II - VII). Đầu năm 1995, đoàn khai quật của Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Lâm Đồng đã làm lộ rõ một phần của khu Thánh địa hoành tráng đó. Một ngôi đền mộ và một đền tháp cùng với nhiều tượng đá, ngẫu tượng Linga-Yoni, đồ gốm... đã được phát hiện ở xã Quảng Ngãi (Cát Tiên). Theo GS Hoàng Xuân Chinh - Viện phó Viện KCH thì Thánh địa Cát Tiên là một khu đền đài hoành tráng, rộng lớn như một tiểu quốc, vô cùng quý giá cho việc nghiên cứu và du lịch. Hơn 1300 năm trước nơi đây đã có một nền văn minh, một sự sống sinh sôi nảy nở, chứ đâu phải là biệt xứ "Rừng thiêng nước độc" như bây giờ. Vâng, con đường đi qua sẽ mở ra một tuyến du lịch mới lạ, đầy hấp dẫn. Từ TP.HCM đi Đà Lạt xuyên qua vùng miền Đông đất đỏ, ghé thăm Thánh địa Cát Tiên, kéo theo một tuyến du lịch đường sông nối liền rừng Quốc gia Nam Cát Tiên và rừng Tê giác Cát Lộc. Lúc đó cả một vùng rừng quý giá và một kho tàng văn hóa không còn bị cái đói cản xé từng ngày như hiện nay.

■ M.T

Một khúc sông ngắn

Một khúc sông ngắn mà cách trở òng giang. Bên này, hàng trăm ngàn tấn nông phẩm của vùng nông nghiệp Đạ Tẻh - Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng luôn bị ứ đọng bởi độc đạo 721 - một con đường cụt, thường xuyên xảy ra sự cố giao thông. Bên kia, vùng cây công nghiệp trù phú Bù Đăng - Phước Long tỉnh Sông Bé lại luôn cận kề với tình trạng khan hiếm lương thực, thực phẩm... Ước mơ về một cây cầu bắc qua sông Đồng Nai để chằng những thúc đẩy sự phát triển KT-XH ở hai huyện KTM xa xôi, khó khăn nhất của hai tỉnh mà còn tạo sự giao lưu thuận lợi cho cả một vùng rộng lớn thuộc khu vực nam Tây Nguyên, duyên hải miền Trung và đông Nam bộ.

MÀ CÁCH TRỞ ÒNG GIANG

■ KIM ANH



Sự cố sập cầu Đạ Lây năm 1995 gây ách tắc giao thông. Ảnh: Kim Anh

C húng tôi gặp anh Trần Đình Nhung - Chủ tịch huyện Cát Tiên tại trụ sở UBND huyện. Sau ly nước làm "quà", anh "khoe" bản dự án tiền khả thi bến phà Phước Cát I. Anh cho biết chi phí khảo sát lập bản dự án này lên đến 127,5 triệu đồng. Tôi thầm nghĩ: Ở một huyện nghèo như Cát Tiên mà "thất lung buộc bụng" chi khoản tiền lớn như thế hẳn việc nối liền hai bờ sông Đồng Nai đã đến hồi cấp bách! Thế nhưng tại sao không phải cái cầu mà là bến phà? Chẳng phải các anh đã "thai nghén" dự án cây cầu gần 4 năm nay và đã bao lần mời chúng ta cùng "đi sứ" sang Bù Đẳng hồng tìm tiếng nói chung? Như đọc được thắc mắc của tôi, anh nói: "Chúng tôi vẫn không nguôi mơ ước một chiếc cầu. Thế nhưng chi phí tối thiểu cũng phải mất 20 tỷ. Như vậy, chỉ có kinh phí Trung ương mới làm nổi. Nghĩa là phải đợi mà đợi đến bao giờ? Trong khi tổng chi phí một bến phà chỉ từ 5 tỷ đến 7 tỷ. Với mức chi phí khiêm tốn đó, có thể hy vọng vào nguồn ngân sách của tỉnh và nếu Sông Bé cùng hợp tác thì khả năng triển khai dự án là hiện thực". Tôi nhẩm tính: Đọc hai bên đường 721 Lâm Đồng sang Bù Đẳng (Sông Bé) với khoản 40 ngàn ha cây lương thực, 50 ngàn ha cây công nghiệp, 100 ha ao cá, hàng chục ngàn con gia súc và hàng trăm ngàn gia cầm. Đó là chưa kể nguồn lâm sản phụ khá dồi dào và tiềm năng du lịch to lớn. Trong điều kiện hàng hóa lưu thông thuận lợi thì

tổng sản phẩm xã hội không dưới 400 tỷ một năm. Như thế khoảng 20 tỷ đầu tư cho một cây cầu và nâng cấp con đường phải đâu là quá lớn?

Vậy mà, gần mười năm qua, nền kinh tế của cả một khu vực phải lặng lẽ một mình trong thế chật vật, bế tắc. Cùng với Đa Tẻh, Cát Tiên là vùng trọng điểm lương thực của tỉnh. Thế nhưng những năm gần đây, diện tích gieo trồng có phần bị thu hẹp và sản lượng lương thực giảm dần. Tổng diện tích gieo trồng năm 1994 chỉ bằng 95% năm 1993 (8780 ha/9224 ha) và năm 1995 lại tiếp tục giảm gần 800 ha nữa. Xu hướng sút giảm này chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt khi mà đang giữa vụ mùa, nhiều thửa ruộng ở các xã Đồng Nai, Phù Mỹ, Tư Nghĩa... lại ngút ngàn cỏ dại. Khi mà cứ đến mùa mưa bão nơi đây lại trở thành ốc đảo bởi lối ra duy nhất là tỉnh lộ ĐT 721 xảy ra sự cố hư cầu, tắc đường. "Ở cái vùng xa xôi này, làm ra hạt lúa đã khó, nhưng làm ra rồi lại chẳng mấy người mua. Mang đi nơi khác bán ư? Của một đồng công một nén" - lời của một lão nông ở thôn 2 xã Phù Mỹ. Quả vậy, tất cả những gì đã làm ra và dự kiến sẽ làm ra..., cả một tương lai phía trước của mấy chục ngàn người đều phụ thuộc vào tuyến đường - cái tuyến đường đã cụt lại đầy những trắc trở khó lường. Trong khi chỉ cách gang tấc - một khúc sông nhỏ - là một vùng thừa cả phê, hạt điều nhưng thiếu lương



**xe bị sa lầy trên tuyến đường Đoàn Kết
Thông Nhất, Bù Đăng tỉnh Sông Bé.**

Anh. Kim Anh

thực, thực phẩm. Cái vùng Bù Đăng, Phước Long ấy đúng là một thị trường lớn hóa giải những thừa ế ứ đọng nông phẩm của nơi này.

Có lẽ tuân theo quy luật cung - cầu mà vào năm 1990, khi phía bờ Tây (Bù Đăng) đầu tư hàng trăm triệu để mở con đường từ trung tâm huyện tới bờ sông Đồng Nai phục vụ cho công trình thủy điện Thác Mơ thì lập tức tại bờ phía đông (Cát Tiên) hình thành một bến đò với chức năng nối ĐT 721 với con đường mới mở. Vào thời điểm nắng ráo, bến đò khá tấp nập. Lúa, ngô, rau, cá, heo gà... theo các chuyến đò hồi hải cập bến Đăng Hà, rồi từ đó chúng tiếp tục vượt hơn 40 km nữa để đến phố huyện Bù Đăng.

Những con đò đơn sơ đã làm tăng giá trị của hàng hóa: 1kg cá lúc ở chợ Buôn Go (Cát Tiên) chỉ khoảng 7 ngàn

đồng nhưng sang Bù Đăng tăng lên 15 ngàn. Rau từ vài trăm lên đến vài ngàn một kg. Hầu hết các mặt hàng lương thực, thực phẩm đều tăng giá gấp rưỡi, gấp đôi. Ngược lại, vào những ngày mùa mưa, bến đò thường vắng ngắt, buồn hiu. Đồi bờ lại chìm trong xa cách. Dòng sông Đồng Nai từ chỗ trong vắt, phẳng lặng trở nên ngàu đục, cuộn sóng. Những chiếc xuồng máy trên sông lắc lư chòng chành. Rau quả sang đước bờ bên kia thì bầm dập và thậm chí tính mạng con người trên các chuyến đò cũng quá mong manh. Thực tế, đã có không ít vụ lật xuồng chết người. Đó là chưa kể nỗi gian truân khi "cõng" hàng hóa qua mấy chục km đường lầy lội để đến được nơi tiêu thụ.

Trăm nghe không bằng một thấy, chúng tôi quyết định "cưỡi ngựa xem... đường". Con đường đất đỏ nối bờ tây

sông Đồng Nai với thị tứ
Bù Đăng khá thông
thoáng. Việc giao thông đi
lại trong mùa nắng chắc là
thuận tiện nhưng nay đang
mùa mưa bão. Cứ thượng
lộ vài cây số phải giải lao
để gạt bùn, bóc đất bám
vào niềng xe Bonus, MZ.

Cuộc hành trình nói
chung là suôn sẻ nếu
không kể một lần bị "trấn"
tiền mãi lộ đây ấn tượng?
Số là để tránh một "cái ao"
giữa đường (thuộc xã
Đăng Hà), người ta phải rẽ
vào sân nhà của một nông
dân. Thế là để lấy tiền
"dịch vụ" gia chủ bèn
dựng lên một barie bằng
cây gỗ cong queo và thu
"sân phí" mỗi xe một ngàn
đồng.

Dẫu qua đôi màn khố ải, sau 4
tiếng, chúng tôi cũng hiện diện tại trụ
sở. Tiếp chúng tôi, anh Ba Chia - Chủ
tịch UBND huyện tay bắt miệng nói:
*"Hy vọng trong năm tới, khi sang đây,
các bạn sẽ không phải vất vả như vậy
bởi tỉnh đã duyệt 150 triệu để duy tu
con đường mà các bạn mới đi qua.
Hơn thế, Sở Giao thông vận tải cũng
đã có dự án mở thông tuyến Đoàn Kết
- Thống Nhất qua ĐT 721 Lâm Đồng
gặp quốc lộ 20".* Anh Súc - Trưởng
phòng kinh tế huyện cho chúng tôi



Phụ nữ Mạ với nghề đan truyền thống.
Ảnh: Hoài Vũ

xem văn bản của Sở GT-VT Sông Bé
số 225/GTVT ngày 18/4/96 trong đó
có đoạn: *"Vì nhu cầu đi lại, giao lưu
hàng hóa của nhân dân hai huyện Bù
Đăng và Cát Tiên là bức xúc và cần
thiết, Sở GT-VT nhất trí về chủ trương
hợp tác của hai địa phương để bắt phà
qua sông Đồng Nai".* Để minh họa
thêm, anh Ba Chia lan lện giở tấm
bản đồ UTM tỉ lệ 1/50.000, chỉ cho
chúng tôi địa điểm bến phà và đoạn
đường Đoàn Kết - Thống Nhất được tô
đậm bằng bút đỏ. Anh hồ hởi nói:

"Quy hoạch phát triển KT-XH huyện Bù Đăng thời kỳ 1996-2000 xác định đây là tuyến giao thông quan trọng phục vụ đi lại, giao lưu hàng hóa và phát triển du lịch. Do vậy sẽ cải tạo và củng cố giai đoạn 1 (1996-2000) theo tiêu chuẩn kỹ thuật cấp 4 và miền núi, kinh phí ước 300 triệu đồng/1km. Đồng thời giai đoạn này đề nghị đầu tư một chuyến phà tự hành qua sông Đồng Nai. Đến giai đoạn 2 (2001 -- 2010) sẽ bắc cầu bê-tông dự ứng lực và trải nhựa con đường..." Theo sự mô tả của anh, tôi mừng tượng một con đường. Con đường ấy hòa nhập miền đất nam Tây Nguyên với miền đồng Nam bộ và TP. Hồ Chí Minh. Khi đó, không những Bù Đăng và các huyện phía nam Lâm Đồng được thông thương trao đổi hàng hóa mà cả khu vực rộng lớn bao gồm các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Sông Bé, Bình Thuận, Đồng Nai và TP. Hồ Chí Minh sẽ giao lưu nhanh chóng thuận tiện hơn. Lương thực, thực phẩm của Dạ Tẻh - Cát Tiên sẽ tìm được thị trường tiêu thụ chẳng ở đâu xa mà ngay trong tầm với của mình. Cây mía, hạt điều và lâm sản phụ của Bù Đăng (Sông Bé), Cát Tiên (Lâm Đồng) và Tân Phú (Đồng Nai) được giải phóng, nhanh chóng trở thành vùng nguyên liệu phong phú cho khu công nghiệp Biên Hòa - TP Hồ Chí Minh. Con đường và cây cầu sẽ đánh thức tiềm năng của đất, tiềm lực của người, hồi sinh những nương dâu, đồng

lúa, khởi sắc cho những thôn xóm, bản làng. Và hơn thế nâng bước chân hàng vạn du khách thập phương đến với rừng cấm Cát Tiên, Vương quốc Phù Nam cổ, Sóc Bom Bo và dòng sông Đồng Nai huyền hoặc lăm thác nhiều ghềnh.

Lợi ích và hiệu quả nhiều mặt của cây cầu là thế, nhưng mãi đến bây giờ việc nối hai bờ sông Đồng Nai còn gặp rất nhiều khó khăn. Một cán bộ ở huyện Cát Tiên cho chúng tôi hay: Huyện đã trình bản dự án làm mới bến phà Phước Cát I hơn 5 tháng rồi nhưng đến nay tỉnh vẫn chưa có ý kiến. Bởi vậy, một cuộc gặp mặt giữa những nhà lãnh đạo hai tỉnh để giải quyết dứt điểm vấn đề này chưa thể tiến hành được. Thêm nữa, cây cầu hay bến phà? Công trình nào sẽ được những người có thẩm quyền quyết định? Vâng, đứng bên bờ sông trong một chiều mưa gió lặng nhìn dòng nước cuộn cuộn, đục ngầu và con đò chòng chành "cồng" những bao hàng nặng trĩu và các bác nông dân đội nón mang toi co cụm ở phía cuối, không hiểu sao trong tôi hiện hiện một chiếc cầu vĩnh cửu chứ không phải bến phà với tuổi thọ chỉ có 10 năm như trong dự án. Và như vậy, cây cầu không còn là vấn đề của riêng hai tỉnh Lâm Đồng, Sông Bé mà hơn thế phải là mối quan tâm của những cấp cao hơn.

■ KA



BAO GIÒ

NGUỒN NƯỚC CÁT TIỀN...

■ **TÔ MINH**

Song 10 năm qua, sự đầu tư về tưới tiêu cho Cát Tiên còn quá ít ỏi: đập dâng V20 ở Quảng Ngãi tưới cho 20ha lúa 2 vụ, hệ thống thủy nông Nam

Ninh tưới được khoảng 100ha cho 2 xã Nam Ninh, Tuyên Hoàng. Chưa có một hồ chứa nước nào, trạm bơm Phù Mỹ đang được xây dựng chỉ tưới cho 120ha lúa 2 vụ và nước sinh hoạt, đập thủy lợi nhỏ Đa Bo nếu củng cố lại cũng chỉ tưới được 50ha lúa 2 vụ. Tình thế đó buộc nhân dân bỏ công bỏ của làm những công trình tiểu thủy nông. Nhờ vậy, khoảng 450 ha lúa được tưới tiêu, nhưng thật khiêm tốn khi tổng diện tích vụ đông xuân có đến 4000 ha. Với những giải pháp nhất thời và tạm bợ đó nên nền nông nghiệp Cát Tiên không thoát khỏi tình trạng bấp bênh. Dù việc làm khó khăn và phức tạp đến đâu đã đến lúc thủy lợi Cát Tiên cần có qui hoạch về tổng thể, lâu dài.

Cát Tiên có khoảng 6.500 ha đất sản xuất nông nghiệp nhưng địa hình chia cắt, bình độ thấp, nguồn nước chỉ cân bằng được khoảng 3.500 ha. Mùa mưa, lượng mưa bình quân hàng năm khoảng 2.800 mm, lưu vực sông Đồng Nai đổ về vùng đất này 7.480km², chiếm 73% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Lượng lũ bình quân tại vị trí Đarsi khoảng trên dưới 10.000m³/s vào hàng năm. Bởi vậy, Cát Tiên luôn phải chịu hạn hán về mùa khô, lũ lụt về mùa mưa. Mực nước hai mùa thường chênh nhau hơn 10m.

Trước tiên phải tạo được nguồn nước vào mùa khô. Giải quyết việc này, ông Mai Nam Dương - Phó GD Sở NN và PTNT Lâm Đồng cho biết: Cát Tiên cần phải xây dựng 5 hồ chứa nước (khoảng 24 triệu m³) để tưới tự chảy cho các vùng có bình độ thích hợp. Đó là các hồ nước Đarsi, Đaklo, Phước Trung, Quảng Ngãi và Đạ Bo. Hồ Đaklo với dung tích 12 triệu m³ nước, 40 tỉ đồng vốn đầu tư, 800 ha lúa 2 vụ sẽ được tưới tiêu đã được phê duyệt. Tiếp đó sẽ là hồ Đarsi với khoảng 70-80 tỉ đồng vốn, tưới cho 1.100 ha trong nay mai. Đồng thời, hai trạm bơm Quảng Ngãi và Phước Cát lấy nước từ sông Đồng Nai về cho những vùng cao; 10 đập dâng nhỏ tưới cho những diện tích cục bộ. Với dự án tổng thể nói trên khi hoàn thành Cát Tiên sẽ có 3.500/4.000 ha lúa 2 vụ có nước tưới, nước cho chăn nuôi, nước cho sinh hoạt sẽ đến với mọi người.

Về lũ lụt càng trở nên cấp thiết khi nếu lũ sông và lũ đồng xảy ra. Việc ưu tiên đầu tư để tạo nguồn cấp nước

chính là biện pháp chủ động chống lũ. Khi có nước người nông dân mới chuyển dịch được cơ cấu cây trồng và dĩ nhiên canh tác và thu hoạch sẽ tránh được kỳ lũ lụt. Một biện pháp hữu hiệu là chống lũ từng vùng bằng cách đắp bờ bao phân vùng để cô lập lũ nội đồng theo khu vực và ngăn lũ ngoại lai tại các cửa cống Hai Cô, Đarsi. Việc làm này, khi kết hợp bơm tiêu tất sẽ làm giảm lũ cục bộ một cách khả quan.

Dự án qui hoạch thủy lợi từ tổng thể đến chi tiết ở Cát Tiên đã được Bộ Thủy lợi (cũ) thống nhất cơ bản. Bởi vậy, lâu dài lũ lụt ở Cát Tiên sẽ được giải quyết bằng qui trình cất lũ có điều khiển từ hệ thống liên hồ trên sông Đồng Nai về phía thượng nguồn. Lúc này, vừa có khả năng phát điện vừa phòng lũ cho hạ lưu. Con lũ sông sẽ bị chế ngự bằng các hồ chứa để xả dần. Con lũ đồng cũng được ~~hạn~~ chế trong 5 hồ chứa nhỏ nội đồng.

Thủy lợi Cát Tiên đã được noạch định, vựa lúa của tỉnh nay mai sẽ trở thành hiện thực. Mặc dù sản lượng



Đ/c Mai Nam Dương
- Phó Sở Nông
Nghệ nghiệp và Phát
triển nông thôn
khảo sát suối Đa
Bo. Ảnh: T.L

Đồng lúa Phù Mỹ.
Ảnh: Kim Anh

lượng thực hiện nay còn thấp so với tiềm năng (15.300 tấn qui thóc năm 1995) song không thể nôn nóng, thiếu tính toán. Ví dụ đắp đê cao để ngăn lũ sẽ không thành công vì lũ thượng nguồn thường về lớn, hàng năm lại biến động khác nhau.

Trước hết, chúng ta phải xử lý phù hợp với thượng nguồn theo từng bước. Mặt khác, dịch chuyển thời vụ cây trồng theo tình hình một cách hợp lý. Cát Tiên là huyện có số lượng ngày nắng nhiều bởi thế lúa đông xuân và cây vụ đông cần được làm sớm để nhận quang hợp nhiều, sâu bệnh lại ít. Theo đó, vụ hè thu cũng được thực hiện sớm hơn đối với chân ruộng thấp và có nước để tránh lũ. Những giống lúa ngắn ngày, chịu hạn như H61, IR13240 -180, LC 88-66..., các giống bắp lai cần đưa vào sử dụng.

Điều cần nói thêm, khả năng nguồn vốn địa phương có hạn, thiên nhiên ảnh hưởng nhiều đến kỹ thuật cho nên những công trình lớn như Đarlô, Đarsi cần đến vốn Trung ương. Sự chậm trễ trong thi công công trình trước sẽ làm muộn màng công trình sau: hồ Đa Têh, Đarlô, Đarsi....

Mười năm thủy lợi ở Cát Tiên có thể nói bản thân huyện gần như tự khắc phục đi lên. Hôm nay, ta có quyền tin rằng Cát Tiên ngày một gặt hái thành tựu. Mảnh đất cuối cùng của Lâm Đồng này sẽ làm chủ nguồn nước của mình, đó là tin vui trước ngưỡng cửa năm 2000.

■ T.M



Bây giờ, nếu ai có dịp về với Cát Tiên, chắc hẳn bạn sẽ cảm nhận được rằng,

vùng đất này đâu còn những vất vả khó khăn song sự khởi sắc đã bùng lên trông thấy. Ngoài dáng dấp phố phường ở thị trấn Đồng Nai, thị tứ Phước Cát I thì trong từng đường làng, ngõ xóm cảnh sắc cũng đã đổi thay. Và tất nhiên, những khóm nhà tranh heo hút, ảm đạm và buồn tênh của mười năm trước đây giờ đã lùi dần vào ký ức. Riêng tôi, điều cảm nhận thấm sâu hơn, đó là sự bình yên của mảnh đất này.

CÁT TIÊN

■ VIỆT HƯNG

Sự bình yên ở Cát Tiên đập vào mắt tôi ấy là những sợi khói lam chiều vươn lên trong ráng chiều êm ả của vùng chiêm trũng Gia Viễn, Tiên Hoàng và phố chợ trật tự Đồng Nai; Phước Cát...

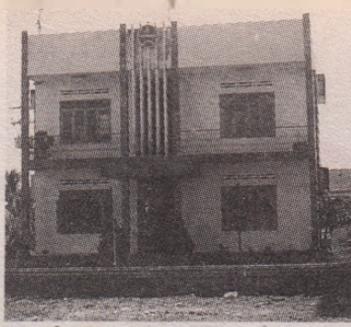
Có lẽ sẽ không chủ quan khi làm một phép so sánh bằng việc "ăn cơm mới, nói chuyện cũ". Về tình hình trật tự an ninh (TTAN) ở Cát Tiên giờ đây với... chuyện cũ mười năm trước.

Huyện Cát Tiên vốn là vùng đất rộng, người thưa. Mười năm trước, khi dân số ở đây chỉ mới xấp xỉ 20.000 thì nhiều vùng đất lại càng hoang vắng

hơn. Hơn thế nữa, Cát Tiên lại là vùng giáp ranh với các huyện vùng xa của Đồng Nai và Sông Bé nên nơi đây đã mặc nhiên trở thành cái "ổ lót" an toàn của các loại đối tượng hình sự. Trong tình hình các đối tượng phạm pháp gia tăng nhưng bên cạnh đó, lực lượng CA quá mỏng và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ có hạn và phong trào quần chúng bảo vệ ANTO chưa được phát động sâu rộng nên tình trạng trộm cắp; trộm lộn và đâm chém nhau xảy ra không ít là điều không thể tránh khỏi...

Khỏi phải nói nhiều về nỗi gian lao

vất vả của người chiến sĩ CA Cát Tiên thời đó như thế nào. Thế nhưng, dù hoạt động công tác trong hoàn cảnh thiếu người, thiếu phương tiện ấy CA



Trụ sở Công an huyện. Ảnh: ĐAN

nọ nên hiệu suất chất lượng công tác chưa cao. Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng tôi dám nhìn thẳng vào chính bản thân mình để tu dưỡng phấn đấu vươn lên...

Cát Tiên vẫn không thể bỏ bê công việc dù gánh nặng quá với sức mình.

Tôi đã từng theo chân các chiến sĩ CA lộ bộ vào vùng Gia Viễn, Tiên Hoàng giữa mùa lụt trắng đồng hay leo dốc bờ hơi tai đến tận thôn Năm để tuần tra và truy lùng tội phạm. Ngày đó, dù là CA nhưng họ đã phải nhin đói, mặc rét để làm việc. Đã có những cán bộ, chiến sĩ CA tâm sự với chúng tôi khi nói về công việc (dù đã cố gắng nói cứng cỏi) song vẫn bộc lộ những lo lắng, chán nản bởi sức người có hạn mà công việc cứ ngập đầu và cái sự "trăm đầu đờ đầu trăm". Khó mà phân giải...

Giờ đây thực hiện của CA Cát Tiên đã có bước trưởng thành cả về chất và lượng. Đây cũng chính là nguyên nhân quan trọng để có được một Cát Tiên bình yên về mọi mặt. Tất nhiên "Nước lã không vã nên hồ" mà là sự phấn đấu để vươn lên trong bao vất vả của cán bộ, chiến sĩ toàn đơn vị. Tâm sự với chúng tôi, thiếu tá Ngọc phó CA huyện giải bày: Công bằng mà nói, những năm trước, thời kỳ mới thành lập huyện cùng với những khó khăn chung của các ban ngành, CA Cát Tiên gặp rất nhiều vất vả và cũng do thiếu thôn đủ thứ nên đơn vị dù đã cố gắng song vẫn vấp phải những khiếm khuyết này

Đúng vậy, được sự hỗ trợ chỉ đạo sát của ban giám đốc CA tỉnh, CA Cát Tiên đã được chấn chỉnh từng bước về mặt tổ chức. Và chính vì lẽ đó mà đơn vị đã có những bước chuyển biến hết sức tích cực.

Có thể nêu ra một bài học kinh nghiệm về xây dựng đơn vị của CA Cát Tiên. Đó là tính chiến đấu và dân chủ trong đấu tranh tự phê bình và phê bình trước những sai sót của cán bộ và chiến sĩ; là sự sắp xếp, bố trí cán bộ đúng vị trí và chi bộ, lãnh đạo biết tin vào lớp trẻ; tạo điều kiện tốt cho lớp trẻ phấn đấu vươn lên ở cả hai mặt: chính trị và chuyên môn. Bởi vậy, trong những năm gần đây, từ một đơn vị và chi bộ trung bình và khá, CA Cát Tiên đã trở thành một đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ và là chi bộ đẹp trong sạch vững mạnh (1995)..

Mười năm qua, cùng với bước tiến trong công cuộc đổi mới của đất nước, huyện Cát Tiên đã khởi sắc, đổi thịt thay da; trong quá trình đi lên đó, chúng ta không thể không ghi nhận công lao đóng góp của những cán bộ, chiến sĩ CA vùng sâu, vùng xa vất vả này, những con người bằng chiến công thâm lặng đã tạo nên một Cát Tiên yên bình về TTAN và ATXH

■ V.H

ĐÀO TẠO CON NGƯỜI CHO TƯƠNG LAI

■ HOÀNG TIẾN DŨNG

Cát Tiên là một huyện miền núi, dân tộc, kinh tế mới vùng sâu vùng xa, nằm ở phía Nam tỉnh Lâm Đồng, đường sá đi lại khó khăn, đời sống kinh tế người dân còn nghèo... đã cản trở không nhỏ đến sự nghiệp phát triển giáo dục đào tạo con người cho tương lai của huyện nhà. Trong những năm qua ngành giáo dục tuy đã có nhiều cố gắng để nâng cao chất lượng, số lượng dạy và học, nhưng vẫn không thể vượt qua nổi những khó khăn - âu cũng là những cái khó khăn chung của vùng sâu vùng xa.

Theo số liệu thống kê của huyện số học sinh tiểu học, năm học 1990 - 1991 là 155 lớp với 4.862 HS, thì đến năm học 1994 - 1995 tăng lên 245 lớp với 7.566 HS. Cũng trong thời gian ấy, khối THCS từ 22 lớp, 785 HS lên 49 lớp với 2.079 HS; và số HS trung học phổ thông (THPT) từ 62 HS lên 340 em. Như vậy xét về mặt số lượng thì số HS tăng, nhưng cũng chỉ tăng theo với sự phát triển dân số. Và tỉ lệ chênh lệch HS ở các cấp vẫn còn cao, ở bậc THCS so với bậc tiểu học chỉ bằng 27,47%; khối THPT chỉ bằng 16,35% so với THCS. Do đội ngũ giáo viên thiếu, đặc biệt là giáo viên Ngoại ngữ và Tin học, nhạc họa... ở Cát Tiên dường như vẫn đang là "vùng trắng". Trong khi đó nhà nước chủ trương coi trọng việc dạy ngoại ngữ và tin học từ các cấp phổ thông. Giáo viên chưa được chuẩn hóa 100%, do đó trình độ không đồng đều, dẫn đến có hiện tượng bất cập về những khái niệm mới từ phía người dạy, phương pháp sư phạm còn lúng túng... và tất nhiên chất lượng giáo dục sẽ không

cao. Học sinh người dân tộc phần lớn chỉ học hết cấp I, chất lượng cũng thấp, năm học 1995 - 1996 vừa qua HS khá, giỏi người dân tộc chỉ đạt 7%, trong khi còn tới 35% là yếu.

Ở những vùng sâu, vùng xa, dân tộc và kinh tế mới là những nơi mặt bằng dân trí quá chênh lệch với cùng thành phố, thị xã, ở những nơi ấy số người mù chữ còn nhiều, nguồn đào tạo cán bộ khan hiếm, trình độ dân trí thấp... khó khăn trong việc tiếp thu các tiến bộ về khoa học kỹ thuật trong công nghiệp và nông nghiệp, trong các hoạt động xã hội...

Bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới, muốn phát triển KT-XH đi lên thì phải chú trọng chiến lược phát triển con người. Lê Quý Đôn nói "*phi trí bất hưng*". Đảng ta cũng đã xác định: *Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*. Giáo dục phải được coi là ngành sản xuất và tái sản xuất nhân tài cho đất nước, nó là một ngành kinh tế đặc biệt, tiêu biểu cho sức cạnh tranh về KT-XH... Nếu không có nó sẽ rơi vào tình trạng bị động, lạc hậu.

Như vậy, giáo dục là quốc sách, là trách nhiệm chung của toàn xã hội và của mỗi người dân... Nhận thức được vấn đề này. Đảng bộ và nhân dân huyện Cát Tiên đã tập trung sức người sức của và trí tuệ cho việc đào tạo con người cho tương lai.

Thực trạng giáo dục ở Cát Tiên hiện nay cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa về chế độ đối với giáo viên, với học sinh, sinh viên đi học. Cần đầu tư thỏa đáng về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học và sinh viên ra trường phải có nghĩa vụ với vùng sâu vùng xa... Nếu không ngành giáo dục ở những nơi ấy luôn luôn là người đi sau, sự yếu kém của một nền giáo dục, như đã nói ở trên sẽ làm kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội.

■ H.T.D



Lên tới thôn Năm, sau khi lặn lội một chặng đường dài. Chúng tôi chọn trụ sở Trạm Định canh định cư của anh Nguyễn Hồng Quy làm điểm dừng chân. Chẳng mấy khi có khách làng báo chí - phát thanh, truyền hình lên thăm, anh Quy vốn vã đón chúng tôi bằng tình cảm của người lâu ngày sống xa thành phố.

Từ ngày có chủ trương của Tỉnh, của huyện đưa vốn định canh - định cư giúp đồng bào các dân tộc thôn Năm ổn định cuộc sống, đã có bao lần cán bộ lên đây khảo sát tình hình. Đến năm

1990, anh Quy được cử lên, rồi trụ lại được - điều này phải ghi nhận như một chiến công. Vì có lên đây mới hiểu, ở lại để "3 cùng" với bà con không phải là chuyện dễ.

Môi trường, tập quán sinh hoạt và sản xuất của mỗi dân tộc ít người đều không giống nhau. Bà con dân tộc không có khái niệm về "nhà cao cửa



KHOI SẮC THÔN NĂM

Cô gái Thôn Năm. Ảnh: Toàn Thắng

■ DƯƠNG TOÀN THẮNG



Đông bào 4 buôn B'Nao, Vê Đê, Bù Sa, Bù giã Rá nhận quà của Hội Nông dân tỉnh tặng. Ảnh: Toàn Thắng

rộng". Đối với họ, một túp lều đủ che nắng, che mưa là đủ. Lều ông bà, cha mẹ rồi đến con cái, con trai trưởng thành đã dựng vợ, gả chồng cứ nối tiếp dựng bên nhau thành một dãy dài. Nương vườn cũng chia ô nọ kề cận ô kia. Tới mùa gieo trỉa thì hai tay hai cộc nhọn; thông trước, vợ cọn sau chọc lỗ và tra hạt. Thu hoạch nhiều ít là trông vào ông Trời. Nắng mưa thuận hòa thì bội thu, ngược lại thì thất bát. Thiếu ăn, thiếu mặc - Đối khổ quanh năm là lẽ thường tình. Nói đến đưa khoa học kỹ thuật canh tác, chăm sóc cây trồng với bà con thật là một chuyện xa lạ. Vì thế, khi anh Quy nhờ Tổng già làng và các già làng tập trung bà con lại để nghe phổ biến chương trình thay đổi vật nuôi, cây trồng cho năng

suất cao hơn, bà con cứ nhìn nhau ngo ngác.

Vậy là phải làm mẫu, anh Quy tình nguyện ở lại phá hoang trồng điều, nuôi bò, nuôi dê. Người đồng tình và mạnh dạn làm theo anh là Bí thư Chi bộ Đảng B'Ly, chi hội trưởng phụ nữ Năm Lôi và một nửa số Đảng viên của Chi bộ. Hai năm sau, cây điều trở bông, kết trái. Chưa thu hoạch được là bao nhưng đã có tiền. Bốn chú bò thành tám chú. Dê thì đã hơn chục con. Bà con tới coi, trầm trồ và nô nức tới xin giống làm theo. Cái gì cũng tới hỏi cán bộ Quy - Cán bộ Quy nói gì bà con cũng nghe, cũng làm theo.

Đoàn Cán bộ Huyện lên thăm, ai cũng khen ngợi, động viên, cổ vũ bà con. Các dự án dần dần được bổ sung.

Thế là đời sống của đồng bào nơi chiến khu xưa khởi sắc từ đây.

*

* * *

Tổng già làng K'Đôi sau khi đã hút cạn một sừng rượu cần, chuyển cần qua mời chúng tôi, tôi hỏi thăm ông về thu nhập của gia đình. Ông cười hóp má, chậm rãi từng lời: "Minh già rồi, con cháu nó làm thôi, chúng nó làm được nhiều thì mình có nhiều rượu để uống..." ông cười phá lên, cả buồn cười theo rộn rã một góc rừng.

B'Ren - cô gái 22 tuổi mặt tròn, thật dẻo tay pha rượu vô chóc mời mọi người. Tôi hỏi cô bao giờ lấy chồng? Cô cười hễn lên: "Không ai lấy mình đâu, chờ khi nào vườn điều mình cho trái như nhà K'Men, K'Lúc đã, rồi mình sẽ tính..." À! Thì ra con trai, con gái thôn Năm đã biết say sưa tính chuyện làm ăn hơn chuyện lấy chồng, lấy vợ.

Tôi xà vào bóng mát vườn điều, ở đây các bạn thanh niên ngồi quây quần bên nhau chuyện trò rôm rả. Người thì nói

"Phải lấy vợ, lấy chồng, để nhiều con để đứa lớn trông đứa bé, bố mẹ rảnh tay chăn nuôi, trồng trọt. Nhà đông người làm vườn mới chóng xong". Có người lại nói: "Để ít thôi để khỏi vất vả, để nhiều không làm kịp nuôi con, nó chết đói, chết bệnh là mình có tội với Yàng".

Tôi đưa mắt nhìn sang Anh Thuật, Chủ tịch Hội Nông dân Huyện Cát



Gia đình anh K'Lúc đã có thu nhập 18 triệu 1 năm nhờ trồng điều và chăn nuôi bò đàn.
Ảnh: Toàn Thắng

Tiên, anh suy nghĩ ra vẻ mung lung rồi chậm rãi: "*Chắc phải tính chuyện lập tổ đối công, các gia đình luân phiên giúp nhau, khỏi tính chuyện đê nhiều*".

Mọi người ò lên "*Trúng rồi!*" Cao húng, cần rượu liên tiếp truyền tay nhau, chẳng mấy chốc chốc rượu cạn, lại tiếp men, chế nước tràn đầy.

*

* *

Chú lái xe có tên Phong gửi xe dưới chân núi, leo lên cùng chúng tôi "*gọi là cho biết Thôn Năm*", giờ đang gieo mình trong vũng ngủ như chưa được ngủ bao giờ. Sau hơn 6 giờ đồng hồ đi bộ, leo núi lại mang vác nặng, sức vóc trai chưa vợ, vô tư, đặt mình là ngủ, có việc là làm. Tiếng con gái réo rất đều nhà làm anh chàng giật mình choàng tỉnh: "*Trời đất! Con gái dân tộc thôn Năm mà sao cũng biết thoa son phấn nè!*" - "*Thắc mắc thì ra mà hỏi*". Cậu ta xấp vô liến, 5 cô gái trẻ đi lẫn trong đoàn người con bé con đeo lên nhà cán bộ Quy thăm chúng tôi. B'Hoa có cặp môi xoa son hồng, đôi má bầu bĩnh nhờ đánh phấn mà trắng hơn cổ. Cô vui vẻ kể chuyện mình đón anh chàng lái xe buôn bò từ Ba Vì vô đây, bò sữa đây. Đang lang thang giữa phố huyện Cát Tiên, vâng! cái thị trấn Đồng Nai ấy, thì gặp các cô gái trẻ Thôn Năm đi bán hạt điều. Lúc đầu chỉ là tán chuyện làm quen cho vui, càng hỏi thăm càng bật ra nhiều nhu cầu kinh tế, nhàn và lã hơn cả buôn bò.

Anh chàng người Kinh quê gốc ở Thủy Nguyên - Hải Phòng ấy, sau vài chuyến chở máy bơm nước, máy xay xát Trung Quốc mua từ Quảng Ninh vào bán. Lại thấy đất đai cao nguyên màu mỡ, làm chơi mà ăn thật nên ở lại, xin cưới B'Hoa, làm một căn nhà tranh tre nửa lá ở bìa rừng, trong diện tích 1000 ha canh tác theo qui hoạch, anh chị được phân 1800m² trồng điều. Năm năm trôi qua, nhà đã có máy xát, ti vi chạy bằng ắc qui, xe máy Simson. Một trong mười nhà có thu nhập 18 triệu đồng/ năm của Thôn Năm đây. Anh vừa đi Đồng Nai bán điều mới về còn mệt, nhưng lại hằng hái giục B'Hoa nhanh chân cùng chị em ra nhà cán bộ Quy chào các khách quý. Anh còn giúp vợ trang điểm đẹp và dặn khi các nhà báo quay phim, chụp hình thì phải tươi cười cho rõ cái lúm đồng tiền mới xinh. Tôi bấm máy lia lịa và cả quay camera khi B'Hoa nói chuyện. Nhớ lời chồng, cô không quên cười tươi, cái lúm đồng tiền hiện rõ ở nơi người đã có tiền.

Chị Năm Lôi - Chi hội trưởng Phụ nữ thôn Năm nói rằng: Ở thôn Năm đã bỏ tục cúng ma, khi ốm đau đều đã biết ra trạm xá. Bệnh tật đáng ngại nhất ở vùng này vẫn là sốt rét, chị cứ nhắc đi nhắc lại với chúng tôi yêu cầu Nhà nước, Chính phủ cho tiền xây giếng nước sạch cho mọi nhà, đừng để mọi người ăn nước suối mãi thế này chết oan vì sốt rét. Chị còn nói về yêu cầu

làm đường, sửa đường từ Gia Viên lên thôn Năm. Vâng! Con đường lên thôn Năm thì chúng tôi đã ném trái và ngày mai xuống núi về với Đà Lạt mộng mơ, chúng tôi còn được ném lại một lần nữa. Đặt bút viết mấy giòng này, hai bắp chân tôi như lại muốn nổi cục ê chề...

*
* *

Năm 1991, cả thôn mới trồng 15 ha điều, năm sau tăng gấp đôi. Năm sau nữa đã lên đến 100 ha. Còn hôm nay, 474 ha điều đã trồng, trong đó hơn 200 ha đã cho thu hoạch. Giá 4000/kg là giá thu mua tận gốc. Kể ra như thế là thấp nhưng nghĩ đến cái công leo trèo lội suối của người mua thì ai muốn thối mắc gì. Và như già làng Bù Sa tâm sự thì: cách đây 2 năm thôi, làm gì người dân chúng tôi có đồng tiền nào trong người. Giờ có tiền dắt lưng đi chợ, xuống núi mua muối, mua Đai, mua gạo. Đêm đêm quây quần bên bếp lửa, bung chén cơm đầy, trẻ già nhìn nhau cười rơi nước mắt.

Chủ tịch Hội nông dân Thôn Năm là K'Mập ngồi lại với chúng tôi tới khuya. Anh cho biết tình hình đời sống của bà con ngày một khá hơn, niềm tin có một thời bị giảm sút vì ngày trước nơi này là chiến khu. Cán bộ nhớ ơn đồng bào nhiều lắm. Ra đi hứa nhiều điều lắm mà 20 năm giải phóng miền Nam rồi, Huyện Cát Tiên thành lập 10 năm rồi, lớp cán bộ Cách mạng đã già,

đã nghỉ. Lớp cán bộ mới kế tiếp ngày một sung sức, dồi dào kiến thức khoa học hơn mà lời hứa ngày xưa ấy vẫn chưa làm được là bao. Bà con thì hết lòng, mà chúng ta thì có thể "*Lực bất tòng tâm*".

Giờ thì lòng tin đã trở lại, cán bộ Đảng viên mình phải có trách nhiệm giữ lấy lòng tin ấy cho đồng bào. Nói thì dễ mà làm thì khó. Cái đức hy sinh bây giờ đâu còn được như xưa.

Bà con kéo đến xem nhờ Tivi của Trạm Định canh định cư, cả Thôn mới sắm được 7 tivi. Trạm xá mới có một y sĩ, 5 phòng học xây bán kiên cố với 154 học sinh được áp dụng nhiều biện pháp hành chính và kinh tế với cha mẹ để được duy trì sĩ số.

Đàn bò trên 400 con tung tăng các vườn đồi gặm cỏ, Thôn Năm vui cảnh, vui người. 185 hộ với 864 khẩu bắt đầu ổn định cuộc sống, xa rời cái cảnh lầm lũi, lang thang, đốt rừng làm nương rẫy. Dầu còn bao việc trước mắt và lâu dài do dân, vì dân. Nhưng chỉ Ban Dân tộc - miền núi, Ban Định canh - định cư v.v... chắc không thể làm xuể. Một chuyến đi, một ghi chép nhỏ này chẳng là cái gì so với công lao to lớn của đồng bào các dân tộc thôn Năm với Cách mạng. 10 năm kỷ niệm huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng hình thành với không ngừng lớn mạnh. Tôi xin lan man góp vài dòng để kể về sự "*Khởi sắc thôn Năm*".

■ D.T.T



Cầu Suối lớn vào thôn Phước
Thái. Ảnh : P.T.M



Dâu xanh Vĩnh Ninh (Phước
Cát II). Ảnh: Tô Minh

Nơi cuối đường 721

■ TÔ MINH



**Truyện cổ Tây Nguyên kể: xưa, tộc người Chăm lấn chiếm
giang sơn người Mạ. Nơi xảy ra quyết liệt là ngã ba Ma Đa
Gui bây giờ. Từ ngã ba, một con đường đến với đất Đạ Tẻh,
Cát Tiên - con đường 721. Bám theo sông Đong Nai, Tỉnh lộ
721 vươn dài đến km 60. Nơi kết thúc là 2 thôn của xã Phước
Cát II: Phước Thái và Vĩnh Ninh - Đoi đất cuối cùng của Tây
Nam Lâm Đồng đó là buồn vui, lặng lẽ....**

Chiếc xe máy lên đồi, xuống khe, quăng quật mãi mới đưa tôi đến được Suối Lớn - mảnh đất Phước Thái. Cầu gỗ sập hơn hai năm nay, cầu "mới" chỉ là những cây tre xiên xẹo. Bỏ xe lại, tôi chập chững bò qua cầu như trẻ lên hai. Hú vía. Giữa trưa nắng chang chang, một mình đi trong vắng lặng thú thực, cảm giác lạnh lạnh chạy trong người. Người đầu tiên của "biệt khu" tôi gặp là anh Vinh quê ở Đức Thọ, Hà Tĩnh. Ôn trời, tình đồng hương nơi rừng rú làm cho tôi và anh trở nên thân tình mau mắn. Vinh vòng vèo đưa tôi đến nhà thôn trưởng người Tày Đàm Xuân Hàm mà chính anh lại nhầm là thôn phó (!). Các anh không tin tôi là nhà báo "chịu vào" nhưng mãi rồi câu chuyện cũng được khơi dần, hòa hợp trong khói thuốc lèo.

Phước Thái có từ 146-157 hộ, khoảng 665 khẩu (vì biến động liên tục) gồm các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mường, Mông và Mán. Chẳng cần khai báo, người ở kẻ đi trưởng thôn không quản lý được, nhất là những hộ nông dân trồng dâu nuôi tằm. Thất lạ, anh Hàm nói: "Người trồng dâu là bên xí nghiệp dâu tằm họ nắm, khoảng 70% còn 30% làm nông là tôi nắm". Nhưng dù tằm tang hay làm nông, loay hoay luẩn quẩn rồi người ta cũng "chuyển dịch cơ cấu"... lên rừng. Nếu trúng tằm ít bệnh, mưa gió thuận hòa thì tháng được 30kg kén, giá 16 ngàn, tính ra gần 400. Nhưng niềm vui đó cũng thật hiếm hoi vì trúng thường vôi, mù... giá lạt cao. (60 ngàn/hộp) làm ra lỗ vỡ mặt. Mùa mưa gần như thất bát thảm hại. Giá khoán tằm 1 triệu/sào, khó thanh toán nổi. Nợ "ông xí nghiệp" chồng chất kiểu như ông Bùi Như Quý chưa có ngày hẹn trả.

Thật nghịch lý, ở nơi thâm sơn cùng cốc này mà người dân không có đất trồng rau ăn bởi vì đặt cuốc vào đâu cũng chạm đất "ông dẫu tầm khoán trồng dẫu không cho trồng loại khác". Còn làm nông cũng nhờ trời. Trung bình mỗi mùa được 3,5 - 4 tấn bắp/hộ, cá biệt có hộ ông Hứa Văn Cờ đạt 15 tấn. Giá 600 đ/kg hạt tươi hỏi sao không đói. Nuôi gà, lợn thì dịch nhiều, bò phát triển được thì không có bãi cỏ ăn. Vậy là "đầu gối phải bò vào".... rừng. Lò ô, tre, gỗ, thú rừng mạnh ai nấy khai thác. Chê tầm nhang 15 tiếng được 12 ngàn, một con tê tê từ 160 -180 ngàn. Đứng là "rừng vàng ai đó bán đi". Anh Hàm không giấu bức xúc: "Phước Thái chúng tôi nhiều rừng vậy nhưng không ai được nhận vốn 327. Rừng không phải của dân nên họ phá. 327 không có nên chúng tôi thiệt, cầu cống, trường học... không có tiền sửa. Một cái cầu khỉ huy động mỗi hộ 5 ngàn mà 2 tháng mới bắt nổi.". Hiện nay, Phước Thái 50% hộ đủ ăn, 30% bắp bênh còn 20% bữa cơm, bữa cháo.

Con đường 721 vốn đã ọp ẹp, nơi cuối cùng này càng không thành đường nữa. Từ thôn Phước Thái vào Vĩnh Ninh 721 tóp lại thành một lối nhỏ như lối lên nương. Đứng là đầu voi đuôi chuột. Chiếc xe đạp "ở trần" của anh Hùng cho mượn chốc chốc lại hết lần bánh, treo trên vai tôi cùng vạch lối mở đường. Hỏi ra mới biết, người dân ở

đây cũng như Phước Thái ra khỏi địa phận chủ yếu bằng đường sông. 176 con người của 36 hộ Vĩnh Ninh cùng dân Phước Thái đi ra thì ít đi vô thì nhiều. Ra là ra ủy ban xã, chợ Phước Cát 1 (2 ngày một phiên) hoặc mười lăm học trò đi học là theo đường xuống.

Đường xá khó khăn lại thiếu ăn, thiếu mặc nên trẻ em Phước Thái, Vĩnh Ninh thêm phần đói chữ. Cả huyện Cát Tiên có 50 giáo viên tiểu học hợp đồng, trong đó chỉ có 10 người có bằng sư phạm. Bởi vậy, 2 thôn nơi này cũng không nằm ngoài tình trạng đó. 5 giáo viên trong đó chỉ 2 đã qua lớp sư phạm. Ở Phước Thái, 34 em học lớp một, 27 em học lớp hai, 28 lớp ba và 26 lớp bốn. Còn mẫu giáo, đầu năm 35 em, cuối năm còn 26 do giấy khai sinh không có, đi lại khó khăn và gia đình ít để ý. Phòng Giáo dục đã cho xây 4 phòng khá tươm. Còn Vĩnh Ninh đến cuối năm 1995 mới mở được lớp học (ghép 1 - 2 - 3) 13 em bỏ mất 2, lớp học là mái tranh, vách nứa, ghé ngồi ghé bằng 2 thân tre. Cả thôn có 50% là lớp 4 và 5, 20% là lớp 6 và 7, cao nhất là lớp 8. Học trò Phước Thái, Vĩnh Ninh học lớp 5 cách 5 -8 km, lớp 6 phải ra tận Phước Cát I. Bởi vậy, mùa mưa hầu như các em đều bỏ học. Cô Nguyễn Thị Phú quê ở Gia Viễn, Ninh Bình cho biết: " *Biết dân mù chữ nhưng không nắm được do bất đồng*

ngôn ngữ, lớp xóa mù thì chưa mở được. Học sinh chỉ học hai môn văn và toán, các môn khác gần như bỏ". Anh Hàm phải thú nhận khi làm việc mới biết dân mù chữ còn thì không nắm được.

Chuyện học là vậy còn y tế? May mắn là mấy năm nay không có người chết vì sốt rét. Hàng tháng, cán bộ y tế có vào thôn khám bệnh và cho thuốc. Nhưng có điều này, ông Nguyễn Văn Phú thôn trưởng Vĩnh Ninh cho biết: "Từ năm 1992 đến nay chưa có lần nào cán bộ vào thôn làm KHHGD". Đây cũng là lý do đẩy tỷ lệ sinh lên cao. Kể vài trường hợp đó là Chị Nguyễn Thị Thiều, Trịnh Thị Tâm 6 con ở tuổi 38 (Thôn Vĩnh Ninh) Anh Hồ Văn Bến, Bùi Văn Thanh cũng 37-38 tuổi 6-7 con (Thôn Phước Thái)... Tảo hôn, riêng Phước Thái có đến hơn 10 hộ, lấy nhau không đăng ký vì chưa đến tuổi. Còn thôn trưởng Vĩnh Ninh thì khẳng khái: "Nhà nước qui định nữ 18, nam 20 lấy nhau, ở đây nhiều người toàn 23, 24 tuổi mới lấy, toàn quá tuổi ??(!)" Nhà ông có tivi nhưng ông trả lời bằng nụ cười xuề xòa: "Xem nhưng không để ý". Hai thôn có 15 chiếc ti vi, khoảng 30 chiếc radio, còn báo mỗi ông Phú có. Nhưng mỗi năm đi họp xã vài ba lần thì hỏi đâu ra báo. Bởi vậy, ông cũng chẳng hiểu "cái 36" "cái 87" là gì, thậm chí dự án 327 cũng "chưa

nghe" (hoặc nghe mà quên).

Nơi "đường cụt" này dân tú tán hơn chục tỉnh về trú ngụ. Đồng bào Tây Bắc cũng chẳng còn com lam áo chàm cũng như bao vùng đất khác trong Lâm Đồng, những lễ lạt, hội hè văn hóa của dòng người di cư hòa tan đến mức mất hẳn. Anh Hàm thú nhận: "Chỉ giữ lại tiếng nói cho bọn trẻ, còn bỏ hết". Cũng may, tuy cờ bạc, rượu chè còn có nhưng họ không có hiềm khích mâu thuẫn: "Người chúng tôi còn đi làm thuê và lấy người Sông Bé bên kia mà" Anh Hàm nói thêm.

Một ngày không xa những chiếc phà, nhíp cầu sẽ nối Cát Tiên (Lâm Đồng) Bù Đăng (Sông Bé) thành một vùng đất hứa.

Vâng, bây giờ, bên kia sông là xã Thống Nhất huyện Bù Đăng - vui hơn, khá giả hơn. Dòng nước Đồng Nai nâu sậm lá rừng lững lờ trôi, tôi chạnh lòng nghĩ tới kiếp người khốn hoang. Mấy năm trước bao nhiêu người tru không nổi đến lại rồi đi. Bây giờ Cát Tiên khó khăn còn chồng chất đống nhưng ngày một đã đông vui, tất cả cùng nhau đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa. "Phước Thái" là tốt lành, màu mỡ, "Vĩnh Ninh" là yên ổn, bền lâu. Trí Đăng, lòng dân sẽ tạo dựng nên thực sự là Phước Thái - Vĩnh Ninh. 721 sẽ không còn là "đường cụt" mà trải dài, vươn xa....

■ I.M

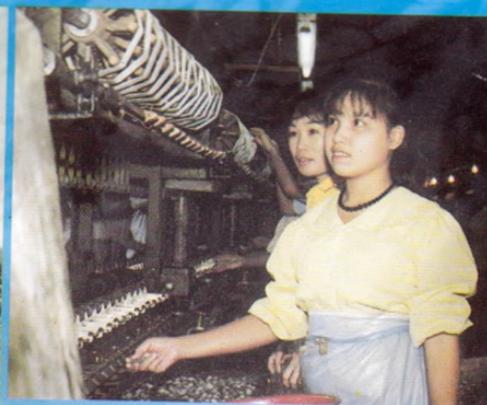
Lời cuối sách

● Như tên gọi, đặc san "Cát Tiên - 10 năm hình thành và phát triển" là một ấn phẩm đặc biệt ra đời nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập huyện Cát Tiên. Toàn bộ nội dung cuốn sách, trong khả năng cho phép, chúng tôi đã cố gắng khắc họa về lịch sử hình thành và phát triển, truyền thống đấu tranh anh dũng, những tiềm năng sẵn có, những suy tư, trăn trở trên bước đường xây dựng huyện Cát Tiên...

● Kỳ vọng vô cùng nhưng trí lực và thời gian hạn hẹp, những người thực hiện đặc san xin được chia sẻ và cảm thông với những khiếm khuyết không thể tránh khỏi.

Nhân dịp này, Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Cát Tiên và Ban Biên tập đặc san xin chân thành cảm ơn: đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Chủ tịch UBND Tỉnh, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Sở VH-TT-TT, Báo Lâm Đồng, Nhà in TTXVN, các nhà nghiên cứu, nhà báo, nhà văn... đã nhiệt tình giúp đỡ cho tập sách sớm được ra đời.

■ **BAN BIÊN TẬP**



- 1/ LỬA MỠ
2/ CÔNG NHÂN ƯƠM TƠ XÍ NGHIỆP DẦU TÂM TƠ CÁT TIÊN
3/ MÙA THU HOẠCH ĐÀU Ở PHƯỚC CÁT 2 (ẢNH THUY THANH)
4/ NGHỀ NUÔI CÁ BÈ Ở THƯƠNG NGUỒN SÔNG ĐỒNG NAI (ẢNH Đ A N)
5/ CÁT TIÊN PHÁT TRIỂN ĐÀN GIA SÚC LỎN (ẢNH Đ A N)



